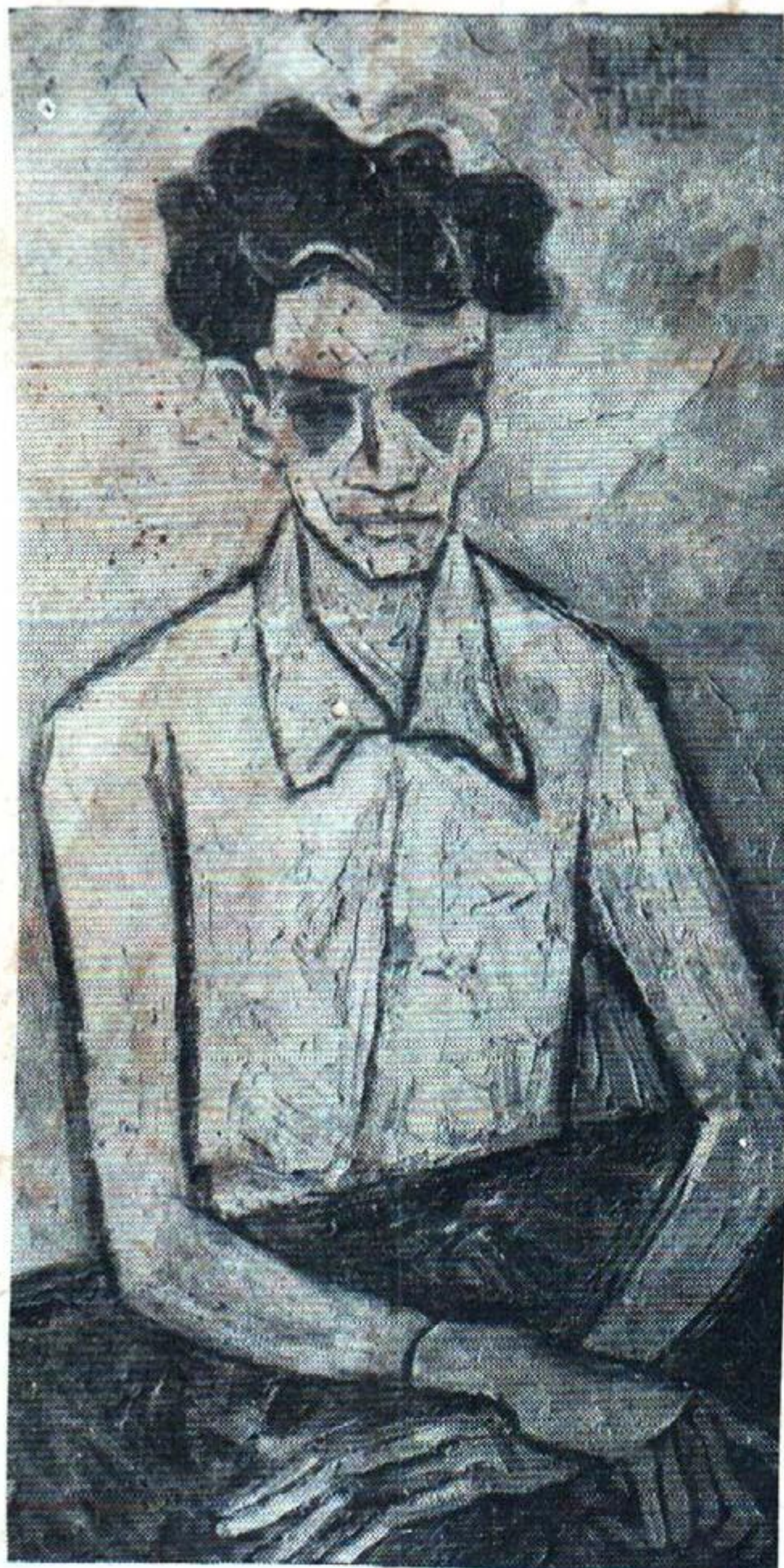


Sáng tạo

những kỷ niệm về quách thời



DUY THANH:
Thi sĩ Quách
Thời - sơn dầu
(0,50 x 1,00) 1956

bộ mới . số 5 . tháng 11-1960 . giá 15đ

Bộ Biên Tập :

ĐOÀN QUỐC SỸ • DUY
THANH • MAI THẢO
NGUYỄN SỸ TẾ • THÁI
TUẤN • THANH TÂM
TUYỀN • TÔ THUY YÊN
TRẦN THANH HIỆP

SÁNG TẠO

diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay

tháng 11-1960

bầy tác giả

1 kỷ niệm quách thoại

lê huy

thái tuấn

quách thoại

đoàn quốc sỹ

viên linh

thanh tâm truyền

alberto moravia

cung trầm trường

vĩnh lộc

thạch chương

nguyễn sỹ tế

21

33

39

56

59

75

80

82

97

103

.....

..... bài thơ tình đầu tiên

nữ bér

trong giấc mộng lán

thềm sương mù

hai người bạn

tật nguyên

khoảng lộ trình cũ

giới thiệu một nhận thức

siêu thực về nghệ thuật

chết trong tâm hồn

CHỦ NHIỆM : MAI THẢO

QUẢN LÝ : DẶNG LÊ KIM

SỐ 5

Tòa soạn và trị sự : 133ⁿ Kỳ Con Saigon

KỶ NIỆM QUÁCH THOẠI

THANH TÂM TUYỀN, TRẦN THANH HIỆP, DUY THANH, HỒ NAM, NGỌC DŨNG, LÝ HOÀNG PHONG, MAI THẢO.

Mấy tháng sau ngày Thoại chết, Duy Thanh với tôi thường có cùng một ý nghĩ là Thoại chưa chết, hẳn đùa cợt anh em bỏ đi biệt tích một thời gian, rồi bữa nào đó bất chợt hẳn có thể xuất hiện ngồi ở ngoài bàn đầu hè Kim Sơn (đầu chái mướt hay bù xù, hai cánh tay không khoèo vất trên gối với nụ cười nở rộng cả mặt mũi) vẫy gọi chúng tôi rồi rít hay khoác bộ áo cà sa thông thả dạo bước trên vỉa hè Lê Lợi lẫn giữa đám đông (với bộ dạng tu hành hẳn nhìn chúng tôi, những kẻ đầy hệ lụy, bằng cặp mắt thương hại buồn cười) dưới tay cấp tập bản thảo « Những bài thơ tình đầu tiên. » Một lần tôi nằm mộng gặp hẳn trên một chuyến xe lửa, đứng đằng sau toa cuối cùng, hẳn cười toe toét hỏi : « Các cậu tưởng *moa* chết thật hả ? » và lúc ấy tôi giận vô kể. Tôi nhớ cái giọng cười tắt dần theo những tiếng « *khí khí* » trong cổ họng để lại bắt đầu nhịp mới (bây giờ thỉnh thoảng Ngọc Dũng cũng hay cười như thế, không rõ có phải hẳn đã thừa hưởng được của Thoại lối cười ấy không ?), khi hẳn thuật lại cho tôi nghe có một hồi bệnh nặng hẳn phải về Huế tĩnh dưỡng, ở Sài-gòn một tên tướng Thoại đã chết viết truy điệu hẳn đăng trên một tờ báo (năm đó tôi chưa vào Sài-gòn), Thoại cho rằng không gì thú vị bằng được đọc những bài viết về mình chết (hay tưởng là mình đã chết cũng thế).

Tôi thường ví Thoại là một thứ Oscar Wilde. Nghèo mà thích chải chuốt, diện, thích ở ô-ten, ngồi nhà hàng sang trọng. Ít khi người ta thấy Thoại ăn mặc cầu thủ, trừ mái tóc lúc nào thiếu tiền thì bù rối lên nhưng lại là vẻ đẹp riêng; vừa xin được chúng bạn vài chục bạc đã có thể rủ một người khác vào ngồi La Pagode hay Aux Délices rồi. Hồi còn ở nhờ khách sạn Đại Nam, ăn cơm tháng chịu, đã có lúc Thoại cả gan mượn một cô thư kỹ, một cô bé có máu lai ngộ nghĩnh,

về đánh máy bản thảo cho mình, (cái máy chữ Mai Thảo cho tôi, tôi không dùng đưa cho Thoại, túng tiền Thoại từng đi gạ bán nó lấy ba trăm bạc chẳng ma nào thêm mua, nghĩa là một cái máy chữ chỉ đáng vứt vào hàng đồng nát). Thuộc loại đãng tử, Thoại mơ mộng quá thể bởi thể hân ưa tưởng tượng dựng đứng nhiều chuyện như thực để lừa mình và lừa người khác, Thoại là thứ *mythomane*. Vào dịp người ta chuyển hải cốt của cụ Cường Để về nước, Thoại khoe với chúng tôi là cụ Cường Để còn một gia tài rất lớn ở bên Nhật và theo di chúc của cụ Thoại được hưởng một phần nhỏ trong ấy — chừng triệu bạc — hân bàn với chúng tôi dự tính sử dụng số tiền để hoạt động: ra báo, mở nhà xuất bản, treo giải thưởng văn chương v.v... Đến bây giờ chúng tôi vẫn ngạc nhiên là tại sao hồi ấy chúng tôi lại có thể tin những điều vu vơ như thế được. Bởi thể đọc lại tác phẩm của Thoại, tôi nghĩ — những Như Băng, những Thu Sương, những nàng Thơ của người thi sĩ ấy, chắc cũng chỉ là sản phẩm của tưởng tượng. Nhân thể tôi cũng muốn nhắc lại cho ai sau này muốn nghiên cứu thơ Quách Thoại một điểm quan trọng mà thi sĩ vẫn lấy làm tự hào về mình: Thoại thường nói với tôi, nguồn thơ của các thi sĩ ngày nay khô mà cạn được bởi trong nhà thơ còn có sự chung đụng của một nhà tư-tưởng, một chiến sĩ. Kỷ niệm quý báu nhất Thoại để lại cho tôi là những người bạn còn sống, thứ cần thiết cho một đời sống cô đơn, như Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Trần Lê Nguyễn, nhờ Thoại mà tôi gặp gỡ những người ấy. Sinh thời Thoại giao thiệp rất dễ dãi, với bất cứ ai, chơi với Thoại tôi phải tiếp xúc với những người mà lý ra để mình tôi, tôi không bao giờ chạm vào tay họ cả. Nhưng bù lại cái nạn Thoại bắt tôi phải chịu, Thoại đã mang tới cho tôi anh chàng Duy Thanh ngổ nghể như Tàu, anh chàng Ngọc Dũng công tử Chí Hòa, « cụ » Thái Tuấn móm mém, anh chàng « kịch còm » khó chịu Trần Lê Nguyễn. Mỗi lần chúng tôi nhắc lại những cảm tưởng của buổi gặp mặt đầu tiên với nhau, đều có Thoại ở bên. Duy Thanh đội mũ dạ chòm hụp cặp mắt trợn trừng đến thăm tòa soạn Dân Chủ với Thoại, ngồi ngay bành choẹ ở bàn giấy. Ngọc Dũng cười cười, cái cười cầu tài (tính từ của Mai Thảo) làm tôi phát ghét, làm tôi với Doãn Quốc Sỹ giữa một buổi tiệc trà tại một câu lạc bộ văn nghệ độ nào. Thái Tuấn lủ rủ trong phòng họa quảng cáo Tư Mỹ. Trần Lê Nguyễn gây với tôi về chuyện kịch vào một buổi tối ở một quán ăn ngoài hè đường La Somme, lúc ấy có Thanh và Thoại, (anh chàng này đầy những dự án là thứ tôi ghét cay ghét đắng).

Thoại có một giọng đọc thơ đặc biệt trước kia tôi ưa nhại, hôm nay tôi quên hẳn không thể nào lập lại được nữa. Tôi đồng ý với Thoại : *Những người chết đi là chết đi*, rồi một ngày nào chúng tôi, những người còn sống, dần dần quên lãng những kỷ niệm riêng tư về

Thoại cũng là tự nhiên. Nhưng lúc ấy, theo ý tôi, người chết chính thực được giải thoát khỏi mọi cùm xích của bẻ bặn thân thuộc, một mình hoàn toàn tự do và cô đơn đến với những kẻ xa lạ chỉ bằng tác phẩm. Đó là giờ phút ước ao, ở đấy hình ảnh thi sĩ chỉ còn tìm thấy được trong tác phẩm của người.

thanh tâm tuyền

Chúng tôi chia tay nhau trên hè phố khi trời bắt đầu tối. Mỗi ngày lúc này thường là lúc chúng tôi tìm gặp nhau và sau nhiều ý kiến bất đồng chúng tôi đồng ý về một sự lựa chọn nào để dùng cho hết thời gian của một phần đêm. Sự nhân nhượng lẫn nhau không khó khăn gì, mặc dầu sự ưa thích của mỗi chúng tôi nhiều lúc trái ngược nhau chúng tôi vẫn có thể cùng ưa thích một thứ trong một lúc. Vì sự thật có làm một việc gì chẳng nữa cũng chỉ để kiếm một cớ, một dịp nhin ngó vào sự sống.

Đêm nay, tôi trở về nhà sớm hơn thường lệ. Mấy người bạn khác rủ nhau đi *chiếm ngưỡng một dung nhan*. Chỉ nghe nói thế thôi, thực sự chẳng biết dung nhan ấy ở đâu và ra sao. Thật là đau xót cái lối phải tạo ra một cuộc đời để quên cho được những nhớ bần ở cuộc đời. Và ai cũng biết là chính mình đang lừa dối mình, nhưng càng thấy cần phải đi sâu vào sự lừa dối ấy. Khi nghĩ đến một người bạn, chắc hẳn phải hợp mặt với chúng tôi trong những chuyến đi này nhưng lại vắng mặt vì đã chết — Quách Thoại — tôi muốn gọi những chuyến đi ấy là những cuộc thám hiểm. Thám hiểm vì mục đích của nó, vì cái giá rất đắt phải trả. Có thể là cả một sự đảo lộn tâm hồn và có thể là sự tiêu vong của đời sống : *Trường hợp Quách Thoại*.

Cũng vào một đêm, tôi đến thăm Quách Thoại tại một khách sạn, khi nghe tin Thoại vừa thổ huyết. Chúng tôi cùng đi mấy người, sau một hồi nói chuyện vãn, chỉ còn tôi ở lại với Thoại. Đêm đã khuya, Thoại nằm úp mặt xuống gối, giây lát Thoại xoay trở dậy. Ánh đèn xanh càng làm tăng thêm vẻ đau ốm trên sắc mặt xanh nhợt của Thoại. Mái tóc Thoại xòa xuống tận má. Đầu giường Thoại, một trống sách dọc dờ dang. Quyền nào cũng thấy chữ ghi của Thoại đầy rẫy. Ngoài phòng Thoại một người con gái tựa lan can nhìn phố quay lưng vào trong. Tôi chợt liên tưởng tới cái chết của Thoại. Và tôi hỏi Thoại : Đã muốn chết chưa. Thoại đưa mấy ngón tay vuốt tóc nhìn tôi muốn cười. Bắp

thịt mặt Thoại dường như khô cứng thành thử nụ cười có vẻ gượng gạo, nhưng tiếng Thoại trả lời bình tĩnh : « Tôi thường nghĩ đến sự chết nhưng chưa bao giờ muốn sự chết đã đến với tôi. Thật ra sự chết chỉ là một giới hạn của thể xác, không thể ràng buộc linh hồn ; nhất là linh hồn lại không thể chết trước khi thể xác chết. » Thoại ngã lưng tựa vào thành giường sắt đã cũ giường chuyển động thành những tiếng kêu khô khan. Tôi nhắc đến việc thơ của Thoại có nói tới Thượng Đế. Thoại tìm trong đồng sách ở đầu giường đưa cho tôi một cuốn : « L'homme, cet être unique » của Julian Huxley. Cậu cầm về mà đọc — Thoại thường gọi tôi bằng tiếng cậu — Tôi mới đọc xong. Để xem một nhà sinh-vật-học nghĩ về cuộc đời như thế nào. Có một đoạn rất ngộ nghĩnh bàn đến sự tranh luận giữa hai người : nhà thần-học và nhà triết-học về các vấn đề của đời sống. Nhà thần học lên tiếng chế diễu nhà triết học rằng người này giống như người mù trong căn phòng tối đi kiểm một con mèo đen thực sự chẳng bao giờ ở đó cả ! Nhà triết học cũng chẳng vừa, tấn công lại : Có thể là như vậy, nhưng nếu một nhà thần học thì có lẽ đã tìm thấy con mèo rồi ! Chúng tôi cùng cười.

Cuộc nói chuyện kéo dài hết một đêm. Tôi cũng chẳng ngờ là tôi gặp Thoại lần chót.

Thoại đã chết. Nhưng đời sống vẫn còn đó, đêm vẫn còn đó. Thoại đã làm cho tôi càng cảm thấy đêm thật là cần thiết cho việc ngó nhìn sự sống. Vì cái ánh sáng đặc biệt của nó có thể cho nhìn thấy nhiều sự thật mà ánh sáng của ban ngày che phủ rất kín. Như sự sống của thể xác che đậy cái chết của linh hồn.

Thoại có nghe chăng những lời nguyên rủa của bọn người sống mà chết ấy khinh rẽ Thoại. Hỡi là một người hèn mọn chỉ than khóc cho sự bất lực của con người — tôi hiểu vì sao Thoại khóc — nếu quả thật sự chết của thể xác chẳng có nghĩa gì như Thoại đã nói.

trần thanh hiệp

hắn là một thứ người loại hư vô, mộng với thật lẫn lộn đến nỗi không biết lúc nào người ta nên tin hắn hay không tin hắn nữa. Đó là những lời mà tôi có lần nói với bạn bè khi còn sinh thời Quách Thoại. Về sau này ngẫm nghĩ lại những sự tưởng tượng của Thoại thấy cũng hoang đường thật. Vậy mà trước nhiều khi tôi vẫn tin, có lẽ do sự say mê của chàng khi nói với tôi. Trong thời gian quen khoảng hai năm trời

thì Thoại « ra báo » hoặc « in thơ » có đến vài chục lần chứ không ít. Khi thì người này bỏ tiền, khi thì người khác. Hoặc chàng sắp có những số tiền lớn từ đâu đâu lại không rõ. Trong khi sự thật vẫn nghèo kiệt sác mà toàn những chuyện hư vô một cách rất thành thật trong đầu. Bị nhiều lần tin hụt như thế nên có khi tôi cũng tàn nhẫn bảo rằng « anh lại bịa chuyện cho tôi nghe hử ? » Rồi chàng ta buồn, cãi lấy cái đề cho là tôi không biết gì. Giá có gặp ai nhất định là phải « chửi » tôi cho bỏ ghét rồi. Gì chứ cái sự chửi rửa người khác một cách rất cynique cho xả hơi thì tôi được nghe nhiều lắm. Có quen đi thì còn được, chứ tôi chắc ai gặp chàng ta dăm lần như vậy cũng ớn xương sống.

Tôi gặp Quách Thoại lần đầu vào khoảng cuối năm 1955 (tháng 10 hay tháng 11 gì đó) ở tòa báo Thời Đại — Việt Chính. (Hồi ấy tôi giữ chân minh họa cho tờ Việt Chính). Làm đến hai tuần tôi mới trông thấy một chàng ngồi ở một góc một mình không nhìn ai cả. Hỏi mấy người quen trong tòa báo mới biết đấy là Quách Thoại. Cái tên Quách Thoại thì tôi nhớ đã thấy trong một tờ tuần báo (mà tôi quên tên) xuất bản ở Huế thì phải do anh làm chủ bút. Tôi nhớ nhất là cái tên ký của chàng in trên lời giới thiệu bài thơ *Thế kỷ 20* của Huy Cận trích đăng trong một số báo. Thế rồi tôi cũng quên không nhớ là tôi đến gọi chuyện Thoại hay Thoại đến gọi chuyện tôi trước. Chỉ biết vừa quen nhau xong thì ông chủ bút Việt Chính nhớ Thoại đi đâu có việc. Thoại kéo tôi lên ngồi tắc-xi nói chuyện về thơ, về tình trạng sức khỏe của chàng, xong Thoại cho tôi địa chỉ bảo khi nào rỗi đến chơi. Mấy bữa sau tôi đến mới biết đấy là một căn nhà cho học trò trọ học (phố Nguyễn Phi số 10) (1) Thoại có giang sơn một ghế bố. Chàng ta lục thơ cho tôi xem.

Đấy là những ngày đầu tiên tôi quen Quách Thoại. Sau này gặp nhau nhiều hơn nên thời gian cũng hơi lẫn lộn. Chàng ta còn giới thiệu cho tôi nhiều người khác (mà ai cũng là : thằng cha này hay lắm). Tôi nhớ có những buổi tối Thoại kéo tôi ra ngồi ghế đá đường Lê Lợi nhìn xe cộ qua lại hoặc đi nhậu nhẹt với nhau ở Chợ Cũ, hoặc đến ngồi công viên trước tòa đồ sộ nghe chàng ngâm thơ, kể lại những mẩu chuyện tình vớ vẩn thuở nhỏ.

Lần tôi triển lãm đầu tiên ở Sài-gòn vào tháng 3/1956 cùng với Ngọc Dũng (lần ấy do « Văn Đoàn Người Việt » tổ chức, nghĩa là hồi còn mờ mờ ma mờ « Người Việt » của các văn nhân như Quốc Sỹ, Sỹ Tế, Mai Thảo, Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền, mà phòng triển lãm có dành hẳn một góc đề trưng bày... báo Người Việt) Quách Thoại có vẽ khoái trí lắm. Bởi lẽ chúng tôi bán được dăm bảy bức tranh, và nhất là tôi lại trưng bày một tấm tranh trừu tượng khá lớn « minh họa » bài thơ

(1) Tôi phải đi tìm lại nhà này để biết tên phố và số nhà.

Hợp Tấu của Thoại. Chính thi sĩ lại chép tay bài thơ này trình trọng ghim bên cạnh bức họa cho quần chúng thưởng ngoạn thêm.

Vì khoái như thế nên mấy hôm sau khi triển lãm mở cửa chàng ta mới chạy vào khoe tôi : *moa* phải làm một bài thơ về phòng triển lãm các *toa*, ghép tên bằng những bức họa ở đây. Thế là ngồi ngay ở một cái bàn tại phòng triển lãm Thoại viết ngay bài thơ *Mai về tình thơ hôm nay* ở đằng sau tờ catalogue có tên tranh và giá tiền in bằng ronéo. Bài thơ ấy như sau :

Mai về tình thơ hôm nay
Màu sắc bước ai đi mê say
U tối hồn Duy Thanh bỗng cháy
Run run dẫy chết đôi tay
Suy tưởng tiếp nguồn Ngọc Dung
Ngõ Gia Ngư thương Hà-nội về đây
Trời xuống thấp hồn buồn phố tía
Niềm đau xứ Bắc chết vì Tự do
Khúc thơ Thanh Tâm Tuyền nhìn xuống ngõ
Phố vàng nắng Sài-gòn bờ đại lộ đường Port
Cao nguyên miền Nam trời xanh trên đỉnh cây
Biết gửi về đâu tình thơ đường hoang đầy
Tôi góp cùng anh bài Hợp tấu vừa xây
A ha ! ha ! Mai về tình thơ hôm nay

Những chữ in nghiêng là tên tranh của Ngọc Dung, còn những chữ có gạch dưới là tên tranh của tôi. Bài này Quách Thoại viết một mạch chỉ gạch xóa một hai chữ, xong đề tặng tôi và Ngọc Dung một cách rất hùng hồn. Thoại cười cười đọc tôi nghe mấy lần rồi giao bản thảo duy nhất cho tôi giữ. Thế rồi đến gần một năm sau có lần Thoại hỏi tôi bài thơ này đưa chàng ta chép lại vào tập thơ nào đó (dự định in) thì tôi đề thất lạc đi đâu mất. Tìm mãi không thấy, Thoại lại được dịp chửi bới tôi không kính trọng tác phẩm của bạn. Bài thơ này tình cờ đến năm 1959, tức là hơn một năm sau khi Thoại chết, tôi mới tìm thấy ghép trong quyển « sổ vàng » của phòng triển lãm năm ấy.

Cứ kể Quách Thoại là một tay làm thơ rất nhanh, nhất là lại sáng tác được giữa sự ồn ào của người xung quanh. Bài thơ trên chàng ta viết trong vòng mười lăm phút. Còn một bài nữa mà tôi chứng kiến là *Bài thơ làm sau khi cháy nhà* sáng tác tại tòa báo Dân Chủ vào đầu năm 56 cũng khoảng thời gian như vậy. Nghĩa là một mạch xong xuôi và đưa in sau khi chúng tôi kéo nhau đi uống cà-phê nói chuyện một lúc. Bài thơ này in trong báo Người Việt không rõ số mấy.

Quách Thoại là một người ưa lý luận đủ mọi vấn đề, tôi thì không. Khuôn mặt chàng ta có nhiều nét đẹp một cách nghệ thuật chứ

không sử dụng vào như Thanh Tâm Tuyền và ngoại ô như chàng Ngọc Dũng. Tôi nói đẹp nghệ thuật là bởi Thoại có nhiều nét đẹp của một pho tượng. Nhất là khi chàng ta «đôi rách» thì cái vẻ mặt mới và mái tóc bù lên rất thi sĩ. Còn khi rùng rùng có tiền thì Thoại lại xấu như một người thường. Hết cái đẹp nghệ thuật. Tôi có nói điều nhận xét này với Thoại thì chàng ta cười bảo : « Toa lại muốn môa đôi luôn để cho đẹp thì nguy lắm. » Bức họa sơn dầu tôi vẽ năm 1956 in ngoài bìa chính là lúc chàng ta có nét đẹp nghệ thuật vậy. Tóc bù một cách rất hay. Thoại đã ngồi yên làm kiểu mẫu cho tôi đến hai tiếng đồng hồ để hoàn thành. Tôi nhớ vẽ xong chàng ta cũng gật gù mãi.

Nghĩ lại đã ba năm Quách Thoại mất đi lúc thì thấy gần, lúc thì thấy xa. Có điều chắc chắn là sự hiện diện tinh thần của chàng thấy gần lắm. Thành thử đó cũng là cách để đôi khi tưởng tượng là Thoại không chết. Có một cái gì tồn tại ít ra cũng trong lòng của mình một cách rất lạ. Không biết cảm giác ấy với những người quen khác của Thoại thì có giống tôi chăng.

duy thanh

Tôi gặp Thoại vào một buổi sáng trời gây gấy lạnh, thứ giá lạnh của Sài-gòn mang mang không khí đầu thu miền Bắc. Thoại đến với tôi qua một gã bạn xứ Huế, gã bạn mà tôi không mấy cảm tình. Nhưng rồi mối ác cảm của tôi với gã bạn nọ không có một mảy may ảnh hưởng nào đến tình giao hữu giữa tôi với Thoại. Cái dáng nhanh nhẹn và nụ cười rất tươi của Thoại đã khiến tôi bỏ dở công việc viết xã thuyết cho một tờ báo hàng ngày nơi nhà in đi sang tiệm nước với Thoại.

Trong khi uống nước Thoại nói rất nhiều, anh thao thao bất tuyệt về tất cả mọi vấn đề, tôi ngạc nhiên sao một thi sĩ lại có thể nói nhiều đến thế (Nguyên trong những ngày cuối cùng ở Hà-nội một người bạn — Khôi Nguyên — đã ca tụng Thoại với tôi, hẳn ca tụng sự suy tư của Thoại, thuật yoga, con đường thứ ba và thơ Thoại) Sau một hồi nói chuyện lung tung Thoại nhờ tôi tìm việc, tôi không mấy hài lòng về hắn nên trả lời lững lờ rồi chia tay.

Buổi chiều tôi về nhà ở miệt Khánh-hội, lúc ấy tôi buồn chán cuộc đời nên buổi tối chụp xuống là tôi lên gác buồng màn nằm ngủ.

Trong lúc tôi ngủ, đang mơ màng trước bữa tiệc thịnh soạn thì Thoại và gã bạn miền Trung dễ ghét đến dựng tôi dậy. Tất cả kéo nhau qua tiệm nước của người Trung hoa, Thoại nghe mấy phát thanh rên rỉ bài vọng cổ, anh nói chuyện cách mạng và ngâm thơ, bài « Những buổi chiều Việt-Nam ». Uống nước xong chúng tôi đi dọc theo bờ kinh và thủ thi đủ mọi thứ chuyện, tôi nhắc tới Khôi Nguyên, Thoại nói về những ngày ở liêu vắng và Khôi Nguyên ăn bánh mì thay cơm hàng tháng. Lúc chúng tôi chia tay, Thoại lại nhắc khéo tôi chuyện tìm việc làm cho hân, tôi hứa sẽ lưu ý.

Sáng hôm sau tôi đề nghị với người bạn trông coi tờ báo và Thoại được nhận vào làm. Mấy ngày đầu hân làm việc rất đều đặn và tỏ ra đặc lực. Nhưng rồi dần dần hân thừa đến tòa soạn và lúc ấy thì thiên hạ lại không ngớt nói xấu hân : nào hân nghiện hút, nào hân ho lao. Tôi phải bảo chữa cho hân liên miên, bảo chữa một cách hoàn toàn tuyệt vọng.

Còn bệnh phổi trở lại với hân thật, người bạn cần bảo vệ sức khỏe cho anh em nên nó quyết định việc hân, tôi đề nghị như thế phải trợ cấp cho hân một số tiền để hân đi du lịch. Lúc này tôi và Thoại thân nhau hơn, hân không ra làm sao, nhưng hân thì sống rất nhõm nhõm. Buổi chiều chúng tôi thường gặp nhau và đi rong phố, hân có tật hay ngồi ở một tiệm nước ven đường nơi tôi rất ghét. Mỗi lần gặp tôi hân lại có một chương trình này nọ ghê gớm đưa ra. Có một điều tôi nhận ở Thoại : hân là một người bạn rất tốt, hồi tôi gặp nạn lớn, hân đã chạy ngược chạy xuôi lo cho tôi hơn cả người thân của tôi.

Điều mà tôi ân hận nhất về hân là tôi hằng mong cho hân chết, tôi nghĩ cái thân phận khốn nạn của hân chỉ được cời ra, trút bỏ khi hân dời cuộc đời này ra đi. Cái chết sẽ phản kháng lại định mệnh cho hân, và chỉ có thế. Chúng tôi không làm gì được nữa, hân cũng tuyệt vọng rồi, nụ cười nét vui chỉ là vẽ kịch lừa người và lừa mình đó thôi. Vì thế nghe tin hân chết lòng tôi đứng đưng vô cùng hơn nữa bao lần tin hân chết được loan ra mà hân vẫn sống như thường — tôi nghĩ lần này lại như các lần trước, nhưng đến lúc hỏi anh hân tôi mới biết tin đó là xác thật. Tôi nghĩ, hân đã thắng định mệnh — cái định mệnh tàn ác hôm nào thiêu hủy căn nhà anh em hân tá túc và trùng lao đục ruỗng hai lá phổi hân — nhưng tôi đã nhầm nếu có định mệnh thì chúng tôi là những kẻ thua thảm hại nhất và hân cũng chẳng hơn gì.

Một sự dằn vặt đè nặng tâm hồn mỗi khi tôi nghĩ tới hân, những ngày cuối cùng của hân, tuy hân đã khoác bộ áo thầy tu nhưng chính lại là những ngày hân ham sống nhất, chứng cứ là hân đã bỏ thuốc phiện.

Ngày giỗ hân tôi có việc phải đi miền núi gấp mà mãi mười một

giờ trưa tôi vẫn chưa tìm được người hứa cho mượn tiền nên tôi phải đạp xe đến nhà họ rồi về chùa Phước-hòa tham dự giỗ hân vào lúc mọi người đang nâng đũa.

Sau khi ở miền núi về, tôi gặp một người bạn vong niên anh phản nản rằng chỉ vì tham dự đám giỗ hân mà anh bị một số bạn bè dè bĩu : nào đi lễ một tên lưu manh, này nợ. Tôi cười và anh ấy cũng cười, những người văn nghệ ở đây ít ra ai cũng hơn một lần bị hân xin tiền, nhưng thử hỏi với nghệ thuật họ đã trang trải xong cho hân món nợ lớn về thi ca chưa? Nguyên cái cuộc đời hồn nhiên và thực thà của hân đã là một chứng cứ hùng hồn đáng cho những tâm hồn thành kiến và ti tiêu kia suy nghĩ cùng xét lại thái độ.

Hân chết đã được mấy năm. Những người bạn còn sống đến nay vẫn chưa làm xong nguyện ước độc nhất của hân là in thơ cho hân, nhưng thơ hân thì đã hiện diện đầy tâm hồn thế hệ hôm nay.

hồ nam

Tôi ít khi muốn giữ lại những kỷ niệm của người khác, — nhất là kỷ niệm của một người đàn ông thì thật buồn tẻ — với Quách Thoại cũng thế. Nếu có đáng trách thì chỉ là điều tôi nghĩ thực.

Những người chúng tôi còn sống vẫn gặp nhau thường ngày, đôi khi nhắc đến cái chết của Thoại. Có thể do một tình cờ nào đó bắt gặp cái dáng dấp quen thuộc của Thoại ở một người khác hay một vài nơi Thoại thường lui tới, chúng tôi mới lại nói về Thoại. Hình ảnh đến chóng vánh và đi qua mau. Câu chuyện — nếu có — chúng tôi cũng chỉ kể như những câu chuyện phiếm vậy.

Thoại chết đi, chúng tôi vẫn chẳng khác gì, những cuộc gặp gỡ hàng ngày giữa chúng tôi vẫn như hồi còn có mặt Thoại. Vẫn cười nói hỏ hớ, vẫn những khuôn mặt đáng ghét cần thiết gặp nhau. Và cái cảm tình hay sự khó chịu của chúng tôi với Quách Thoại — nếu Thoại còn sống — cũng chẳng thể hơn được nữa. Nhắc đến Quách Thoại bằng những nét mặt rầu rĩ, hối tiếc : chúng tôi không có. Bởi nó nực cười, bởi sống hay chết Thoại vẫn là bạn chúng tôi. Giữa Thoại và chúng tôi có một cái không thể giải thích.

Tôi gặp Thoại ở nhà Duy Thanh. Sau khi Thanh giới thiệu là chúng tôi quen nhau dễ dàng. Thoại mới ở Huế vào ngày hôm trước và ngủ lại ở đây. Cả ba chúng tôi cùng đi ra phố.

Dạo ấy phòng tranh của Duy Thanh và tôi đang ở thời kỳ sửa soạn. Nhóm « Người Việt » cộng tác với chúng tôi về phần tổ chức của phòng tranh vì vậy tôi quen thêm một số bạn nữa của Thoại. Trong số những người bạn này của Quách Thoại, điều buồn nhất của tôi là tôi đã gặp phải một tên mà khuôn mặt lúc đầu thật khó chịu, chướng và lòng ngồng chẳng ra cái gì cả. Lắm lúc tự nhiên hắn cười sằng sặc (chẳng hiểu hắn cười cái gì ?) Hai tay hắn khua lên khua xuống giống như hai cái bơi chèo vậy. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao tôi còn chơi được với hắn. Điều này, trái ngược hẳn với lần tôi gặp Thoại đầu tiên (Hắn cũng là bạn của Thoại). Duy Thanh đưa hắn đến tôi nhưng Thoại làm chúng tôi gần nhau hơn.

Bây giờ Thoại đã nằm yên dưới đất. Lại đến cái giỏ thứ ba của Thoại. Có thể nhắc đến Quách Thoại là những cái thừa nhưng là những cái thừa chẳng thể thiếu được. Và tôi nhận điều này: cuộc sống chúng tôi còn thua kém anh.

ngọc dũng

hồi 48, Thoại có viết cho những tờ báo hàng ngày ở Sài-gòn, tôi không còn nhớ rõ là những báo nào. Lần đầu tiên nó làm báo văn nghệ là vào khoảng 49 — 50. Đó là tờ Nguồn Sống, tuần báo hay bán nguyệt san tôi cũng không còn nhớ rõ. Thoại làm tổng thư ký tòa soạn và hình như người ta giao toàn quyền cho nó. Nguồn gốc tờ báo đầu ở lục tỉnh, ở Mỹ Tho thì phải. Thoại hồi ấy mới 18 tuổi. Tôi cũng không biết nó đã thuyết cách thế nào để người ta giao báo cho nó làm. Tôi nhớ những hôm đi tranh đấu để người ta giao báo cho, Thoại ăn mặc sạch sẽ lắm, quần thẳng thơm, sơ-mi trắng tinh tắn. Thoại lại có trên đầu một cái mũ « phớt » màu gạch đất tiền có vẽ công tử Bạc-liêu lắm.

Đó cũng là giai đoạn Thoại đang mê Oscar Wilde, có lẽ một phần ảnh hưởng bởi cuốn phim « Le portrait de Dorian Gray » chiếu ở Sài-gòn hồi đó. Thoại và mấy người bạn đọc Oscar Wilde, ông nào cũng tự cho mình hiểu Oscar Wilde và bắt chước sống theo kiểu nhà văn ấy. Thoại bắt đầu để một mái tóc dài và uốn quần lên về phía dưới (đầu tóc Oscar Wilde. Vì vậy Thoại phải đội mũ để giữ nếp tóc.) Bắt chước thêm Oscar Wilde, Thoại hay tưởng tượng và bịa những chuyện kỳ lạ để kể cho bạn bè nghe. Thành thử nhiều câu chuyện không biết

nó nói thật hay nó bịa, nhiều khi chỉ cốt có chuyện nói cho vui, cho hay lạ hoặc cho câu chuyện có duyên. Thoại có nhiều chuyện và nó kể nghe rất thú. Tôi nhớ có một hôm nó kể câu chuyện hai vợ chồng đánh bạc ở Đại-thế-giới thua hết tiền. Nhưng còn cay quá, anh chồng đã cầm hết nhẫn đeo tay và đồng hồ rồi, nổi xung cời phăng cái áo đưa cho chị vợ đi cầm và đến khi thua hết cái áo dùng đàng một lúc anh ta đi vào một xó tối tuốt luôn cái quần đưa cho bà vợ. Thoại kể từng câu đối thoại giữa hai vợ chồng nghe giống như thật, nghe đến cười bò.

Hồi làm tờ « Nguồn Sống », Thoại ở nhà một anh thợ may nghèo ở Chợ-lớn. Nhà thì không đúng, một căn xép ở nơi chợ thì đúng hơn, cái chợ nhỏ ở gần nhà Bưu-điện. Tối đến Thoại về đây ngủ. Căn xép rộng không đầy mười thước vuông. Anh thợ ngủ trên cái bàn may. Thoại trải chiếu ngủ dưới nền. Khuya nó thắp cây nến và viết bài báo ở đây. Tôi nhớ số đầu nó viết một bài tùy bút : « Nó và Nàng » và số hai một bài tùy bút nữa là « Hy vọng và tuyệt vọng ». Ở số đầu Thoại có đăng và giới thiệu bài thơ « Thế kỷ hai mươi » của Huy Cận, có bài của Lý văn Sâm và Lê Thương v.v... Thoại và mấy người bạn ngâm nga suốt ngày bài « Thế kỷ hai mươi » của Huy Cận. Sáng sớm giậy là đã thấy ngâm vang :

*Thế kỷ hai mươi,
Người mang trong lòng người
Bao nhiêu mầm ung độc
Bao nhiêu nụ hồng đời
Đau thương thế kỷ đã khô cháy...*

lý hoàng phong

†
Tiếng thơ ấy, tôi muốn ví như một cái cây, kẻ làm chủ nó đã lấy xương tủy máu huyết mình làm phân bón, khi nó đã lớn mạnh vững thẳng thì kẻ đó cũng chết. Tật nguyên, bệnh hoạn, nếp sống xa đọa đã giết hân ? Không phải. Hoặc có cũng chỉ một phần. Hân chết vì hân đã chất gạn — như người mẹ chất gạn đến giọt sữa cuối cùng — tất cả sức sống sinh khí một đời để nuôi dưỡng cho cây, vì hân đã yêu thương cái cây hơn cả bản thân, cái cây là hình ảnh ý thức hân đó và hân đã lựa chọn đã chấp nhận sự hủy diệt thể xác — cho ý thức — từ cái mầm cái hạt mơ hồ trừu tượng được thành hình. Thơ Quách

Thoại chính là cái cây đó, nơi một ngày chúng ta nhìn thấy thân thể kiệt quệ trần truồng Quách Thoại nằm chết khô dưới gốc, cũng là chỗ nhìn lên, chúng ta thấy hiện hình trên ngọn cái ý thức ngời ngời vĩnh cửu, nó là hiện thân trọn vẹn, sự hiện hữu mới, bằng nghệ thuật, của Quách Thoại giữa đời sống chúng ta. Tôi muốn nói rõ và rộng hơn. Tôi muốn nói giữa đời sống thế kỷ, giữa đời sống nhân loại.

Con người thế kỷ ở trong tôi

Đã cất xây ngôi mộ cạnh hồn đời

Mà thiên dương hiện hiện ngự trên ngôi

Cho nên tôi khóc tôi khóc hoài không thôi.

Trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh nói rằng bản chất dân tộc Việt là buồn. Cho nên nước mắt cũng chảy dềnh dềnh trên hầu hết những giòng thơ Việt. Nhận xét đó theo tôi, vừa mơ hồ vừa giản lược. Quách Thoại khóc, Quách Thoại *khóc hoài không thôi*, nhưng cần phải nhận định, phân biệt tiếng khóc ấy cho chân xác. Và đừng lẫn lộn với những tiếng khóc khác. Trong buổi nói chuyện về nghệ thuật tiền chiến (tôi tiếc vô cùng sự thiếu mặt của Quách Thoại) một vài bạn tôi tưởng như đã gián tiếp làm cái việc phân biệt cho cái tiếng khóc ý thức của *con người thế kỷ* Quách Thoại, khi họ xác định rõ tính chất những giọt lệ than mây khóc gió của một số nhà thơ Việt trước đây, những giọt nước mắt đã không biểu hiện được gì hơn là những tình cảm phiền muộn riêng tư, một thái độ khiếp nhược đơn hèn trốn chạy thực trạng đời sống. Quách Thoại cũng khóc. Thơ Quách Thoại cũng là một tiếng khóc lớn. Nhưng khác biệt bao nhiêu. Một giấc mộng đầu tan vỡ, một kỷ niệm, một hình ảnh quá khứ, một nhánh hoa sớm tàn, một đợt nắng sớm tắt, một cuộc đời hắt hủi? Không, Quách Thoại không bao giờ thêm biết những cái đó. Đừng nói Quách Thoại rõ lệ vì những cái đó. Nhưng trước một xã hội chất đầy thảm kịch, một thể hệ thường trực bị đe dọa, một nhân loại còn thối tha ung nhọt đầy mình, chúng ta đã nghe thấy Quách Thoại kêu lên, cái ý thức ấy thét lớn, cái tiếng thơ ấy òa khóc, và tiếng kêu, tiếng thét, tiếng khóc òa của Quách Thoại nếu đã được biểu hiện bằng một hình thức thống thiết đau thương, lại phải hiểu thêm rằng nó còn quân qại một nội dung phản nộ. Những người đã quen biết Quách Thoại, đã có ít nhiều kỷ niệm chung sống với Quách Thoại, chắc phải nhận thấy điều tôi nói là đúng. Thơ Quách Thoại là hiện thân rúc rỏ cái ý thức xã hội, cái ý thức nhân loại ấy nơi con người Quách Thoại. Nó không bao giờ thu hẹp và hạ thấp xuống, trong ý hướng phản ánh cuộc đời riêng tư Quách Thoại. Và ở đó Quách Thoại đã là một nhà thơ lớn. Cho nên tôi tưởng không phải là quá đáng khi tôi nghĩ rằng ở cuối đây cái nghĩa địa Trung Hoa khuất nẻo phía bên kia trường đua Phú Thọ, đã chìm vào im lặng một trong những tiếng thơ ý thức nhất của thi ca hiện đại Việt Nam.

Kỷ niệm năm thứ ba ngày nằm xuống của Quách Thoại, tôi muốn gửi về cho Quách Thoại một tin vui : Thơ hôm nay của chúng ta đã lớn lắm. Những nhà thơ của chúng ta đã lớn lắm. Trong ý thức. Trong thái độ. Trước đời sống. Gạt bỏ những kẻ phù thủy của âm điệu, những kẻ tự nhận là thi sĩ xử dụng thơ như một cái thang bắc tới những mục đích tầm thường ngoài nghệ thuật, những tiếng thơ ý thức của một thể hệ ý thức đang hình thành cái bộ mặt mới, cái vóc dáng mới, cái thực chất mới cho thi ca Việt hôm nay. Trên cái khuôn mặt rực rỡ đang rửa sạch những phần son xua cũ, tôi thấy có Quách Thoại. Có thơ Quách Thoại. Nó không phải là cái đỉnh cái ngọn. Nhưng nó là cái gốc, cái nền. Lượng phân bón cho cái cây thơ xanh lớn. Đường gân, mạch máu chảy ngầm dưới da cho lớp da được hồng hào. Tôi không nói rằng thơ Việt hôm nay là thơ Quách Thoại. Nhưng trong giai đoạn chuyển mình lớn lao của thơ Việt hôm nay, đã vang dội cùng khắp cái ý thức Quách Thoại. Và một trong những điểm khởi đầu cuộc hành trình của tiếng thơ thế kỷ đã xuất phát từ cái ý thức đó. Sinh thời, Quách Thoại chưa từng một lần viết bài, diễn thuyết, Quách Thoại chỉ sống. Chỉ làm thơ. Nhưng Quách Thoại mất đi, cái tiếng thơ ấy đã không nằm xuống với người, nó đứng vụt dậy. Nó nói lên sự hiện hữu của Quách Thoại. Nó truyền đi bản Thông điệp Quách Thoại. Bởi vì Quách Thoại đã truyền được vào danh từ vào ngôn ngữ vào văn điệu, tất cả xương tủy, máu huyết, sự sống, cái chết của Quách Thoại, cho nên cái bản thông điệp được viết bằng máu bằng nước mắt, bằng Định Mệnh ấy, đã có một tác động mãnh liệt trong đời sống chúng ta. Căn cứ vào nhận định này tôi nghĩ rằng Quách Thoại thực sự đã để lại được một cái gì. Không phải một lối thơ độc đáo. Một bí quyết xử dụng âm thanh. Một kỹ thuật điều khiển ngôn ngữ. Quách Thoại để lại cho chúng ta một cái gì tôi thấy còn quý giá hơn một công trình nghệ thuật, một tác phẩm, Quách Thoại đã để lại, bằng thơ, sự sống của Quách Thoại, cái ý thức Quách Thoại. Đến giữa cuộc đời chỉ một phần tuổi trẻ, có mặt giữa chúng ta chẳng được bao lâu, nhưng sau đoạn đời đau đớn và gió bão ấy, Quách Thoại có thể ngủ được rồi giấc ngủ ngàn đời vĩnh viễn. Bản thông điệp đã được truyền đi. Tiếng vang, tác động của nó trước ý thức thế hệ, mọi người chúng ta chỉ có thể không nghe thấy nữa khi nào những tiếng hét đòi hỏi phần nọ, những hy vọng chân thành, những mơ ước, những giấc mộng của Quách Thoại về con người, về xã hội, về nhân loại, về tương lai, đã thành sự thực.

mai thảo

LÊ HUY OANH

sáu bài thơ dịch

HẠ GIÁ

Ở đây bán cái mà bọn con buôn Do thái không bán, cả sự cao quý lẫn tội ác chưa được hưởng, cả tình yêu bị nguyên rủa và sự chân thật độc địa của những lớp quần chúng không biết tới, cả thời gian lẫn khoa học đều chẳng nhận ra :

Đó chẳng những âm thanh được hồi phục, là sự thức tỉnh thân ái của những năng lượng phát ra từ ban nhạc và đoàn hợp xướng cùng với sự áp dụng tức thời của chúng, là cơ hội độc nhất để phát huy giác quan.

Ở đây bán những thân thể vô giá, ngoài mọi nòi giống, ngoài thể nhân, ngoài giống đực giống cái và chẳng thuộc giống giới nào ! Ở đây bán những châu ngọc quý báu phát ánh sáng theo những bước đi ! Bán những viên kim cương vô chủ !

Ở đây bán sự hỗn loạn cho quần chúng, bán sự thỏa mãn bất trị cho các bậc tài tử thượng lưu, bán cái chết thảm khốc cho các tin đồn và các tình nhân !

Ở đây bán chỗ ở và những cuộc di dân, bán những trận thể thao, những màn yêu thuật, những tiện nghi toàn hảo ! Bán tiếng động, sự chuyển vận cùng với tương lai do chúng tạo ra !

Ở đây bán sự áp dụng toán pháp và những phát động của điệu hòa âm chưa từng có, bán những khám phá mới lạ và những mối liên lạc xác thực, những quyền chiếm hữu ngay lập tức.

Ở đây bán cái đà tiến điên dại ! Bán sự vô cùng có màu sắc rực rỡ vô hình, có những khoái lạc không cảm thấy, có những bí mật cuồng dại của mỗi một nét xấu, có sự vui vẻ khủng khiếp cho quần chúng !

Ở đây bán những thân thể, những âm thanh ; bán sự phong phú vô biên không thể đặt thành vấn đề, bán cái mà người ta sẽ chẳng bao giờ bán !

Những người bán vẫn còn hàng hạ giá và những khách du không phải vội trả ngay tiền hoa hồng.

arthur rimbaud

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn hãy cúi xuống
và chọc thủng bề mặt phẳng nhẵn

Những màu da cam
những màu lam
những màu xám
trượt đi và bơi lội
các bài thơ của tôi

Khắp chung quanh tư tưởng tôi
ngược lại vùng vẫy
những con cá xanh

philippe soupault

TÌNH NUƠNG

Người đàn bà tôi yêu không biết đàn áo
nàng biết mơ mộng mơ mộng mơ mộng
những giấc mơ của nàng là những đám mây bằng len
căng phồng hi vọng muôn màu
mà hoàng hôn đã triệu đến

Nàng biết ủi một cách kỳ diệu
những sự kỳ diệu đỏ và lam
tất cả những gì thuộc về hoàng hôn lạ lùng
cho kẻ sưu tầm kỷ niệm
và những buổi tối mùa đông dài đặc

Người đàn bà tôi yêu biết yêu
cái gì nặng nề như sự đau đớn
khó khăn như ngày mai
lo âu như những ngày hội
khi tất cả đều tốt nhất như sự xấu nhất

philippe soupault

TRANG TẬP VIẾT

Hai với hai là bốn
bốn với bốn là tám
tám với tám mười sáu
Nhắc lại đi ! thầy giáo nói
Hai với hai là bốn
bốn với bốn là tám
tám với tám mười sáu

Nhưng kia con chim-dờn-huyền (1)

bay qua trên trời

đứa bé trông thấy chim

đứa bé nghe tiếng chim

đứa bé gọi chim :

hãy cứu tao

hãy chơi với tao

chim ơi !

Chim bèn hạ cánh

chơi với đứa bé

Hai với hai là bốn

Nhắc lại đi ! thầy giáo nói

và đứa trẻ chơi rơn

con chim chơi rơn với nó

Bốn với bốn là tám

tám với tám mười sáu

yà mười sáu với mười sáu là mấy ?

mười sáu với mười sáu chẳng là mấy cả

nhất là chúng chẳng phải ba mươi hai

dầu tính thế nào đi nữa

và chúng ra đi.

Đứa bé dắt con chim

trong giá sách

tất cả bọn trẻ con

nghe tiếng chim ca

tất cả bọn trẻ con

nghe tiếng âm nhạc

đến lượt tám với tám ra đi

bốn với bốn và hai với hai

cũng đến lượt chuồn mất

một với một chẳng là một chẳng là hai

một với một cũng chuồn nốt.

Con chim-dờn-huyền nổi điệu

đứa bé ca hát

(1) Nguyên văn : Oiseau-lyre.

thầy giáo kêu lên :
Đến bao giờ chúng mày mới thôi làm ồn !
Nhưng tất cả những đứa bé khác
lặng nghe tiếng âm nhạc
và những bức tường lớp học
lặng lẽ sụp đổ.
Những kính cửa lại trở thành cát
mực lại trở thành nước
giấy sách lại trở thành cây
phấn lại trở thành ghềnh đá
cán bút lại trở thành chim

jacques prévert

SUICIDE BLUES

Em muốn nói bằng tiếng nói của em !
Em muốn nói bằng tiếng nói của em !

Con đường này dẫn tới gió trắng.
Em chưa sẵn sàng để tới gió trắng.
Không hề bởi tiếng nói thực tại của em.

Giòng sông. Chẳng có biết dòng sông từ đâu vọt ra ?
Giòng sông tới từ một người đàn ông cao lớn,
Từ tiếng nói thực tại của người đó.

Chẳng có biết dòng sông chảy đi đâu chẳng ?
Giòng sông chảy vào một người đàn bà đang ca hát,
Trong tiếng nói thực tại của nàng.

Chàng có thể tưởng tượng được sự thực chăng?
Điều ác đang âm mưu một thế giới của sự chết,
Một tiếng nói hư huyền.
Thế giới của sự chết giết em vào lúc những bông hoa
rực sáng,
Vào mùa xuân, trước mặt bầu trời nhỏ.

Nó ném em bốc cháy ra khỏi cửa sổ
Và các kẻ thù em gọi điện thoại cho các bạn em,
Nhưng chân em chạy chung quanh cơ sở này,
Và nhảy điệu blues tự sát.

Người ta đã liệng em vào biển cả.
Mặt trời chạy trên khắp mặt em,
Nước màu xanh nước màu nâu xẫm
Và đầu em, bị cắt rời, bơi quanh con tàu này,
Bơi quanh ba lần và không muốn chìm.

Quá nhiều sự sống, tình lang ơ, quá nhiều những cái
ghì nhau, quá nhiều mạch máu sôi nổi,
Mỗi giác quan nói bằng tiếng nói thực tại của em,
Quá nhiều hoa, một mặt trời biết quá nhiều,
Quá nhiều sự sống cần giết đi.

murielrukeyser

NGÀY ĐẸP CHO MỘT VỤ TREO CỔ

Lũ chó săn giống như những ông thẩm phán già nua
buồn bã
Trong một phiên tòa khác thường. Chúng giờ mũi

Chỉ tên mọi đen đang giầy giụa ở đầu nút giây thắt chặt,
Hai chân tên mọi đoãng ra như hai cánh quạ
Trên những người có uy thế đang cười khi tội nhân
ngghet thở.

Tôi không biết người da đen này.
Tôi không biết những người da trắng này.
Nhưng tôi biết một bàn tay tôi trắng
Và một bàn tay kia của tôi đen. Tôi biết
Người ta thật ghê tởm một phần tôi,
Trong khi phần kia cười lên ghê sợ.

Nếu chuyện vẫn cứ xảy ra như thế
Tôi sẽ không ngừng giết, sẽ không ngừng bị giết.

kenneth patchen

THÁI TUẦN

bồng lai

Chiếc thang máy hình thù cổ kính ngừng lại. Người điều khiển thang bảo tôi : « Ông phải leo lên một tầng nữa. » Đến hết bậc thang chót, tôi đi qua một hành lang sâu thăm thẳm. Gặp một người đàn ông đi trở ra. Tôi tránh sang một bên, hỏi : « Ông cho biết bài ca mới nhất của đêm nay ? » Hắn không nhìn tôi, vừa đi vừa trả lời : « Làm sao tôi biết được, cuộc vui vừa bắt đầu, nhưng tôi phải ra về ngay bây giờ. » Tôi lần bước theo tiếng đàn hát. Ở trên một chiếc bục cao, người nữ ca sĩ đang cất giọng hát :

Hỡi mùa xuân, tuổi trẻ của năm tháng,

Hỡi tuổi trẻ, mùa xuân của cuộc đời...

Giọng ca đầm ấm quyến rũ bao trùm cả gian phòng. Hết đoạn hát, người nữ ca sĩ lùi lại phía sau khuất vào bóng tối. Một chiếc kèn đồng tiến sát gần micro, những thanh âm sang sảng nổi lên đuổi theo giọng ca vừa biến mất. Tôi chú ý nhìn chàng nhạc sĩ. Hắn dơ cao chiếc kèn, cổ hắn bạnh ra, hai mắt nhắm tít lại, hắn chẳng cần để ý nhìn đám thính giả. Tôi kéo ghế ngồi ở một góc phòng. Có tiếng mấy người thanh niên ngồi bàn bên cạnh nói chuyện ; một người hỏi :

— Bài hát vừa rồi, có phải là bài ca của đêm nay không ?

— Không chắc, hãy chờ lát nữa xem — Tiếng một người khác trả lời.

Có nhiều tiếng vỗ tay, một người đàn ông ra trước micro giới thiệu :

— Tiếp theo đây, chúng tôi xin giới thiệu nữ ca sĩ Sáo Sậu ca bản « Quay vòng tròn » theo lời yêu cầu của một số đông quý vị thính giả.

Bỗng tôi thoáng nghe có tiếng thở dài sau lưng, quay lại nhìn mới

biết là một người con gái ngồi ở bàn phía sau. Cô ta ngồi một mình, hai tay khoanh trước ngực; thấy tôi nhìn, cô ta nhúu đôi lông mày lại. Tôi mỉm cười hỏi:

— Cô không thích bài hát vừa rồi?

Cô ta che miệng cười và nói những gì tôi không nghe rõ vì lúc ấy âm nhạc ồn ào quá. Trên bục cao, đèn vừa bật sáng, người ca sĩ yểu điệu bước ra cúi đầu chào và mỉm cười, chẳng hiểu nụ cười ấy gửi cho ai. Ở bàn bên phải, có tiếng si sào: « Con bé trông được đấy chứ! » — « Nó làm bộ như một nàng công chúa. » Tôi nghĩ bụng: như một nàng công chúa đi chơi khuya. Giọng hát cất lên lúc nào, tôi cũng không rõ. Nghe thành thạo, có nghề; tới những đoạn dồn dập hai tay người nữ ca sĩ vung vẩy, mắt đảo tròn lướt nhanh xuống đám thính giả, nhiều lúc vành môi trề ra hóm hỉnh. Cặp lông mày đen xăm nhẩy múa như đánh nhịp theo bài ca. Tiếng kèn đồng thét lên, phóng ra những thanh âm tên lửa. Toàn thân Sáo-Sậu quần quai, uốn éo có vẻ đau đớn lắm.

Tôi đã bắt đầu ngáp đến cái thứ ba và cảm thấy buồn ngủ. Gió hiu hiu từ bờ sông thổi lên mát rượi.

Tôi đứng dậy ra về, tới chỗ hành lang bỗng trông thoáng thấy bóng người con gái ngồi đằng sau tôi lúc ban nãy. Bước vào thang máy, tôi cúi chào nàng và hỏi:

— Lúc nãy cô nói gì tôi không nghe rõ?

Cô ta trả lời:

— Tôi cũng quên mất rồi.

— Cô thường tới đây?

Nhìn tôi chăm chú cô ta nói:

— Lần đầu tiên tôi đến đây. Còn ông?

— Tôi cũng vậy!

Chiếc thang máy tụt xuống vùn vụt, ánh sáng ở các tầng lầu thay đổi lấp loáng trên khuôn mặt người con gái. Chúng tôi đứng sát cạnh nhau. Cô ta có một vẻ đẹp quyến rũ lạ thường mà tôi chưa từng gặp ở một người đàn bà nào. Nét mặt vừa xa lạ vừa quen thuộc, vui tươi nhưng vẻ buồn rầu ẩn ngay sau khoé mắt nụ cười. Tất cả những sự dửng dưng bình thần hoặc những toan tính kiêu hãnh của tôi thường ngày trước nhan sắc đó đã tiêu tán sụp đổ. Lúc bấy giờ tôi không hề nghĩ gì, tôi không có một ý kiến gì; tôi chỉ biết là nàng đẹp.

Như đoán biết ý nghĩ của tôi, cô ta nói:

— Có vẻ, ông muốn làm quen với tôi?

Tôi lúng túng trả lời :

— Cô đoán đúng.

Cô ta nhìn tôi hồi lâu rồi nói một cách nghiêm trang :

— Điều đó đối với tôi thật hân hạnh, nhưng sợ rằng sẽ là một điều ân hận cho ông.

— Không đâu, nếu phải là một sự ân hận, tôi vui lòng nhận điều đó.

Chiếc thang máy dừng lại, trước mặt chúng tôi là một con đường hầm, tôi đoán là một con đường ngầm dưới thành phố. Người con gái nhìn về mặt bối rối của tôi rồi nói :

— Tôi mời ông xuống thăm thành phố của chúng tôi. Đêm nay ông sẽ là một vị thượng khách.

Tôi đánh bạo đi theo người con gái. Cô ta đi rất nhanh, thoát một lúc chúng tôi đã qua khỏi con đường hầm. Đằng xa một vùng ánh sáng chói lọi. Người con gái quay lại bảo tôi : « Còn phải đi một một đoạn đường nữa, đây chưa thuộc về thành phố của chúng tôi. » Khúc đường thật khó đi vì thật sự không có đường lối nào cả, đó chỉ là một bãi cỏ rậm mông mênh, tôi nhìn lên nền trời một màu xám đục và những tầng mây đỏ chói nổi bật lên chói chang gay gắt. Người con gái bỗng nhiên đi chậm lại, nàng nắm chặt lấy tay tôi :

— Chúng ta đi nhanh lên một chút, sắp đến nơi rồi.

Nhận thấy giáng điệu nàng có vẻ lo ngại, tôi toan hỏi thì nàng đã nói tiếp :

— Không biết tôi có cần phải báo trước cho ông biết hay không ? Chắc có nhiều điều sẽ làm ông ngạc nhiên và kinh hoàng. Tôi thấy cần phải giảng giải rõ ràng về nhiều điều, trước khi ông đặt chân vào thành phố của chúng tôi. Đã có nhiều người tới trước ông và đã gặp những trường hợp thật đáng tiếc ; giờ đây họ ở trong một hoàn cảnh hết sức bi thảm...

Tôi ngắt lời :

— Cô không nên để tâm đến điều đó. Đã từ lâu, tôi không còn có thể ngạc nhiên về một điều gì nữa. Nếu còn có thể làm cho tôi ngạc nhiên, gây cho tôi một phút kinh hoàng, tôi nguyện sẽ trả bằng một giá thật đắt ; bất cứ bằng giá nào.

Cô ta chỉ nhìn tôi mà mỉm cười. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện, một lúc lâu qua khỏi cánh đồng cỏ rậm, lối đi đã có vẻ quang đãng hơn. Chợt nhớ ra, tôi quay nhìn nàng và nói :

— Từ nãy đến giờ tôi thật vô ý, quên mất cả việc giới thiệu...

Nàng vội đáp :

— Điều đó xét ra không cần thiết. Nếu ông muốn biết tên tôi thì tôi không có tên tuổi gì cả. Thành phố của chúng tôi là thành phố của

sự cảm lạnh. Ở đây không có ngôn ngữ. Những tiếng nói cũ thì người ta đã quên hết và hiện nay chưa có một ngôn ngữ mới nào để thay thế.

— Thế thì phiền phức thật, làm thế nào để giao dịch với nhau? Cô ta có vẻ suy nghĩ:

— Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng dấu hiệu và không giao dịch với ai bên ngoài. Chúng tôi có đầy đủ mọi thứ cần thiết cho đời sống cho nên dân cư không ra khỏi thành phố. Chỉ trừ có viên thị trưởng...

Tôi ngắt lời:

— Thế, cô thì sao?

— Tôi giữ chức thị trưởng đó. Cô ta nhìn về mặt ngơ ngác của tôi và nói tiếp:

— Tôi biết là ông sẽ lấy làm lạ nhưng rồi còn nhiều ngạc nhiên dành cho ông.

— Càng hay, càng hay. May ra chuyến này sẽ được điều mà tôi hằng mong tìm thấy.

Cô ta nhìn tôi có vẻ không bằng lòng:

— Ông chỉ nên coi chuyến đi chơi này như một cuộc phiêu du thôi, đừng nên nhọc lòng vì những chuyện khác. Tôi không hiểu ông định tìm kiếm cái gì?

Tôi vội đáp:

— Nói thế thôi, chính tôi cũng không hiểu tôi tìm cái gì. Nhiều lúc nghĩ vẫn vơ như vậy, nhưng rồi cuộc thay đổi ý kiến luôn luôn.

— Như vậy tốt hơn. Nói xong cô ta chỉ tay ra quanh mà cười lớn tiếng:

— Nếu ý kiến ông không thay đổi, thì mọi vật chung quanh cũng sẽ biến đổi.

Trong lúc cô ta chỉ tay, tôi nhìn theo, thì trông thấy khung cảnh đã đổi khác. Chúng tôi đang tiến về phía chiếc cổng lớn như một chiếc cổng thành. Hai bên đường trồng toàn một loài cây lạ, hương của hoa là ngào ngạt. Lại gần mới biết chiếc cổng thật là kiên cố. Toàn thể xây bằng những phiến đá lớn. Kể về lối kiến trúc, tôi chưa từng được trông thấy công trình kỳ dị như vậy. Thoạt nhìn nó giống như chiếc khải hoàn môn. Ở bên ngoài người ta dựng lên một cái khung bằng thép đánh đai lấy nó. Những mạch hồ long lở ngoằn ngoèo màu đỏ xẫm như những dòng máu khô giổ trên mặt đá và những dấu vết của ngàn vạn bàn tay gày guộc in hình trên đó như muốn níu giữ cho bức tường khỏi siêu đổ. Ở những chỗ khác tôi nhận thấy những vết móng tay cào mạnh khắc sâu vào thớ đá. Có một thứ gì ớn lạnh chạy khắp thân thể tôi nhưng không hiểu vì đâu tôi cứ muốn kéo dài mãi cảm xúc đó.

Người con gái thấy tôi đứng yên lặng như vậy một lúc lâu thì

đến bên tôi cất tiếng :

— Cái cổng thành này không phải do thành phố chúng tôi xây dựng đâu, nó đã có sẵn, vẫn nằm đó tự bao giờ không rõ. Chúng tôi đã nhiều lần định phá bỏ đi nhưng có nhiều ý kiến không tán thành việc đó. Có đề nghị dung hòa hơn bảo cứ để nó như vậy cho đến khi nào tự nó sụp đổ. Nhưng cuối cùng phần đông muốn giữ làm kỷ niệm nên người ta đã dựng thêm một đại thép như ông thấy.

Tôi đưa tay vuốt những giọt mồ hôi lã chã trên trán và tự dưng tôi thấy yêu mến người con gái vô cùng. Nắm chặt bàn tay xinh nhỏ của nàng trong bàn tay gân guốc của tôi, tôi nói :

— Tôi thành thực cảm phục cô.

Với một vẻ tinh nghịch nàng hỏi lại tôi :

— Thật chỉ có thế thôi ư?

Tôi bỗng bật cười :

— Thôi chúng ta đi... kéo trễ.

Khi chúng tôi tiến gần sát chiếc cổng thì hai cánh cửa sắt từ từ mở ra. Người con gái bỗng đứng lại :

— Bước qua chiếc cổng này là vào thành phố của chúng tôi, tôi mời ông đi thăm không có một điều kiện nào ; nhưng xin hứa cho một điều...

— Xin cứ nói tiếp.

Với một giọng dè dặt nàng nói :

— Những điều tai nghe mắt thấy nơi đây, khi trở về xin đừng tiết lộ. Không có điều gì quan trọng nhưng chúng tôi không muốn bị phiền nhiễu vì những người tò mò sẽ tìm cách kéo đến.

— Tôi hứa sẽ không làm điều gì thiệt hại cho thành phố của cô.

Chúng tôi khoác tay nhau, đi vào một quãng, nghe tiếng chuyển động của hai cánh cửa sắt đang khép kín phía sau lưng.

Bỗng nghe có tiếng la hét của một lũ trẻ phát ra sau những lùm cây xanh tốt. Tôi ra hiệu muốn đi về phía đó. Người con gái cho tôi hướng nơi đó là một công viên. Chúng tôi đứng giữa một khu rừng cây um tùm, có bướm bay có suối chảy. Những bãi cỏ bằng phẳng xanh rờn mơn mớn, trải rộng khắp một vùng. Đứng sau một thân cây to lớn, tôi nhìn một bày trẻ con. Chúng vào trạc hơn mười tuổi, một cuộc huyết chiến ác liệt đương diễn ra giữa hai phe. Tiếng la hét inh ỏi làm kinh động cả khu rừng. Chúng lăn sả vào nhau đâm chém túi bụi. Một chớp sau chạy biến hết cả vào các rặng cây để lại rải rác trên bãi cỏ năm bảy xác chết. Tôi vội vàng chạy tới, nhưng khi vừa đến gần thì những đứa nằm sóng soài trên bãi cỏ vùng đứng giậy một lượt, rồi cầm đầu chạy mất. Người con gái đi lại phía tôi vừa cười vừa nói :

— Ngày nào chúng cũng tới đây chơi cái trò đó.

Tim tôi chưa hết đập mạnh, không nói gì. Tôi ngồi xuống một

khúc cây, toan thò tay vào túi lấy gói thuốc, chợt nhớ ra đã vứt cái bao không đi từ lâu. Người con gái ghé ngồi xuống bên tôi, đưa ra một gói thuốc là còn nguyên, bảo :

— Lúc này tôi mua ở chỗ nghe nhạc. Ông giữ lấy.

Tôi bóc gói thuốc mời, nàng chỉ lắc đầu. Tôi châm một điếu nhìn qua làn khói thuốc, rừng cây có vẻ thơ mộng lạ thường. Bỗng thấy thấp thoáng một thằng bé đang ngấp nghé sau một thân cây, vừa lúc đó nàng cũng nhận thấy nó, bèn vẫy tay ra hiệu. Thằng bé đi thong thả về phía chúng tôi, người khỏe mạnh hồng hào, giáng điếu ngoan ngoãn dễ thương. Khi tới gần sà ngay vào lòng người con gái, nhìn nàng có vẻ triu mến rồi đưa mắt sang quan sát tôi. Tôi hỏi :

— Ai dạy em trò chơi đó ?

Nó nhìn tôi, không nói. Tôi chợt nhớ ra là dân thành phố này không xử dụng đến ngôn ngữ.

.. Thấy tôi hỏi đứa bé, người con gái quay lại :

— Tôi cũng lấy làm lạ về điều đó. Thành phố này chưa hề biết chiến tranh là cái gì. Hơn nữa khi tụi trẻ này sinh ra thì mọi thứ ngôn ngữ người ta đã quên hết. Cho đến sách vở, báo chí cũng chẳng còn ai giữ lại...

Tôi ngắt lời nàng :

— Không nói còn được, chứ không cả văn tự, chữ nghĩa thì lũ trẻ nó học bằng cái gì ? Bọn người lớn sống làm cái gì ?

Nhìn tôi có vẻ bí mật :

— Rồi ông sẽ rõ những điều đó. Bây giờ chưa đến lúc nên bàn luận tới.

Nói xong, nàng đứng dậy kéo tay tôi đi. Thằng bé con cũng bỏ chạy khuất vào sau lùm cây. Trông nó thật đáng yêu. Rồi khỏi khu rừng, chúng tôi đi trên một con đường rộng lớn. Người qua lại thưa thớt, họ cúi đầu yên lặng không hề để ý đến chung quanh. Dần dần đến một khu đông đúc hơn, tôi đoán là khu trung tâm của thành phố. Những tòa nhà kiến trúc tân kỳ mới lạ. Những cửa hàng sang trọng trang hoàng kiêu cách. Duy có một điều lạ là không trông thấy một cái biển hiệu nào, tất cả cửa hàng đều không có tên. Người đi lại đông đúc, họ chẳng hề để ý đến chúng tôi. Những bộ mặt lạnh lùng di chuyển ngược xuôi, không nhìn nhau, không nói cười, không một cái bắt tay. Nhìn nét mặt họ cũng chẳng đoán được họ vui hay buồn. Không khí nơi đây có một sự gì lạ lùng. Tất cả mọi thứ đều ngăn nắp chu đáo, nhưng hình như vẫn thiếu một cái gì. Không giống với không khí của những thành phố mà tôi đã đặt chân tới. Nhưng cũng không có gì khác lạ. Tôi mừng tượng mơ hồ đến một không khí như vậy ở đâu đó mà tôi đã biết. Cố nghĩ mãi, chợt hiểu ra là những cửa hàng trong khu hội chợ. Đó là sự sao chép lại một kiểu mẫu thật. Những

phố xá sầm uất chỉ dựng lên trong một đêm. Tôi nhớ đến những kinh thành trong những chuyện thần tiên.

Tôi bắt đầu thấy đói bụng, bèn nói với người con gái :

— Chúng ta nên tìm một hiệu ăn, tôi mời cô ăn với tôi một bữa cơm.

Nàng sững sờ nhìn tôi :

— Tôi thật vô ý, quên hẳn điều đó... Ở đây, không có một hiệu ăn nào vì dân chúng ở đây không cần đến ăn uống. Từ lâu chúng tôi đã thoát khỏi cái cần thiết tầm thường đó và nghĩ rằng vì nỗ mà sẽ kéo thêm bao nhiêu cần thiết tầm thường khác.

Thấy tôi có vẻ lo lắng, cô ta nói tiếp :

— Nhưng đối với một vị thượng khách, chúng tôi xin bảo đảm mọi cần thiết.

Tôi nghĩ ngờ :

— Nhưng thành phố của cô, tất cả mọi người không ăn không uống thì kiếm đâu ra thực phẩm ? Ví dụ có kiếm ra được thì còn ai thạo nghề nấu nướng ?

Cô ta suy nghĩ một lúc :

— Ông cứ tin rằng tôi có thể lo cho ông đầy đủ. Và bây giờ, tôi mời ông, chúng ta thăm Bảo tàng viện của thành phố.

Tôi buồn bã mà đi theo nàng dù nàng là người đẹp, dù có một lúc tôi đã nghĩ rằng : tôi có thể từ bỏ hết mọi sự vì nàng. Nhưng bây giờ, chỉ vì cái đói mà tôi không muốn đi theo nàng nữa. Tôi nghĩ : dân cư nơi đây sung sướng thật. Chỉ có những bậc thần thánh mới thoát khỏi được sự ăn uống. Có lẽ tôi đã lạc vào đất của thần tiên. Tôi nhìn người con gái đi bên cạnh, tôi thấy nàng thật đáng cho tôi yêu mến hơn, vừa lúc đó, tôi nhìn lên, trước mặt chúng tôi là một tòa lâu đài cổ. Tôi không thể tả lại thế nào cho đúng, tôi chỉ có thể nói nó làm cho tôi liên tưởng tới những tòa lâu đài cổ trong những câu chuyện của Hốp-Măng.

Dưới chân những bậc thềm hai con quái vật bằng đồng đen ngồi canh giữ. Khách thăm viếng Bảo tàng ra vào lữ lượt. Người con gái dẫn tôi len lỏi qua đám đông qua nhiều hành lang rồi dừng lại trước một căn phòng rộng lớn. Hơi lạnh ở trong bay ra làm tôi rét run người. Nàng bảo tôi :

— Muốn đưa ông đi thăm nhiều nơi khác, nhưng chương trình đảo ngược ngoài ý muốn của tôi. Bây giờ vào đây trước.

Nói xong nàng khoác tay tôi cùng bước vào. Mới đầu tôi cứ tưởng đã lạc vào một cửa hàng thực phẩm lớn. Nhưng nàng giới thiệu ngay :

— Đây là gian phòng tàng trữ và trình bày cho công chúng xem các món ăn thức uống từ thời nguyên thủy cho tới thời nguyên tử.

Một ý nghĩ thoáng trong đầu, tôi thấy vững bụng lắm. Như đoán

được ý đó nàng nói tiếp một cách trịnh trọng :

— Ông là một vị thượng khách của thành phố. Tôi nhân danh quyền hành thị trưởng của thành phố này, cho phép và mời ông xơi bất kỳ món nào trong triển lãm của Viện bảo tàng.

Tuy là đói, tôi suýt phì cười. Nhưng tôi không cười mà nói :

— Tôi thành thực cảm ơn vị thị trưởng và thành phố, nhưng không thể như thế được. Đây là những bảo vật sưu tầm từ lâu đời. Không thể để cho thiếu đi vài ba món. Vì dù tôi có nhịn đói mà chết cũng xin cam chịu.

Nàng lo lắng nhìn tôi, cố giảng giải :

— Ông đừng nghĩ như vậy. Thực sự những thứ này không có gì quan trọng đối với dân thành phố. Nếu có thiếu vài ba món cũng chẳng ai nói gì. Nhưng nếu ông bị chết đói giữa thành phố này chúng tôi sẽ mang tiếng lắm.

Nghe cô ta nói, tôi nghĩ bụng : cũng đành vậy chớ sao ! Và theo nàng đi đến khu những món ăn thời nguyên thủy. Trong một chiếc tủ kính to lớn, tôi nhìn thấy một tảng đá lớn. Trên tảng đá là những khối thịt sống, lông lá máu me nhầy nhụa. Xung quanh là những cái sừng, những mảnh xương. Có một con mắt vắng ra còn ngó trừng trừng vào một bộ răng đã sứt mẻ. Trong bụng tôi cảm thấy sôi sảng khó tả. Nhìn sang một tủ kính gần đó, tôi suýt hét lên. Trong tủ, có hình thù giống một đĩa trê lên ba, thân thể co quắp ôm lấy một chiếc xiên dài nằm trên đồng than hồng. Tôi liền tưởng tới một hình quảng cáo trong một tờ tuần báo ngoại quốc. Thằng bé da đen chập chững bưng một con gà quay từ trong lò bếp điện ra dưới có hàng chữ quảng cáo : « Thằng nhỏ có thể điều khiển dễ dàng cái bếp điện tối tân này ». Ở góc chiếc hình, mẹ nó đang bày biện cái bàn ăn. Lần lượt tôi theo nàng xem hết mọi nơi. Từ những món Mông Cổ, Tây Tạng cho đến món Ấn Độ, Trung Hoa. Sang một khu nhìn thấy một đĩa rau húng xanh rờn tôi nhận ra ngay là khu của tôi. Gần đó có một cái tủ kính tôi chỉ ngay vào mà nói :

— Tôi xin món này.

— Xin cứ tùy tiện.

Tôi nhìn bát phở tái trịnh trọng nằm trong khung kính mà nghĩ đến Nguyễn Tuân. Tôi hứa với nàng, khi trở về tôi sẽ gửi đèn cho Bảo tàng. Nàng cười, không nói.

Rời khỏi Bảo tàng viện, tôi bỗng thấy mệt mỏi và khó chịu. Nàng hỏi :

— Ông bị đau chẳng ? Tiện thể chúng ta tới thăm bệnh viện

của thành phố, tôi sẽ nhờ viên bác sĩ ở đó xem bệnh cho ông.

Tôi gật đầu, theo nàng về phía một con đường râm mát, nhà cửa ở đây thưa thớt, không khí yên tĩnh. Đến ngã tư, chúng tôi rẽ sang con đường nhỏ. Nằm sát tay phải chạy dài một dãy tường cao vút quét vôi màu trắng. Có những tiếng la ó đập phá phía sau tường đó vọng ra, Người con gái nói :

— Trong đó là một bệnh viện về thần kinh.

Tiếng hò hét om sòm, có giọng la lớn : « Hỡi lũ cầm đầu nghe đây... » Câu nói đứt quãng chìm vào những tiếng ồn ào, những giọng cười the thé, những tiếng vỗ tay đồm độp. Tôi bảo

— Chúng ta hãy vào đây.

Chúng tôi bước qua chiếc cổng, vào một cái sân rộng. Bên trong những dãy nhà dài nối tiếp nhau. Những thân cây gầy teo như cắm xuống ở hai bên lối đi. Những pho tượng kỳ dị đứng nằm ngồn ngàng ngay cả giữa đường.

Rồi một chiếc thang máy như một cái ngai vàng chạm trổ đưa chúng tôi tới một tầng lầu. Đứng ở đó, vịn vào lan can nhìn xuống, một căn phòng lớn hình lòng chảo trong đó một lũ người đi lại hò hét hay im lặng ngồi trong xó. Trông họ có vẻ những nhân vật ở các bức tranh của Bosch.

Tôi quay nhìn nàng, hỏi :

— Thành phố của cô mà cũng có những kẻ điên cuồng ?

Nàng suy nghĩ một chập rồi nói :

— Họ không điên. Nhưng tất cả đều mắc phải những chứng bệnh tưởng tượng.

Tôi cãi :

— Thế thì không điên là gì ?

Nàng cười :

— Điên hay không điên, nhưng họ là thế đấy. Ông xem kia kia.

Nàng vừa nói vừa chỉ tay. Tôi nhìn theo. Thấy một thằng đang vung tay, nhón một chân quay tít thò lò, tà áo hần tung bay lòa xòa, miệng hần la lớn :

— Quay cho nhanh, quay cho đều, hỡi chiếc thân chong chóng.

Cứ như thế, cho đến lúc hần mệt lả ngã phục xuống rồi một lát sau cũng lại hần đứng lên tiếp tục như cũ.

Người con gái giảng giải :

— Hần làm việc như vậy hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày. Đặc biệt là chủ nhật và ngày lễ hần cũng nghỉ việc.

Chợt nhìn thấy một người bị nhốt riêng ra một chỗ, đi đi lại lại sau bức song sắt. Hần kêu rống lên những tiếng à-uòm. Chân hần soạc ra, hai tay nắm giữ lấy song sắt, rung mạnh từng hồi rồi hét lớn :

— Tất cả im lặng, nghe tao nói : Tao là một chú hổ chính cống.

Tao đã từng soi thật nhiều đũa : Hitler, Khổng Tử, Beethoven, Cézanne tao thật tất, giờ sắp tới lượt bọn bay...

Hắn nói chưa hết câu, một người to lớn phốp pháp chạy tới dơ tay bóp chặt lấy họng hắn. Chỉ còn nghe tiếng ăng ặc rồi hắn ngã nhào vào phía trong im hẳn. Điềm nhiên chùi hai bàn tay vào ống quần, người to lớn về chỗ cũ ngồi xếp bằng trên nền nhà, hai tay chấp lại.

Người con gái giới thiệu :

— Đó là một nhà kinh doanh lớn, vừa vỡ nợ. Hắn quả quyết hắn là Gandhi, nên mỗi lần thằng cha Hồ sắp đọc đến tên hắn, dọa ăn thịt là hắn cuống cuống lên.

Tôi chỉ đám đông, độ chục tên, chúng ngồi xây lưng lại nhau. Cô ta bảo :

— Bọn đó hiền thực nhất, chúng cùng một bệnh trạng với nhau, chẳng thằng nào hiểu thằng nào, nhưng cứ vờ chơi với nhau. Vả lại nếu không thế thì chúng chẳng làm được trò vè gì. Cái thằng đeo mặt nạ ngồi hàng đầu vẫn nhận nó là cái đàn bầu. Cái thằng cao cao tưởng tượng mình là cái ống sáo. Còn cái chú bé có vẽ lấu lỉnh lém luốc kia, nhất định bảo mình là cây sắc-sô.

Bỗng dưng, cả lũ nhảy chồm lên như có một vị nhạc trưởng vô hình nào ra lệnh. Chúng nổi lên cuộc hòa tấu dị kỳ. Toàn đánh đàn mồm, phát ra những âm thanh quái gở. Cho đến khi đã quá mệt mỏi thì cái thằng sắc-sô đứng lên, hắn cúi chào đám khán giả vô hình rồi nói :

— Hãy nghe đây, lũ cầm điếc, cuộc đại hòa tấu đã chấm dứt. Hay ho như vậy sao bọn bay không vỗ tay. Hãy vỗ tay cả đi. Kia vỗ tay đi chứ! — Thằng đàn bầu không hiểu sao, bỗng đứng bật giậy la : Hoan hô thằng sắc-sô, hoan hô thằng ống sáo. Hoan hô tất cả. Hoan hô tao...

Từ phía xa, tôi đề ý đến một thằng đang tiến gần lại đám đó. Trông hắn giống hệt bác thợ mộc già.

Người con gái chỉ tay về phía nó :

— Thằng này tưởng tượng mình là cuốn tự điển. Hắn nói lèm bèm, ba hoa. Bệnh hắn lâu năm lắm rồi !

Dáng dấp hắn vừa khệnh khạng vừa khúm núm, bây giờ thì hắn đang bỏ lại gần cây đàn bầu. Đến nơi, hắn đứng lại xoa hai tay vào nhau. Hắn không hét to, chỉ nhỏ nhẹ ngọt ngào như một bà mẹ chồng :

— Này, các chú em, anh đây là một cuốn tự điển bị bỏ quên lâu ngày. Ngoài kia chúng nó không sai đến ngôn ngữ văn tự là vì chúng nó thích nghe những điệu nhạc của các chú hơn. (Hắn trừng mắt) Có phải các chú đã nghĩ như thế không? Như thế là các chú giết anh đây. Kia, sao đứng đực ra thế? Trả lời anh đi. Nói lên một tiếng. Chửi anh một câu. Chửi anh một giọng... Trời ơi! — Tiếng hắn nhỏ dần, yếu dần,

đuổi sức hần lẫn kênh ra giữa phòng.

Tôi thấy có một người đi tới kéo hần vào góc. Để hần nằm đấy rồi trở về ngồi ở một cái bàn giữa phòng. Bọn đó có độ bốn, năm tên đang ngồi đánh những ván bài tướng tướng. Tất cả đều trần truồng ngồi trên những chiếc ghế bành rộng. Quần áo trủ tra một đồng lớn để ở góc nhà. Chẳng hề để ý đến chung quanh.

Người con gái nói :

— Bọn này cũng cầm như dân trong thành phố, khó mà đoán biết chúng là cái gì. Mỗi lần ngồi đánh bài là chúng cởi hết quần áo ra. Không chơi nữa là chúng vội vàng mặc ngay vào.

Xong một ván bài, cả bọn đi lấy quần áo mặc vào, ngồi một hàng dài, dựa ghế vào tường nhìn những trò về đang diễn ra trong phòng, yên lặng như những vị khách danh dự trong buổi trình diễn ở một đại hí viện. Không vỗ tay, cũng chẳng huýt còi.

Chúng tôi từ giả bệnh viện. Khi ra đến ngoài cửa, người con gái nói với tôi :

— Đáng nhẽ tôi phải đưa ông đi thăm các nơi khác nhưng có một chuyện cần thiết bất ngờ. Xin ông thứ lỗi cho. Ông cứ một mình tiếp tục cuộc thăm viếng thành phố. Tôi nói :

— Cũng đành vậy. Nhưng dù sao tôi vẫn ân hận không được cùng đi với cô.

Nói xong chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đi về một ngã. Tôi lần bước theo con đường bờ sông. Không khí dần dần mát mẻ và dễ chịu hơn. Cảnh trí hoang vắng quanh hiu, dưới sông không có qua một chiếc thuyền bè nào. Hoàng hôn đã tới từ bao giờ. Nền trời vàng ketch một màu nắng quái. Phong cảnh bên kia bờ là phũng bờ cỏ hoang cần cỗi, là những vách tường đổ nát, những cột nhà cháy đang đổ; toàn một màu tro xám.

Tôi chọn một chiếc ghế đá ngồi xuống, móc túi lấy gói thuốc, rút ra một điếu cuối cùng ; cái bao không bị vỡ nát ném xuống dòng nước. Đang ngồi hít những hơi thuốc thơm ngon bỗng tôi nghe có tiếng người đi từ xa lại. Tiếng chân đạp trên đá dăm nghe lạo xạo, mỗi lúc một rõ, tôi nhận ra một khuôn mặt quen quen. Tôi nhớ là đã gặp hần trong đám đông khi tới Bảo Tàng Viện. Hần nhìn quanh quất, thấy tôi ngồi một mình thì đi ngay lại cất giọng ồ ồ :

— Ông có thể tin được rằng tất cả dân sự trong thành phố này đều là một lũ cầm điếu cả hay sao ? Tôi bảo thật : ông nên chuồn ngay cho sớm.

Hần vừa nói vừa nhìn vào bộ mặt kinh ngạc và ngầy độn của tôi, bỗng dừng hẳn điệu giọng xuống :

— Không phải tôi nghĩ đến chúng tôi mà nói như thế đâu. Chính là tôi nghĩ đến ông. Dân chúng bảo tôi nói lại với ông như vậy và dặn

tôi trao cho ông lá thư này.

Nói đến đây hắn đưa cho tôi một bao thư lớn đầy cồm cộm, tôi dút dè cầm lấy. Hắn dặn thêm :

— Khi nào đi khỏi đây thì giở ra mà xem. Còn những điều mắt thấy tai nghe, chúng tôi cho phép tha hồ tuyên bố.

Nghe giọng hách dịch của hắn, tôi bực mình bảo :

— Thế còn lời hứa của tôi với viên thị trưởng thì sao ?

Hắn nói nhanh :

— Cái đó tùy ông, chúng tôi tôn trọng quyền tự do, mọi quyền tự do. Nhưng bây giờ thì ông nên đi ngay đừng chần chờ nữa.

— Tôi cần phải từ biệt viên thị trưởng. Và đề cảm ơn cô ta.

Hắn cười gằn :

— Thằng cha này ngu quá, con đó ở nhà thương điên trốn ra.

Nói xong, hắn giơ chân đá tôi lộn nhào xuống dòng sông, tôi lóp ngóp bơi được một lúc rồi chẳng biết gì nữa.

Âm nhạc văng vẳng bên tai, sờ lên trán tôi thấy mồ hôi lã chã. Tôi vẫy người con gái Tàu xin thêm cô ta một chiếc khăn mặt nóng. Có một điều làm tôi ân hận nhất là chưa kịp đọc lá thư.

thái tuần

QUACH THOẠI

những bài thơ tình đầu tiên

MẮT HỒ

Mắt em hồ mộng ảo
Mắt ta thì là trắng
Ta nhìn em huyền hoặc
Khẽ nói với em rằng

Nước chỉ mà phẳng lặng
Không cười không nói năng
Tình ta đây vốn nặng
Xin sóng hãy lăn tăn

Em nhìn ta không nói
Hương khói vẫn mơ màng
Tình ta lên sáng chói
Em không một tiếng vang

Hôm nay ta là rằm
Nên ta vội đến thăm
Nghĩ rằng ta xinh đẹp
Nhưng em vẫn lặng câm

Ta khóc lóc than thầm
Sợ lắm đêm mười sáu
Từ đó trở về sau
Biết đâu mà nung nấu

Đêm nay là mười bảy
Ta đến lệ hai hàng
Ta cầu xin van lạy
Em không tiếng hỏi han

Từ đó bước thời gian
Cho đến đêm mười chín
Cúi đầu ta trở lại
Nhìn em không thở than

Vì ta vốn tự biết
Rằng đời ta đã tàn
Nhan sắc đã xế bóng
Còn chi để thở than

Đời già hơn một nửa
Đã không thể trở về
Để soi tình nhóm lửa
Nơi mắt em như hóm lẻ

Đêm nay cuối hạ tuần
Ta nằm đau hấp hối
Ta nhớ quá em ơi !
Thôi hết về như mọi tối

Sống chập chờn le lói
Ngày mai phẳng lặng mờ
Thiết tha ta còn gọi :
« Thương nhớ lắm mặt hồ ».

TA CHỈ THẤY

Em tươi đẹp chi bên trời
Mùa xuân lên rục rũ
Anh ngồi đây bơ vơ, lòng diên đại
Hẹn ngày mai
Mang lệ nóng khóc trên tay em...

Ôi nét mày dài
Đôi mắt đắm
Và mái tóc đen
Anh biết nói làm sao... tình kẻ lẻ
Trọn đời sau trên tim anh xin để
Cả ngai tình em ngự trị hồn anh
Mà những ngày hôm nay
Ngày mong manh
Anh sợ quá phút linh hồn anh tan vỡ
Bởi làm sao giờ đây anh nức nở
Gọi ái tình anh dò hỏi nơi mắt em
Tình yêu thương anh vẫn chờ mãi em đem
Và đặt cả trên tâm hồn anh đau khổ

Nhưng chiều nay
Ôi chiều vàng và lá đỏ
Chiều vàng và lá đỏ
Anh chỉ thấy
Những cành cây khô.

TRĂNG TRĂNG

Hoa em nở trong vườn xuân thôn Vỹ
Lúc nguyệt cười lạnh lạnh giữa trời mờ
Anh bước về bắt gặp lại hồn thơ
Áo em trắng hay hồn em trắng tuyết

Anh sẽ khóc vì em những giòng lệ tuyết
Ôi trắng trắng anh còn thấy mãi trắng trắng
Kiếp trần gian anh vẫn còn mãi lang thang
Nhưng hôm nay anh không muốn vội vàng
Hương thơm quá trong vườn hoa tràn ánh nguyệt.

HÃY TRỞ VỀ

Ôi, yêu dấu, yêu dấu
Tôi đã chờ đợi em lâu quá lâu
Đến khi nào hồn em rồi mới đậu
Trên hồn tôi cánh tình ái nhiệm mầu

Ôi, yêu dấu, yêu dấu
Em hãy trở về mơ tron lấy tim tôi
Hồn cô độc đã từ lâu lạnh lẽo
Hãy trở về đốt lửa hộ đôi môi

Ôi, yêu dấu, yêu dấu
Em hãy trở về vội vã cùng tôi
Tôi rất sợ ngày mai không sống nữa
Hãy trở về thương nhớ lắm em ơi

Ôi, yêu dấu, yêu dấu
Em hãy về ôm xiết lấy tôi mau
Và giữa phút mê ly mầu nhiệm ấy
Tôi chết đi hồn ấm áp thiên thâu.

CHIỀU THƯƠNG NHỚ

Cây cao vút chơ vơ trời hiu quạnh
Đường lẻ loi mình ta giữa ngày tàn

Chiều cô đơn từng chiếc lá lang thang
 Hồn ta lạc giữa muôn ngàn thương nhớ
 Em ở làm chi bên trời bên nớ
 Một nửa buồn nhìn chẳng phía xa xăm
 Ta trông chờ lệ chảy ngó dăm dăm
 Hồn thất lạc muốn gió theo mây gió
 Để thân xác trông dăm mình chết bỏ
 Ta cố tìm mình nguyệt buổi trăng rằm
 Người nhàn tình da trắng buổi trăm năm
 Sao bỗng chết giữa đêm đầu chán gối
 Than Sương em sầu đen hơn bóng tối
 Cả u buồn địa ngục phủ hồn ta
 Ta khóc ta van đau đớn lắm mà
 Tim hấp hối tưởng chừng giờ tận số
 Em ơi em, dáng hình khung cửa sổ
 Cửa yêu đương đã nhốt trọn linh hồn
 Đêm tối mù tối hẳn đó hoàng hôn
 Ôi khổ cực mà sao ta vẫn muốn
 Giờ hoan lạc cũng như giờ sầu muộn
 Ở bên em hồn xác ở bên em
 Ai đem chi vui thú khác không thêm
 Trong chung thủy cảm muôn ngàn thú vị
 Yêu đến thế bởi sao đành ly dị
 Phấn hương ơi làm tóc mịn da thơm
 Ta nhớ em từ gót ngọc bàn chân
 Đêm nhung lụa tắm mình trong bể ái
 Phút trao hôn giờ thần tiên tề đại
 Tưởng muôn đời là một thế mà hai
 Đương chia ly nay muôn triệu dặm dài
 Phần cách biệt mỗi người riêng vũ trụ
 Ai hai chi giọng dăm chìm giấc ngủ
 Nhạc u buồn vương vlu ánh trăng lu
 Rừng núi xa xôi hình bóng một mù
 Sương bàng bạc như tình ta bàng bạc
 Bay đổi phôi lưu khắp trời... cánh lạc
 Bơ vơ tìm... không gian rộng... không gian

Tình ta theo sóng bề mãi lan tràn
Đâu bờ bến, em ơi, này thương nhớ
Xin em giết chết hồn anh nặng nợ
Đề đừng thôi đừng yêu nữa em ơi
Thu Sương em, sao đau khổ thế trời !
Giờ hội ngộ phút nhiệm màu chung chạ
Mà hồn anh nay chỉ là cánh lá
Bay lang thang sào sạc khắp muôn đường
Dưới chân người tàn ác chẳng ai thương
Tim hơi hóp như ngọn đèn sắp tắt
Ôi, thượng đế luật đất trời nghiêm nhặt
Ta ngưỡng nhìn cổ gượng hỏi hư vô
Cớ sao đem chôn ân ái xuống mồ
Để ta mãi cầm hương sầu tưởng niệm
Em ơi, sao tình yêu đánh chết liệm
Hồn đau thương không đẩy nổi xe tang
Ta dừng chân tuyệt vọng giữa thời gian
Không dám đến chôn mình chung một huyệt
Đầu non xa lạnh lùng băng giá tuyết
Ta rùng mình nghe lạnh lẽo mình ta
Trăng trời ơi, trăng sáng bao la
Ta vỗ chụp trăng tình đem gói lại
Ồ mộng tưởng còn đâu đêm tình ái
Giờ nhớ nhung điên dại sót còn đây
Ta quơ quàng ta nắm gập bàn tay
Thôi khéo giữ tình em trong phút chốc
Mộng ngày trước tựa hồ cơn gió lốc
Tương tư chiều nay thương nhớ đêm đêm
Mai sáng trống không sương ướt lạnh thêm
Ôi tủi cực linh hồn ta nhỏ lệ
Buồn chi lắm như buồn chiều tận thế.

quách thoại

DOÃN QUỐC SỸ

vỡ bờ (4)

VI

Hắn đây chẳng phải ai xa lạ, chính là Hoạt người bạn đồng hương của Tân. Tính tình Hoạt rất thẳng thắn, điều đó Tân không quên, trái lại trong thâm tâm, Tân luôn luôn nêu đức tính đó lên làm bấu bối phòng vệ cho Hoạt mỗi khi « ký ức thô bỉ » nổi dậy làm máu trong người Tân sôi lên...

Ngày nào phải bỏ học về quê đúng vào năm lụt, Hoạt Tân cùng nhau đi bắt cá hai mươi ngày liền, tinh thần của tuổi trẻ khá thấm thiết. Sau đó Hoạt được một người bà con đem ra Hà-nội làm chân « ét » tài xế trên con đường Hà-nội — Nam-định, Tân ở lại quê giúp mẹ trong việc buôn bán. Chẳng bao lâu Hoạt bỏ nghề « ét » ô-tô, đăng vào công binh. Qua đi ba năm Hoạt giải ngũ, xin được chân tập sự thợ máy trong một xưởng chữa ô-tô. Hoạt đã thật sự là một chàng trai trưởng thành lực lưỡng cao lớn, da bánh mật, mặt vuông, râu mép râu cằm xanh om, thường ngày nào Hoạt cũng phải một lần cạo để làm dáng. Hoạt thấy rằng cũng nên cạo râu cho nhẵn nhụi để có thể nói đùa dâm ba câu với bất kỳ cô gái xinh đẹp nào gặp ngang đường, nhưng Hoạt làm dáng theo tiếng gọi của trực giác hơn là của lý trí, tựa như con gà sống đến tuổi đập mái thì tự nhiên biết xoè cánh chạy quanh, thế thôi.

Cao lớn, khỏe mạnh, ăn nói « bặt mạng », Hoạt có cái tướng uy hiếp đàn bà, nên lời nói đùa của Hoạt tuy không có gì là duyên dáng — thường là thô lỗ — nhưng vẫn được các cô tiếp nhận bằng nụ cười nếu không niềm nở thì cũng ít khi có tính chất dè bĩu.

Ngày còn là cậu con trai mới lớn đi bắt cá với Tân năm lụt, Hoạt ngộ nghề lắm. Khi ra Hà-nội làm « ét » ô-tô mấy năm, bản năng

hung bạo được dịp phát triển mạnh, khi vào công binh hàng ngày va chạm với bọn đồng ngũ với cấp trên sự hung bạo được soi mòn góc cạnh, hành động của Hoat có khôn ngoan hơn nhưng vẫn là thứ khôn ngoan do bản năng tự vệ đức kẻ thành chứ không phải thứ khôn ngoan chuốt lọc của lý trí sau nhiều lần suy tư. Khoảng thời gian giải ngũ về làm thợ máy ô-tô, Hoat cố ý tránh mặt Tân mỗi khi đôi bên có thể gặp nhau trên đường phố Hà-nội. Đó là thái độ tự lý của Hoat thấy người bạn cũ trở lại đời ăn học. Tân cũng biết vậy và mặc dầu chàng hết sức niềm nở với Hoat đôi khi đích thân đến thăm Hoat mà cũng không khiến Hoat gần chàng thêm chút nào. Cuộc kháng chiến bùng nổ, trong khi Tân theo lớp huấn luyện cán bộ tăng gia sản xuất tại đồn điền Lợi-ký ở Phú Thọ thì Hoat tản cư lên Đức-thắng (Bắc Giang) mở ngôi hang chứa súng lấy cái tên rất kêu là Việt Hùng. Trại tăng gia ở Ấm-thượng bị tan rã, Tân theo học quân-y và lang thang theo trường này đây mãi mãi. Mãi đến 1950, nhân một dịp đi khám sức khỏe cho sinh viên học quân Trại quốc Tuấn khoa V, Tân qua Đức-thắng và gặp Hoat đang vào thời của hiệu Việt Hùng thịnh đạt nhất. Hoat đã cười vợ được hơn một năm. Lần này vì trong hoàn cảnh tản cư, thái độ tự lý không còn lý do tồn tại, đôi bạn đồng hương cùng nhau tổ bày tình cảm nồng hậu. Hoat đứng ở cương vị chủ nhân ân cần lưu Tân ở lại nhà mình trong thời gian chàng công tác tại địa phương này. Lễ cố nhiên Tân vui vẻ nhận lời. Thời gian công tác của chàng là bấy ngày.

Trong thời gian bấy ngày ở nhà Hoat, được dịp gần gũi để chứng kiến nếp sống của Hoat, được nghe chính Hoat tự thuật trong tiếng cười hề hề, được nghe một số thanh niên nằng đi lại nhà Hoat thuật lại, tới ngày đó Tân mới rõ hết cuộc đời tình ái của Hoat. Chính những điều mới thấy tại ngôi nhà này đã kết hợp lại thành cái mà Tân gọi là « kỷ ức thô bỉ ». Và chàng tìm cách xa đuổi mỗi khi chúng dọc dích tái xuất hiện, bởi chúng mâu thuẫn một cách quá rõ ràng với bản tính của chàng.

Ngày đến không quên của hiệu chứa súng Việt Hùng của Hoat mở ở gần chợ Đức-thắng. Lĩnh thủ đeo súng đạn : *mât-cơ-lông, sê-len, mas 36, autochinois...* Cấp chỉ huy thì kẻ kẻ « đôi chó » (súng lục) bên hông, thời thì du kích : *Cott, Walter, Breathing, Munser*, đánh từ thời thượng gọi họ là « quan to súng ngắn ». Cửa hiệu Việt Hùng là nơi đi lại của các « quan to » và « súng ngắn » hoặc học đàn, hoặc hồng một bộ phía nào. Cách cư xử cũng lời ăn tiếng nói của Hoat tuy không được lịch sự nhưng đúng hoàng, Hoat lại vào hạng khéo chán

khéo tay nên các « quan to » đều rất hài lòng mỗi khi « súng ngắn » của các « ngài » lại xử dụng được như xưa. Nhưng điều làm ông chủ hiệu Việt Hùng lừng lẫy một thời, ấy là có lần phi cơ địch thả xuống một trái bom không nổ, Hoạt tháo ra, lấy thuốc súng cùng một số bộ phận bên trong. Các « quan to » càng tin nhiệm của hiệu Việt Hùng. Và một thiếu nữ trẻ đẹp, có học đem lòng cảm phục Hoạt, tên nàng là Sinh.

Sinh là con một ông lục sự tại tòa án Hà-nội. Nàng đang theo học năm thứ tư trường Đồng Khánh thì xảy cuộc kháng chiến toàn quốc. Nàng còn một người em gái tên là Nhân theo học năm thứ hai tại một tư thục lớn thủ đô (Ông bà lục sự hiếm hoi chỉ sinh hạ được hai cô con gái). Hai chị em theo cha mẹ về ấp nhà ở Đức-thắng lánh nạn. Tại miền quê xa xôi này, những chàng trai trong đoàn thể thanh niên, trong dân quân tự vệ đều là những người thật thà chất phác. Sinh năm đó vừa mười tám tuổi, khuôn mặt tròn, nước da trắng, đôi mắt to và đen, nụ cười rất hiền với hàm răng trắng đều, ở nàng có một vẻ đẹp vừa thanh thần vừa chịu đựng, vẻ đẹp của tượng bà Thị Kính trong chùa tay ôm đứa trẻ đặt trên đầu gối, đôi mắt nhìn sâu vào miền đạo lý xa xôi. Nhân kém Sinh hai tuổi cũng khổ người như vậy nhưng nhi nhảnh và tinh ranh hơn.

Từ ngày hai người đẹp về ấp, thanh niên quanh vùng có ưa chải chuốt hơn xưa. Chiều chiều họ năng tới sân « vô lý » (ở ngay trước cửa ấp), đường *banh* bay bướm hơn nhiều, sự nói cười hào hứng hơn nhiều nhất khi thấp thoáng sau lũy tre thưa có bóng người đẹp tựa cửa nhìn ra. Tuy nhiên nếu được gặp người đẹp ngoài đường hoặc đi ngược chiều với người đẹp các chàng lúng túng ra mặt, chân tay như thừa, thường thì họ cúi mặt rào bước. Nhân thường bùm miệng cười, nhiều khi trêu họ thêm dè họ càng lúng túng. Những lúc đó Sinh phải nghiêm nét mặt đưa mắt làm hiệu phản đối em. Sinh thấy thương hại những chàng trai đó, quả thực nàng cảm thấy họ với nàng tuy hiện gần nhau đấy mà vẫn cách xa nhau muôn trùng, chắc chắn chẳng bao giờ họ dám ngộ tình yêu với nàng. Vừa lúc đó Hoạt tới mở cửa hiệu Việt Hùng. Là người của Hà-nội tản cư, Hoạt luôn luôn giữ ưu thế tự tôn mặc cảm từ cử chỉ đến lời ăn tiếng nói. Nhân viên hành chính huyện, thanh niên địa phương thích đi lại làm quen với Hoạt để quan sát, học hỏi lấy cách cư xử của... người Hà-nội. Ngày đầu kháng chiến còn những căn nhà dựng biệt lập trên đồi để những bông hoa biết nói (cùng mới từ Hà-nội tản cư tới) chờ đón khách tìm hoa. Cửa hiệu Việt Hùng phát đạt nên về đêm Hoạt rất năng lui tới chốn này, thường kéo theo một thanh niên địa phương hoặc một nhân viên trong Ủy ban hành chính kháng chiến huyện để họ học hỏi thái độ ăn chơi. Không bao giờ Hoạt quên mang theo một

chiếc đèn *pin*. Tia đèn rọi, tiếng rầy la hốt hoảng nhưng âu yếm thanh thanh, kèm theo với tiếng cười hề hề của Hoạt. Rồi Hoạt ra ngồi phòng khách trao đèn *pin* cho người đi theo thân nhiên uống nước, đợi. Hoạt lại có tham gia giúp các nam nữ thanh niên địa phương tổ chức những buổi diễn thuyết hoặc những buổi kịch tuyên truyền tại đình Đức-thắng. Các nữ cán bộ các thiếu nữ xã cũng ra chiều mến Hoạt lắm. Hoạt luôn luôn chọt nhả với các nàng mà các nàng chỉ cười hoặc lườm yêu. Buổi kịch đầu tiên có vai thôn nữ do một thanh niên nhỏ nhắn trắng trẻo phụ trách. Đến phút cuối cùng nhà dàn cảnh Hoạt mới thấy thiếu chiếc yếm, bèn tức tốc tự đảm nhiệm việc đi mượn. Hoạt vẫy một thiếu nữ tranh chua nhưng cũng lẳng lơ nhất xã ra góc đình, nơi có một bụi găng lớn.

Thiếu nữ nguyệt yếm :

— Bảo gì ?

Hoạt ghé sát tai nàng :

— Cho mượn cái yếm.

— Nỡm !

— Thật đấy, ai đùa ! Đề đóng kịch mà. Mau lên !

— Nỡm !

— Ngượng cái con khỉ gì, mau lên. Rồi đóng khuy áo lại ai biết đấy là đâu mà sợ.

— Khỉ ! Chờ một tí vậy.

Đoạn thiếu nữ đứng sau bụi găng, khi ra, nàng trao cho Hoạt chiếc yếm. Hoạt mừng rơn cầm lấy chạy thẳng vào buồng trò, trao cho chàng thanh niên nọ, cười hề hề :

— Này cầm lấy, còn ầm hơi người đấy, thế là đủ lệ bộ nhé !

Buổi kịch đầu tiên đó, Hoạt đứng ra giới thiệu, và cũng là lần đầu tiên Hoạt gặp Sinh trong số khán giả đứng bên dưới. Mỗi lần ra giới thiệu *numéro* mới Hoạt lại cố ý nhìn Sinh như con rắn thoi miến con nhái và Sinh e lệ cúi đầu, trong lòng hơi náo nức trước cái bề thế uy nghi của thân hình Hoạt. Kể đó đến việc Hoạt tháo quả bom không nổ, danh tiếng chấn động cả một vùng. Các thanh niên suy tôn Hoạt như người anh cả, các thiếu nữ coi Hoạt như một chàng trai lý tưởng, Sinh thấy lòng băng khuâng. Một buổi chiều kia, lúc đó đã nhòa nhòa tối, Hoạt gặp Sinh từ xa đi lại trên con đường đất đỏ rộng tự chợ về ấp. Hoạt tiến lên đề gặp Sinh. Lần này chính Sinh luống cuống. Con đường vắng, cả cánh đồng vắng, bóng tối buổi chiều như đổ ập xuống đồng lúa, Hoạt ôm gọn lấy Sinh khiến nàng càng luống cuống cố ần ra không được, sau cùng nàng muốn khuy xuống thì ngực nàng đã ép chặt vào người Hoạt... Khi Hoạt buông ra nàng cầm đầu rào bước về ấp. Nàng không dám chạy, không đủ sức chạy nữa, bèn trong lòng ngực như trống rỗng, hơi thở hồn hèn. Nửa tháng

sau Sinh đã chính thức là vợ Hoạt. Lễ cưới theo đời sống mới rất đơn giản cử hành ngay tại đình. Các thanh niên địa phương giúp Hoạt trong việc trang hoàng trụ sở hành lễ và đặt giấy mời các đại diện quân, dân, chính. Mặc dầu Hoạt không chính thức nhận một nhiệm vụ nào trong các cơ quan địa phương nhưng theo sáng kiến của đồng chí xã bộ một khẩu hiệu lớn nhất được căng ra chính giữa : « Không nên vì ái tình mà quên nhiệm vụ ! » (Ý đồng chí xã bộ muốn nói nhiệm vụ công dân).

Đọc khẩu hiệu đó Hoạt đã hề hề cười và nói :

— Ý tôi muốn sửa lại là « Không nên vì nhiệm vụ mà quên ái tình ! ».

Sự thực không những Hoạt không có nhiệm vụ mà không có cả ái tình đề mà quên. Bảo là Hoạt yêu Sinh mà lấy nàng ? Không phải ! Hoạt chỉ thấy Sinh đẹp và muốn xử dụng nhan sắc đó. Quả thế, cái đặc biệt khác người ở Hoạt là điểm Hoạt hoàn toàn coi đàn bà như một « đồ dùng » để giải quyết sinh lý và không một chút bận tâm đến tình cảm của họ. (Có thể nói Hoạt thân nhiên dấn lên tình cảm của họ).

Rồi có những thanh niên Hà-nội tản cư về vùng này, họ vào giúp Ủy ban hành chính kháng chiến, họ vào giúp ban kịch lưu động, họ vào dạy trường công hay mở trường tư... Tới đó thanh niên địa phương mới hiểu thế nào là người Hà-nội thật. Họ lém lỉnh trong lời nói, thông minh và thận trọng trong cách cư xử, kín đáo và nhã nhặn trong tình yêu. Thanh niên địa phương bắt đầu ác cảm với Hoạt nhất là họ từng chứng kiến thái độ thô bạo của Hoạt đối với thân tượng của họ là Sinh. Thêm một điều khiến thanh niên địa phương càng ghét Hoạt : sau vụ Hoạt tháo được quả bom không nổ, thoát họ thân phục, quý trọng Hoạt nhưng rồi chính việc đó có tác động ngược lại. Nguyên do giới quân sự tỉnh cho đó là một kỳ công và hết lời ngợi khen lòng dũng cảm của Hoạt. Lời ngợi khen nồng nhiệt của giới quân sự tỉnh đã làm giới quân sự địa phương cảm thấy bề mặt chẳng khác nào vừa nhận được một lời khiển trách gián tiếp.

Ông bà lục sự sau buổi đầu kháng chiến tâm trạng có hoang mang và ưng gả cô con gái lớn cho Hoạt. Cả hai ông bà cũng đồng ý cho việc gả con gái như « chiếc bánh, bóc được cái nào hay cái ấy », vào thời loạn Sinh lấy được Hoạt cũng đã là may. Kịp khi ông bà nhận ra tình tình con rể thì ván đã ghép thuyền rồi, hối cũng chẳng kịp. Duy có Sinh, có thể nói nàng đã có khuynh hướng chịu nẹp một bề dưới uy thế hung bạo của Hoạt ngay từ buổi gặp mặt vào một đêm kịch đầu tiên ; uy thế đó hoàn toàn chiếm lĩnh nàng vào buổi chiều ngày nào Hoạt ôm gọn và ép chặt nàng trong cánh tay. Rồi sau ngày cưới, Sinh

không hối, không trách, nhiều khi được hưởng ân tình trong vui vẻ nàng còn thấy kính trọng Hoạt, nhường như sự kính trọng đó là cách biểu lộ một tình yêu thụ động nhưng sâu xa.

Mãi về sau này Tân còn nhiều khi tự hỏi về tâm lý kỳ dị này của Sinh. Lẽ ra nàng phải kiêu hãnh về nhan sắc của nàng thì nàng lại cam chịu nép mình nỏ lệ cho hung bạo, không một chút phản ứng.

VII

Hoạt thu xếp chỗ ngủ cho Tân ở góc trong gian giữa, gian này cũng là phòng ăn. Vợ chồng Hoạt ngủ ở gian bên trái; gian bên phải dành cho « *quan to* » nào đến chữa súng, hoặc có công tác qua đó vào ngủ nhờ.

Trong thời gian bấy ngày ở đây, Tân nhận thấy các quan to đến ngủ nhờ luôn và chỉ một thoáng quan sát Tân còn hiểu thêm họ đến vì bị hấp dẫn bởi nhan sắc của Sinh. Có thể là Sinh biết điều đó nhưng Hoạt thì không, không phải là Hoạt ngốc, trước sau Hoạt vẫn chỉ coi phụ nữ là một thứ đồ dùng...

Ngày Tân đến ở nhà Hoạt thì Sinh đã bị sảy đứa con đầu lòng sáu tháng. Nguyên nhân sự sảy lỗi ở chiến tranh một phần nhưng lỗi ở Hoạt một phần lớn.

Sau ngày cưới Sinh, Hoạt cho dựng một căn nhà ba gian trên đỉnh đồi thông và dờ cửa hiệu chữa súng Việt Hùng lên đó. Phía sau dờ là nhà bếp và dưới chân dờ là một khoảng thung lũng nhỏ, Sinh cho làm chuồng nuôi lợn và nuôi gà. Hoạt còn cho giồng một dãy chuối viền theo chân dờ và võ nường ở sườn dờ giồng sắn. Một năm sau Sinh có mang. Nàng có mang được sáu tháng thì có tin đồn Tây sẽ nhảy dù ở Đức-thắng, Hoạt bèn cấp tốc quyết định tạm tân cư lên nhà một người bạn cũ ở một địa điểm thuộc huyện Lạng-giang cách đây chừng hai chục cây số ngay bên bờ sông Thương và dựa lưng vào một miền trập trùng nhừng đồi thông. Ông bà lực sự tới can thế nào Hoạt cũng không nghe. (Hoạt còn một thái độ kỳ quặc : sau ngày cưới Hoạt cho là ông bà lực sự không còn một tí quyền hành gì với mình cũng như với Sinh). Ông bà lực sự đành khóc mà từ biệt con gái. Bấy giờ đã bắt đầu mùa đông.

Hoạt đưa vợ lên đường vào buổi chiều. Anh chàng đi phăng phăng phía trước, Sinh khệ nệ vác bụng cố rảo bước theo sau. Thỉnh thoảng Hoạt quay lại cau có giục : « Mau lên ! mau lên ! con khỉ ! ». Đi được mười cây số Sinh muốn khuy xuống hơi thở phì ra cả hai tai, may sao vừa khi đó gặp một « *quan to* » đã có lần nhờ Hoạt chữa súng và đã nhiều lần đến ngủ nhờ nhà Hoạt. « *Quan to* » này là một cán bộ đại đội trẻ tuổi, có học, nét mặt thanh tú, đôi mắt đa tình nhưng

thuộc loại đam mê kiểu Kim Trọng chứ không phải kiểu Sở Khanh.

Chàng « Kim Trọng quân sự » đó dừng xe hỏi chuyện Hoạt. Sau khi hiểu rõ sự tình chàng tức khắc quay xe lại — chiếc xe Sterling còn mới nguyên nhỏ và nhẹ như con chim én — mời Sinh ngồi lên *porte-bagage* và cầm đầu đạp cho đến bờ sông Thương cách đó mười cây. Lẽ cố nhiên trên đường đi chàng có nói chuyện với nàng — câu chuyện hết sức đùng đùng — và Sinh khép nép trả lời. Một giờ sau Hoạt tới, « Kim Trọng quân sự » lịch thiệp trả lại người đẹp và băng khuâng trở lại đường cũ.

Vừa đến địa điểm mới Sinh thấy đau bụng, đêm hôm sau nàng sảy, may mà không bị băng huyết.

Cùng một đêm nàng sảy, chàng cán bộ đại đội chỉ huy một trận đột kích một đồn địch bên kia sông Cầu. Họ vô tình đi vào một bãi mìn nguy trang. Hai quả mìn đầu nổ làm tung xác hai đội viên. Quả thứ ba nổ, nạn nhân chính là viên cán bộ chỉ huy đại đội, chàng Kim Trọng quân sự.

Về sau có người biết chuyện nói đùa : « Hai trái mìn đầu nổ, trong ánh hào quang chàng còn thấy mình đang đạp xe đèo nàng trên con đường đất đỏ Lạng-giang, tới trái thứ ba, chàng thực sự đạp xe vào ánh hào quang đó ôm theo hình ảnh nàng vào một giấc mộng yêu đương bất diệt ».

Tuy là lời nói đùa nhưng cũng có thể là sự thực, ai biết ?

Tuy bị sảy nhưng ở chỗ cảnh đẹp, khí hậu tốt, sẵn thức ăn, sẵn hoa quả, Sinh lại người rất chóng, nàng đẩy lên một chút và đẹp một vẻ đẹp vô cùng quyến rũ của người đàn bà mà tục ngữ gọi là « gái một con... ». Một tháng sau thấy rằng tin Tây sẽ nhảy dù Đức-thắng là tin vọt, Hoạt cau có trở lại căn nhà trên đồi xưa, tuyệt nhiên không một chút ngượng ngập về việc vội vã ra đi vội vã, không hối hận vì việc Sinh đã bị sảy oan. Ông bà lục sự cũng chỉ biết mừng là được gặp lại con gái, tuyệt nhiên không tỏ vẻ oán giận gì Hoạt vì ông bà biết có oán giận Hoạt cũng bằng thừa, Hoạt cần gì !

Dưới đây là lịch trình câu chuyện bảy ngày Tân ở lại nhà Hoạt.

Hoạt hơn Tân hai tuổi, Tân có khuynh hướng tự nhiên coi Hoạt như anh và coi Sinh như chị dâu. Ở với Hoạt được một hôm, trưa hôm sau khi Tân vừa đặt mình lên giường định chợp ngủ một lát cho lại sức sau một buổi làm việc tận lực thì có tiếng Hoạt ở buồng bên đồng dục gọi :

— Sinh !

Tiếng Sinh ở ngoài sân rất thùy mị :

— Dạ !

Tiếng Hoạt càng đồng dục và gọn :

— Vào anh bảo !

Sinh vào và kín đáo khép cửa lại...

Một lát sau nàng rón rén ra, dáng bẽn lễn liếc trộm về phía Tân. Tân đã tỉnh ý nhắm mắt lại vờ ngủ.

Kể ra thái độ đó của Hoat rất thường đối với Sinh, nhưng lần này nàng bẽn lễn vì ngượng với Tân, người bạn đồng hương của chồng và là một thanh niên — nàng biết lắm — có học thức và nhã nhặn.

Nhàn, em Sinh, hàng ngày vẫn tự ấp lên căn nhà trên đồi thông thăm chị. Nhàn cũng đã tới tuổi mười tám. Nếu Sinh đẹp tươi mát thì Nhàn đẹp nòng nân, nếu Sinh lúc đó có sức quyến rũ thụ động của « gái một con » thì Nhàn có sức quyến rũ chủ động của một cô gái tràn trề sức sống và vừa đến tuổi dậy thì. Ngay hôm đầu gặp Nhàn, Tân đã bị đặc biệt hấp dẫn bởi nhan sắc đó. Sự làm quen với nàng không khó bởi Nhàn tự nhiên lắm. Đôi mắt sáng, nụ cười nhí nhảnh, má hồng, môi hồng. Cả vẻ hồng hào của khuôn mặt và sức sống tràn đầy ở cơ thể Nhàn như có tiết ra hơi ấm mà Tân cảm thấy khi đứng bên nàng nói chuyện.

Ngày đó gần Nhàn, (cũng như ngày nay gần Lê) Tân vẫn tự khép mình ở thế đứng trầm tĩnh và trang trọng của một người đứng ngắm một tác phẩm tuyệt mỹ của hóa công.

Ngày đó Tân có được nghe một câu chuyện mà chàng ưng lắm vì nó phản ánh hết tâm trạng chàng. Có chàng trai kia yêu cô em gái người bạn học thân. Cô gái biết cách làm dáng, son phấn dùng vừa đủ má hồng môi đỏ rất tự nhiên. Mỗi lần đứng trước nàng — dù gặp dịp vắng vẻ — chàng trai cũng không dám có cử chỉ sờ sảng. Chàng quan niệm ôm nàng, hôn nàng đều là những cử chỉ xúc phạm người đẹp rất đáng khiển trách. Một buổi sớm kia chàng đến chơi, nàng vừa rửa mặt chưa kịp son phấn, chàng nhận thấy da mặt nàng có những chấm tàn nhang lơ lơ, đôi quầng mắt hơi thâm và đôi môi trắng bệch. Được biết nhan sắc thật của nàng và mãi đến ngày đó — nhân lúc chỉ có hai người ở buồng ngoài — chàng mới dám mạnh bạo tiến lên ôm nàng như hàng mơ ước và hôn nàng say sưa, say sưa vì chàng đã tỏ tình một cách hợp lý nhất mà lòng không hề bị rầy vò. Khám phá thấy người đẹp không đẹp lắm đáng lẽ chàng phải thất vọng thì trái lại chàng tỏ vẻ rất yên lòng. Ba tháng sau cặp đó thành vợ chồng và cho đến nay sống với nhau rất hạnh phúc.

Nhan sắc của Nhàn — và nhất là sau này nhan sắc của Lê nữa — đâu có cùng trường hợp như câu chuyện trên. Mỗi lần Tân đứng gần và nhìn thẳng vào một trong hai nhan sắc đó Tân có cảm tưởng nhìn vào một thứ gương trong vắng vặc không một gợn bụi. Đạo đó gần Nhàn, Tân giữ được trang nghiêm và thanh thản ; thanh thản vì quanh chàng không có tình địch. Sau này gặp Lê chàng vẫn giữ được trang

ngghiêm nhưng thường hay có thái độ dằn dỗi phải chăng vì thấy Lê quá cởi mở về tình cảm với tất cả mọi người khiến chàng luôn luôn có cảm tưởng bị vây bọc bởi không biết bao nhiêu là tình địch vô hình. Sự dằn vặt đó còn do lòng kiêu hãnh của Tân trong tình yêu lý tưởng và chàng đinh ninh rằng chỉ với chàng Lê mới tìm được một tình yêu xứng đáng với nhan sắc nàng.

Trở lại chuyện Nhân! Một nhan sắc đầy quyến rũ như Nhân đâu có được Hoat kiêng nể. Tân thấy Hoat từng thần nhiên sai Nhân xuống chợ mua thứ này thứ-nọ như sai con sen. Và Nhân cũng lẳng lẳng tuân theo, không một thái độ phản đối nhỏ. Hoat có tướng khuất phục đàn bà chẳng! Kỳ lạ!

Hôm đó, hôm thứ năm Tân ở nhà Hoat, có lẽ đề ý thấy sự thân mật chớm nở giữa Tân và Nhân, vào buổi trưa trước giờ ăn Hoat chặc lưỡi bảo Tân:

— Ối chào! lúc nào vắng, cậu cứ ôm bég nó, hôn bừa đi, nhõng nhẽo!

Thoạt Tân trợn tròn mắt ngạc nhiên về thái độ Hoat. Ở miền đồi nương trập trùng giáp giới Việt-Bắc này phải hàng mấy vạn cây số vuông mới có được một người đẹp như vậy! Nhưng rồi bèn thái độ quá coi khinh đàn bà của Hoat, Tân cũng không dám tỏ thái độ quá miễn trọng nhan sắc Nhân.

Thoáng thấy bóng Nhân, Hoat hỏi:

— Hình như dưới chợ hôm nay có bán thịt bò tái?

Buổi chiều Nhân lại từ ấp lên chơi, chủ tâm để được nói chuyện với Tân. Nhân không dấu cảm tình của nàng với chàng trai sinh viên quân y ấy.

— Dạ có — Nhân đáp.

— Cô xuống mua cho anh ba lạng để ăn cơm chiều. Tiền đây.

Hoat xòe tiền đưa cho Nhân và Nhân lùi lùi đi xuống đồi. Khi nàng trở lên, Hoat bảo:

— Cô thái cho anh, dao thớt ở dưới bếp.

Sinh bưng mâm cơm lên. Nhân đi xuống bếp. Tân đưa mắt thấy Nhân mang dao thớt ra vại nước rửa. Nàng vừa trở vào bếp thì con chó vàng tự trong nhãy ra và tiếng nàng la:

— Thôi chết con Vàng tha mất miếng thịt rồi!

Tân thấy nét mặt Hoat xa xăm, khi Nhân vừa lên tới nơi Hoat đập mạnh tay xuống bàn, mâm cơm này lên một chút, bát canh chao đổ ra mâm, mấy chiếc bát lật nghiêng trên bàn và mấy chiếc đũa rơi xuống đất, kèm theo là tiếng nói sảng rất thô bỉ:

— Thế thì còn nói chuyện làm chó gì nữa. Nhõng nhẽo!

Sinh xanh mặt lẳng lẳng cúi nhặt đũa và xếp lại mấy chiếc bát. Trông Sinh lúc ấy mà Tân muốn gắt lên với nàng: « Lẽ ra chị phải

biết kiêu hãnh về nhan sắc hiếm có của chị mới phải, làm sao chị sợ nó như một nô lệ hèn hạ vậy ?!» Mặt Nhân thì đỏ bừng nhưng cũng đành quay đi, Nhân khóc. Tân còn ở lại đấy mấy ngày nữa nhưng không được gặp Nhân, nàng ngượng mà không tới. Tân càng cảm phẫn về thái độ thô lỗ của Hoat (Sau này không bao giờ Tân còn được gặp Nhân nữa vì sau khi Tân dời khỏi nhà Hoat được một tuần, thì *Dakota* định đến thả bom giây xuống chợ Đức-thắng đúng ngày phiên, Nhân bị tử nạn vào dịp đó).

Sáng hôm thứ sáu — chỉ còn một hôm nữa Tân hết nhiệm kỳ công tác — vô tình nói chuyện với một thanh niên huyện, Tân được biết thêm một thành tích thô bỉ nữa của Hoat. (Những thành tích này Hoat vẫn tự động bỏ bỏ kể lại cho người khác nghe với đầy đủ chi tiết coi như chuyện thường tình chẳng đáng khinh mà cũng không đáng trọng). Đó chính là câu chuyện tình của Hoat với cô gái lá ngọc cành vàng tên là Thoa.

VIII

Câu chuyện có thể tóm tắt cho có mạch lạc như sau :

Trước ngày kháng chiến toàn quốc, khoảng từ 1940 đến 1945 Hà-nội đầy rẫy những tay bip bọm, anh chị ; trên thượng lưu một chút có tướng số bip bọm, doanh thương bip bọm, quan thầy bip bọm, dưới hạ lưu thì là những tay anh chị với những tên như Thành què, Sinh bơi chèo, *Tạ poing américain*...

Cuối phố Gia Long, gần hồ Thuyền Quang có hai vợ chồng kia đều lai : tây lai và đầm lai.

Anh chồng nghiện và gầy oặt nhưng cách ăn mặc bao giờ cũng đom đàng. Hắn nói tiếng Việt y như người Việt nhưng khi nói tiếng Tây thì lại đặc Tây ; lúc đó người nghe có thể chú ý thấy mũi hắn có hơi cao một chút, đôi mắt hắn có hơi xanh một chút nghĩa là hắn có lai Tây ít ra vào khoảng mười phần trăm. Tên hắn : Victor P.

Ngược lại với thân hình gầy gò của người chồng, Jeanne — người vợ — cao, khỏe và lẳn. Khuôn mặt Jeanne không một chút vết tích của sự lai. Jeanne cũng không nói được cả tiếng Pháp trừ những tiếng « loa » « moa » và vài danh từ thường dùng. Có lẽ Jeanne hưởng được dòng máu lai ở chỗ có thân hình cao lớn và ở tinh thần phóng đảng khi giao du với nam giới quen thuộc. Đề duy trì ưu thế về dòng máu lai Jeanne rất chịu khó tập thể dục để giữ cho *corps* thon với bộ ngực nở. Jeanne hết sức tránh sinh đẻ và dùng những *corset* đắt tiền, loại đặc biệt gửi mua tận Pháp, để khi mặc áo dài (Jeanne không bao giờ mặc đầm) Jeanne biểu diễn được bộ ngực vừa cao vừa gọn rất... đầm.

Jeanne không làm gì cả chỉ biết tiêu tiền. Kiếm tiền là việc của Victor.

Ngoài cửa nhà, Victor cho dựng tấm bảng lớn đề toàn bằng tiếng Pháp :

Victor P.

— Professeur de danse

— Tuilerie

— Blanchisserie

— Auto-école

— Charcuterie

— Import Export.

Có một người Pháp chính cồng đứng lại trước tấm bảng lớn đọc rồi mỉm cười thốt ra câu :

— *Il fait tout !*

Nếu danh thiếp của các ông nghị hiệu danh thời đó in đặc những chức tước thì danh thiếp của Victor P. in đặc những nghề nghiệp.

Trong ngàn nhiều nghề, nghề chính của Victor là dạy nhảy đầm. Nhưng hân dạy quá ư tài tử nghĩa là chệnh mảng lăm. Ngày đầu nhận tiền, hân có nhúc nhích dạy học viên quy tắc vài bước *tango* hoặc *boston* rồi từ lần sau hân đề mặc các học viên cũ, mời nhảy với một số vũ nữ đến ngồi ở đấy. (Trong số vũ nữ này có những cô đến tập nhảy cho quen, có những cô đến để câu khách). Nhiều học viên đóng tiền ba tháng, được Victor chiếu cố dạy cho ba lần (vào những ngày đầu tháng y nhận tiền) rút cục chưa biết gì hết, cũng có học viên sau một tháng ghi tên đã nhảy giỏi, đó là công của chính học viên năng đến thực hành với một vũ nữ thành thạo nào đó (rất có thể đôi bên đã thành linh nhân). Nghề chính, nghề dạy nhảy của Victor thì tiến hành như vậy, còn các nghề khác : sản xuất ngôi lợp nhà, thợ giắt, dạy lái xe hơi, hàng thịt, xuất nhập cảng các dụng cụ làm nhà, các đồ phụ tùng xe hơi... là hân đứng thâu. Dưới trường hân túc trực một lũ anh chị chạy đi lấy hàng mỗi khi có mối. (Y gầy yếu nhưng là Tây lai, y bịp khách hàng nhưng rộng rãi với người dưới vì vậy được các tay anh chị rất khâm phục và trung thành).

Chính là hồi Hoạt đương tập việc thợ máy tại một *garage* ở phố Lò Đúc cách đấy không xa. Hoạt có đến « hăng xuất nhập cảng các đồ phụ tùng xe hơi » của Victor mấy lần để mua đồ. Cách ăn mặc của Hoạt mỗi lần đi giao thiệp như vậy không sang nhưng cũng không tồi tàn, dáng người quắc thước vạm vỡ và cái nhìn sống sượng của Hoạt khi đặt vào thân thể Jeanne đã khích động người đàn bà lai này. Jeanne chưa kịp « vẫy tay », Hoạt đã « xông vào ».

Rồi Jeanne đích thân dạy Hoạt nhảy đầm (Jeanne nhảy giỏi lắm), chỉ một tháng sau Hoạt nắm được hết bí quyết của những « pas » thuộc loại bay bướm — « fantaisie ».

Victor cũng biết vợ y thân mật với Hoạt nhưng y coi đó là thường (có lẽ y cho như thế mới thực... Tây!) Rồi chính Hoạt đứng ra dạy khiêu vũ, lĩnh lương tháng khá hậu và bỏ nghề thợ máy ô-tô. Thế là ngay ở lĩnh vực dạy nhảy này Victor cũng rút nốt về vị trí một chủ thầu.

Những cuộc đi lại bán công khai giữa Hoạt và Jeanne tiếp tục. Cả đôi bên cùng coi nhau là phương tiện nên không có gì đáng nói. Hoạt cũng cho in danh thiếp, dưới giòng họ tên là giòng ghi chú nghề nghiệp bằng tiếng Pháp :

Trần Hoạt
Professeur de danse.

Sau ngày cách mạng tháng tám Hoạt cho in lại danh thiếp hoàn toàn tiếng Việt cho hợp với tình thế :

Trần Hoạt
Giáo sư khiêu vũ.

Tai nạn của Thoa cô gái lá ngọc cành vàng bắt đầu từ đây. Thoa là con một vị tuần phủ về hưu, hồi nhỏ theo học ở Couvent des oiseaux rồi chuyển sang trường nữ Félix Faure. Nàng còn một người anh là Lãng đồ kỹ sư điện học ở Pháp. Lãng về nước từ năm 1942 nhưng vì thấy cách thức thực dân tuyển dụng không xứng đáng với tài năng bèn từ chối không nhập ngạch công chức đứng ra mở một tiệm cơm tây lớn ở đầu phố Tràng Tiền trông ra Hồ Gươm, bắt đầu từ chín giờ tối trở đi có khiêu vũ.

Là một thanh niên hào hoa phong nhã nên việc làm « chủ quán » này cũng hợp với khả năng Lãng khả dĩ giúp chàng quên được mối hận sinh bất phùng thời. Lãng còn biết thổi saxophone, rất nhiều đêm Lãng có mặt trên dàn nhạc khiêu vũ mà hầu hết các nhạc sĩ đều là chỗ bạn hữu của chàng.

Thái độ coi khinh danh lợi của Lãng vừa có tính chất cách mạng vừa có tính chất nghệ sĩ. Dầu sao thì phần lớn hành động của Lãng lúc đó cũng như về sau này đều bị suy động bởi tình cảm. Là một thanh niên khao khát Chân Thiện Mỹ, Lãng có liên lạc cảm tình với một số bằng hữu là chiến sĩ cách mạng cũ rồi theo con đường cảm tình đó chàng đi vào dự chung một lập trường chính trị với họ.

Năm có cuộc cách mạng tháng tám, Thoa vừa mười tám tuổi, dáng người phổng phao, khuôn mặt bầu bĩnh, đôi lông mày cong, đôi mắt tròn lay lay thường khi như ngơ ngác trước cảnh đời, Thoa có vẻ đẹp phúc hậu của Thúy Vân và mặc dầu theo học trường đầm ngay từ nhỏ nét mặt Thoa vẫn hao hao như một cô Tàu lai. Cho đến năm đó —

năm nàng mười tám tuổi — mà ngôn ngữ cử chỉ vẫn còn bỡ ngỡ lắm lắm.

Thường chiều chủ nhật nào Thoa cũng có mặt ở quầy hàng từ sáu giờ đến chín giờ tối, thay cho cô *caissière* nghỉ. Từ chín giờ tối trở đi bắt đầu có khiêu vũ, quầy hàng sẽ do chủ vũ nữ tới ngồi thay.

Một chiều chủ nhật Hoạt được một học viên là một công chức hạng lớn có xe hơi nhà mời đi ăn tại tiệm Oasis (tiệm của Lãng). Bàn của hai người kế cận với quầy hàng đủ để Hoạt buông vài lời bông lơn xuống xã đến tai Thoa. Nàng nghe và hồn nhiên mủm mỉm cười, đôi mắt đen láy và bỡ ngỡ nhìn vào khoảng không như nhìn vào một xứ mộng nào mà nàng cũng chưa hiểu và đang tìm cho hiểu.

Lúc ra về, Hoạt đi sát vào quầy tiền đưa mắt lảng lơ nhìn nàng, nụ cười chao chat, rồi ghé xuống nói :

— Đẹp lắm, em ơi !

Tiếng cửa xe đóng xầm, Hoạt còn ngoái cổ nhìn nàng lần nữa, giơ tay vẫy. Khi xe đã rồ máy chạy, Hoạt nói với ông bạn :

— Trông con bé ngon mắt đấy chứ ?

Ông bạn cười đáp :

— Nếu ngon mắt chủ nhật sau chúng ta lại đi.

Chủ nhật sau ông bạn lại rủ Hoạt đi thật và lẽ cố nhiên Hoạt cũng có những cử chỉ để Thoa nhận ra mình ngay.

Chín giờ. Các vũ nữ đã đến, dàn nhạc bắt đầu hoạt động. Khởi đầu là bản Tango.

Thấy Thoa còn ở quầy hàng, Hoạt đứng dậy mời một vũ nữ quen và nhảy giỏi nhất xuống *piste* (vũ nữ này vẫn thường đến nhà Victor). Cuộc biểu diễn bất ngờ nhưng chính vì thế mà càng thêm phần hào hứng. Thoa đã bước lên cầu thang gác còn đứng lại xem. Theo nhịp nhạc diu dặt cặp nam nữ biểu diễn đó khi tiến khi lui, khi lướt nhanh khi ngập ngừng, khi bước theo góc ngang bằng xô ngay, khi xoay tròn như bị gió cuốn.

Bản nhạc vừa dứt cử tọa vỗ tay. Lãng từ trên dàn nhạc bước xuống nói lớn :

— Bravo ! Ông bạn nhảy hay lắm !

Hai người bắt tay thân mật và Hoạt trao cho Lãng tấm danh thiếp trong khi Thoa lên thang về phòng riêng của nàng. Hoạt cho rằng tấm thiếp « *Trần Hoạt, giáo sư khiêu vũ* » đó sẽ gián tiếp giới thiệu mình với người đẹp tò mò, nhưng thực ra Thoa có tò mò gì đâu, nàng đứng lại dưới cầu thang theo dõi cuộc biểu diễn như theo dõi một tấn tuồng hay mà thôi.

Tuần sau Lãng đi Nam-định về một công việc do anh em ủy thác. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ bất ngờ, Lãng bị mắc kẹt tại thành Nam.

Một mình Thoa sống giữa kinh thành khói lửa xiết nổi hãi hùng. Khi quân Pháp kiểm soát được khu phố Tràng Tiền, Thoa lui về ở nhờ nhà một người bạn học ở phố Cầu Gỗ. Khi cuộc chiến đấu ở khu này trở nên ác liệt nàng lui về nhà một người bạn khác ở phố Hàng Bạc. Cuộc chiến đấu ngày một lan rộng, gia đình người bạn này tìm lối thoát ra khỏi Hà-nội bằng một kẻ hủ nhỏ khoảng giữa Ngọc Hà và Ô Cầu Giấy để tản cư lên Sơn-tây. Thoa không dám tản cư theo vì theo đường đó thì rồi đây không biết đến bao giờ nàng mới gặp được anh. Một lần nữa một mình nàng bơ vơ giữa cảnh chinh chiến hãi hùng, tiếng súng rền vang không kể ngày đêm, đôi bên giành giật nhau từng khu phố, từng căn nhà. Sức nhớ còn ông chú họ xa ở cuối phố Hàng Buồm, nàng lần đường về phía ấy. Ngày đó có cuộc kịch chiến lớn ở khu Bờ Hồ, phi cơ địch (chiếc máy bay bà già *Morane*) bay lượn trên không chỉ điểm cho trọng pháo địch tự Cột Cờ rót vào các khu phố Ngõ Gạch, chợ Đồng Xuân. Tới cuối phố Hàng Buồm, tìm đến nhà chú, nàng thấy vắng tanh, cả gia đình chú đã tản cư nơi nao rồi. Tiếng đạn trái phá nổ rền rãng quanh đây làm nàng khiếp đảm nằm nép ở xó tường như con chó con. Buổi chiều, khi tiếng súng ngớt được một lúc nàng mới dám rón rén ra cửa nhìn đường phố. Một số dân chúng — phần nhiều là người Trung Hoa — đem thức ăn đến tiếp tế cho mấy ô chiến đấu ở đầu phố. Đó là ô chiến đấu của các anh em tự vệ thành, quân Pháp gọi họ là « *Les Vietminh carrés* » ; sau một thời gian độ tài cao thấp vẫn những người lính Pháp đó thốt lời tán thán : « *Il sont terribles ! — formidables !* ».

Thoa còn đương ngỡ ngác thì một thanh niên tự vệ thành cao lớn xăm xăm tiến lại phía nàng, một bên hông khệ nệ khẩu súng lục, bên kia gói gọn vào giầy lưng hai quả lựu đạn. Một giọng nói quen quen làm Thoa giật mình :

— Đây cũng là nhà cô em sao ?

Nàng nhận ra anh chàng nhảy biểu diễn hôm nọ, bất giác mồm mỉm cười.

Phổ vâng, Hoạt quờ tay ôm gọn Thoa cúi xuống hôn lên má. Thoa càng cố ý lúi lại sức ghi càng chặt. Hoạt hỏi thăm lại bên tai nàng :

— Đây cũng là nhà em sao ?

Thoa bước vào, Hoạt theo sau. Hoạt ngỡ ngác nhìn quanh phòng khách và biết là nhà không người. Một tiếng trái phá bắn đi tự Cột Cờ rồi nổ ầm ồ ngay khu kế cận, cửa chớp nhà hàng xôm bật tung, kính rơi loảng xoảng cùng với một loạt liên thanh như tiếng cười sảng sặc của tử thần từ phía bờ hồ bắn lại. Trong khoảnh khắc kinh hoàng ấy Hoạt ôm ngang lưng Thoa nhảy hai bước tới divan ở góc phòng, Thoa bị kéo theo, hai bàn chân nàng lè sát đất. Hoạt đè ép nàng xuống divan như thể muốn đem tấm thân trượng phu che chở cho

khách má đào. Ánh chiều còn chạng vạng nhưng gần divan là khung cửa sổ lớn hai cánh mở ngỏ, ánh sáng tự ngoài đổ vào đủ để cho Hoạt nhìn rõ khuôn mặt Thoa cùng cả thái độ phản ứng của nàng lúc đó.

Cũng là may cho Hoạt (hay cho Thoa ?) thoát liếng đại bác nổ liên hồi, tiếng kính rơi, tiếng tường xập, tiếng mái ngói lật nhào làm Thoa thất lạc tinh thần quên cả cái đau xé thân thể. Khi tiếng súng tạm dứt, nàng định thần lại nhưng đôi mắt vẫn ngơ ngác, — thì nàng vẫn ngơ ngác trước cuộc đời như vậy — nàng chưa hiểu ái tình, chưa khao khát ái tình nhưng giờ đây nàng ngơ ngác chấp nhận ái tình không phải vì tò mò mà vì không biết phản kháng ra sao.

Khi Hoạt cúi xuống hôn lên miệng xinh của nàng, nàng khẽ nghiêng đầu tránh, đôi mắt thoáng sợ hãi, chớp liên mấy cái rồi trở thành rùng rùng...

Hoạt đưa Thoa đi kiểm soát nhà, dưới bếp còn nhiều gạo, lạp xường, trứng, dưới gầm bàn thờ còn vỏ vò và cam, quýt, bưởi...

Hoạt bảo nàng :

— Ngày ngày em làm cơm cho anh ăn với nhé.

Nàng ưng thuận.

Từ những lần sau chung đụng với Hoạt, Thoa vẫn giữ nguyên vẻ rùng rùng. Điều này làm Hoạt bức mình.

Sang ngày thứ năm, Thoa chờ Hoạt về ăn cơm, suốt buổi trưa không thấy. Hoạt đã cùng toán tự vệ đầu tiên ra khỏi Hà-nội từ đêm hôm trước, trở lại đời thường dân, tản cư lên Đức-thắng, mở cửa hiệu Việt Hùng chữa súng. Không một lời từ biệt !

Ba tháng sau Lãng từ Nam-định về gặp Thoa ở căn nhà cũ đầu phố Tràng Tiền. Phải định thần giây lâu Lãng mới nhận ra em. Thoa có mang, khuôn mặt hốc hác. « Tao sẽ giết thằng đó ! Tao sẽ giết thằng đó ! » Tiếng Lãng hét lên cùng với cú đấm xuống bàn, chiếc ảnh *sous-verre* này lên rồi rơi xuống nền gạch hoa ; kính vỡ tan tành.

Văn phòng bên ngoài ồn ào. Đã tới giờ làm việc tự bao giờ. Tiếng cười nói vui vẻ của phe nam như bao quỵen lấy tiếng cười nói thanh thanh của Lê. Tàn đã quen với cảnh đó nên lần này giữ được tâm hồn thản nhiên.

Có tiếng bước chân quen thuộc... Bước chân Lê ! Tiếng gõ cửa xinh xinh rồi cánh cửa mở, Lê xuất hiện như cả một bông hoa, khuôn mặt đẹp tươi rờ rở, trên mái tóc có cài bông hoa xinh, chiếc áo nàng mặc màu xanh non, hoa trắng lớn hơi thất ở ngang đáy cạp

làm nổi bộ ngực thanh tân với vẻ quyến rũ dịu ngọt mà diễm đại.

Trong lúc Lê tiến lên, những bông hoa trên người nàng uyển chuyển, Tân cảm thấy chàng như một mảnh hồ dương thu mình lại nhỏ như con mèo trước khi tung thân nhảy ra vồ lấy mồi ngon. Vừa lúc Lê dừng lại, thân nàng hơi ngả tới để đưa tập hồ sơ, tay áo hơi co lên để lộ đôi cổ tay trắng, tròn, xinh, chiếc đồng hồ *oméga* mạ vàng, chiếc kim *trolteuse* nhỏ tí tách đuổi theo thời gian miết mãi... Bất chợt Tân nắm lấy hai cổ tay ấy, tập hồ sơ rơi xuống bàn có tấm kính :

— Em đẹp lắm, Lê !

Chàng nói :

— Anh nhớ ra rồi, điều đêm hôm nọ anh định nói với em rồi chột quên đi.

Lê ngừng nhìn ý hỏi thăm là điều gì ?

Tân nói tiếp :

— Là anh chỉ muốn em xấu đi, để một mình anh yêu em.

Lê cười, chớp mắt... miệng nàng hơi hé, đầu lưỡi áp lên môi trên che mấy chiếc răng trước cửa trắng muốt. Những búp tóc mềm của nàng rũ ra xòa lên cánh tay, một vũng hương *Chanel No 5* đã phai mùi tỏa ra, nhưng vì phai mùi mà gây được một cảm giác quyến rũ vô cùng xa xôi và hoang đường ; trong khi đó bàn tay Lê lần tìm bàn tay Tân rồi lồng những ngón tay vào nhau : nàng đã đạt nguyện vọng cùng với cái hôn đầu tiên (Tuy đời sống tình cảm cô bé ngoan lắm thật, nhưng đây là lần đầu tiên nàng nhận cái hôn của một chàng trai).

Tân âu yếm nói bên tai nàng :

— Thứ năm tới anh sẽ đưa em đi xi-nê, thứ bảy tới chúng ta cũng đi Arc-en-ciel nữa, em bằng lòng chứ ?

Lê khẽ gật đầu mấy cái luhn những búp tóc mềm của nàng cũng uốn ruỗi theo nhịp trên hai vai.

— Chúng ta sẽ bàn nhau ngày làm lễ cưới, Lê nghĩ sao, em yên ?

Lê ngoan ngoãn nép đầu dưới vai ngược nhìn chàng không đáp và hầu như cũng không nghe thấy cả câu nói trên của chàng. Bao hình ảnh người đẹp trong di vãng ủa đến cũng một lúc mà vẫn tuân tụy, rõ ràng : hình ảnh Sinh tụy chiều chuộng Hoạt để sau cùng nhận lấy cái án ly dị, hình ảnh Nhân chết thảm thương trong trận ném bom ở Đức-thắng, hình ảnh Thoa bị vùi rập trong cánh tay Hoạt giữa một chiều khói lửa, hình ảnh Văn chịu nép một bề trong cánh tay khẳng khiu của tên chủ tịch huyện hiếu sát, hình ảnh Miên hiền lành trôi giạt như một cánh bèo trên con sông rộng...

Tân cúi xuống tìm gặp môi Lê lần nữa, mặc cho lòng cuốn theo

sức mạnh thành tựu của hai dòng tưởng tượng và ước vọng nay đã hòa làm một.

Chàng cựu sinh viên quân y, con người chừng mực ấy, từng biết thế nào là nghèo khổ, từng ngót nửa đời phiêu bạt, đã lấy đà từ hình ảnh hung bạo của Hoạt, phá vỡ bờ dè lý tưởng thuần túy cho đam mê tràn bờ vào thành một thể quân binh.

doãn quốc sỹ

VIÊN LINH

trong giấc mộng tàn

thôi chẳng còn thân thể chẳng còn đầu
giắc ngủ trưa trên thang gỗ mục này
tay ôm ngực tai lắng dần tiếng gõ
nặng chân người khua ván lộ thiên

tôi ứa lệ nằm nghe tôi chẳng kịp
tay vết sần vun đồng tốc xâu
tiếng động đời xưa qua nẻo nọ
tôi lần theo tôi biết cũng ngu

chiếc xe dân vòng bánh gầy lóc cóc
ngựa về ô ngũ dừng suốt canh thâu
trong quá khứ tôi ngồi soi bóng
mai đây làm con ngựa cố quên

khuôn mặt còn em qua màu khói nước
thời đại mình như chiếc bánh xe
con vật cầm đầu chạy trên móng sắt

một mũi lên đèn nhắm giữa tim nàng

tôi trở dậy sao sâu đêm tối lấm
lời nói khuya lời nói khuya a lời nói
tôi nhờ họ chẳng nghe rồi lảng lảng
đi bước dài trên ván gỗ long

cùng quá khứ cùng tương lai cũng vậy
suốt đời dù theo liếng gọi em
chẳng tá hữu gì tôi đứng giữa

khỏi làm sao không có ý riêng

ĐÁ VÀ NGƯỜI

bão rút qua rồi cát bụi nằm yên
thời thế bây giờ tan vỡ hết

ình yêu qua rồi thân thể mỗi
thời thế bây giờ mất nốt thói quen

sống ít lâu rồi lương tri bắt bão
cho đủ nước mắt nhỏ từng đêm
pho tượng đá lăn hai dòng lệ đỏ
những lúc mưa và lý lẽ kia

thời thế bây giờ tôi ngậm kỹ
hai tay tôi hai miếng đá mài

núi lở qua còn những tấm bia

trong giấc mộng lẩn

SAU ĐÓ

tôi là kẻ mà niềm yên vui gồm mặt
nên chỉ dám đi vòng quanh ngõ lặng yên
buổi chiều qua khuôn mặt em ỏi hình bóng
giấc mộng đời anh sắp lại chẳng

một cây nến cháy soi trên mình
những lòng tay gầy vuốt mặt quên
tôi nói chỉ tôi nào nhớ hết
mối nghi ngờ len kẽ dọc thân em
như những khe mưa buổi chiều mùa hạ
giám con chim buồn rũ cánh đứng cây khô
lời năm đó tôi lên là kẻ nợ
trở về xin hết kiếp ăn nần

những sợi tóc xanh trên đầu tôi vậy
sau tình yên thời sẽ khô cong
ít chục năm sau khỏi sao không rụng
lá cây hàng năm rồi mùn bụi đen

tôi còn lại đây một vòng tay rỗng

viên linh

THANH TÂM TUYỀN

thêm sương mù (2)

II .

muốn sang châu thành Trí phải qua đò ngang sông. Con sông, vào những trưa nắng lớn trải rộng như một mặt gương sắc, bên bờ những bụi ô rô xum xuê hương đại như giọng « hò ơ, ví dầu... » của mẹ Trí ru đứa cháu gái ngoại đẽ hoang, con của chị Lệ, dưới mái bếp ; vào mùa mưa lớn, đêm chợt thức giấc ; một mình ngủ ở nhà trên, giường kê bên cửa sổ, tiếng mưa rào rạt ngoài vườn cùng tiếng gió chuyển động, Trí nghe như tiếng sông cuộn cuộn đổ và đang tràn lấn tới gần, những lúc ấy Trí lột hết quần áo mặc trên người quần chần quanh mình, muốn chờ đợi giòng nước băng cuồng bạo sẽ tới cuốn mình theo và Trí sẽ vùng vẫy. Trí tưởng tượng một cảm giác vẫn ám ảnh hần, cảm giác của một người đang bị hút mạnh vào dòng trôi chảy của tạo vật và một mình cự đương băng chân tay cơ thể, trí óc mất liên. Một đêm kia, Trí mở cửa đợi mưa, chạy trên đường trơn men theo con lạch sau nhà ra sông và nhảy xuống lội, đêm tối mù mịt, bên kia bờ ánh điện châu thành Thủ-dầu-một lúu hắt ; lội được vài chục thước khỏi bờ, nưư rơi chìm trên mặt nước như một lưi thi thắm bất tận, hần thả trôi theo dòng nước, mất hần mỡ, những hạt mưa buông xuống nhẹ như những giọt lệ của Diệp, trong trí hần nói : « Mây là Trí, mây không diên đầu ; mây không diên đầu. » Hần trở lên bờ thất vọng, và người run bắn ; mẹ và chị Trí đứng ở cửa hò gọi : « Trí ơi, Trí ơi », hần nấp sau bụi cây đáp vọng : « Má với chị Hai thôi đèn xuống nhà dưới cho tôi vô » — « Sao vậy ? mây ở đâu Trí ? », Trí la lên nổi sùng : « Lệ, lệ lên cho tôi vô, tôi lạnh quá rồi, tôi ở trường ra sông tắm ». Đợi cho hai người đàn bà xuống nhà dưới, hần chạy mau vào nhà, nhảy lên giường quần chặt

lấy tấm chăn, « Trí, mày vô chưa ? », hán nhắm chặt mắt không đáp ; lát sau mẹ Trí mang đèn tới bên hỏi, giọng run sợ : « Trí, con sao vậy ? » bà lập đi lập lại hai ba lần câu hỏi, Trí quát : « Tôi không sao hết, tôi không điên đâu, tôi không điên đâu mà mà sợ. Đề cho tôi ngủ. » Hiệp đã nói, giọng nói trầm hút đi như một cơn xoáy ẩm nhiều khi làm cho Trí rung rung nước mắt, khi Trí mang pho bày những nỗi niềm trống trải tối tăm và buốt lạnh trong cái phần xôn xao bí hiểm của tâm hồn mình : « Đó là những cơn điên của sự sáng suốt, cậu có hiểu không ? Thiên nhiên cũng bí mật như cái chết, người ta tìm tới đó và biến mất không bao giờ trở lại. Nhưng là sự bí mật hiển nhiên, đừng dò kiếm vô ích. Chẳng thể nào người ta là thiên nhiên và cái chết cả, đó là những giới hạn xác định nên con người, đời sống chúng ta chỉ đặt cạnh thiên nhiên và cái chết, và là phản tự nhiên, phản lại cái chết. » Trí nhìn ra cánh đồng méo mó trước mắt, hai người đứng ở trên cổng một ngôi chùa, một con ngựa gầy còm đang nhai cỏ bên cạnh ngôi miếu nhỏ, một bụi tre thưa che lấp phía trái tầm mắt, ánh nắng đứng im, buổi sáng đang lên cao, Trí thuật lại : « Em vẫn bị ám ảnh bởi cái chết của ba em. Thật lạ lùng như một cơn ác mộng. Năm em lên mười tuổi thì ông mắc chứng khủng. Mỗi đầu ông chỉ ngồi im một chỗ nói lảm bèm một mình, nổi chán rồi khóc rống. Mẹ em cho mời thầy pháp về bắt tà, ông nổi xung vác dao rượt chém người ta. Từ đấy bệnh ông nặng hơn, thỉnh thoảng ông la hét xé quần áo và đuổi đánh hết mọi người. Những ngày gần chết đêm đến ông không ngủ được, ông đi lại trong nhà nói chán rồi khóc, khóc chán rồi cười đến sợ. Một đêm kia đột nhiên ông phá cửa và bỏ chạy khỏi nhà. Hồi ấy Pháp mới về chiếm đóng, cả nhà sợ hãi chạy theo, chòm xóm không ai dám therc dậy mở cửa. Ông chạy ra nhảy xuống sông lội bì bõm. Đêm ấy mưa như giông. Em với má em cùng chị Lệ chỉ biết đứng trên bờ kêu « la ông trở lại. Một lát ở trên đồn chiếu đèn xuống và xả súng bắn. Ba mẹ con em núp trong bụi cây trên bờ nhìn bóng ông nhấp nhò ở giữa dòng. Ánh đèn chiếu bao vây lấy ông và đạn rơi xuống nước lồm bồm. Mấy ngày sau xác ông trôi vào con lạch sau nhà và nổi lên. Mỗi lần nghĩ lại em vẫn tự hỏi khi đó ông bị cái gì thúc đẩy, cảm giác ông thế nào. Có những điều gì kỳ lạ khi con người điên khủng và cái dòng sông kia có liên lạc gì tới cơn điên của ba em. » Hiệp cau mày đáp : « Trong cơn điên người ta đã hóa thành một phần tử của tự nhiên, người ta muốn bước mau tới cái chết. »

Cái chết, Trí vẫn thường nghĩ đến. Sau mỗi lần thủ dâm, Trí nằm yên nghe hai bàn tay quờ quạng trên đồng xác thịt của chính mình, tưởng tượng như mình đã chết đang ở trong ngôi nhà mờ hơi đất ẩm bốc lên lạnh lẽo ; gian nhà của Trí đã cũ được che phủ bởi

cây lá vườn tược xung quanh, tường mái mọc rêu ẩm ướt quanh năm, những cột lòn đã mọc, nền gạch tàu nhiều miếng vỡ nát. Một lần Trí hoảng sợ bỏ chạy ra ngoài đồng, buổi trưa nắng đê nặng cả lồng ngực, chỉ mặc một cái quần xà lỏn, hần lòn xuống một bãi cỏ ven sông xa cách với làng xóm, nằm úp xấp xuống cỏ rồi Trí thấy như mình là một thân cây bị những nhát búa đốn mạnh cuối cùng gục ngã, tôi cũng chỉ là cỏ cây và đất và nước, nhưng ngược mắt lên Trí trông thấy cái nền của đồn binh ngày trước, mặt nước dâng cao của con sông và đám cỏ bị đê bẹp dưới ngực. Có phải là tôi muốn chết? Tôi có một thân thể và tôi muốn hủy nó, thân thể này dùng làm gì? Đê chờ đợi một giống cái hay làm vật hy sinh cho ý thức của tôi? Trí vuốt ve hai mạng sườn mỗi một coi như nó thuộc cơ thể của một con chó của hần nuôi đê giữ nhà.

Trí nhìn những người xung quanh lạ lùng vì thấy họ sống trùng khít được với cơ thể của họ, chúng không thấy nó chật hẹp? Đối với Trí cái giới hạn của cơ thể, trong không gian và thời gian, ngăn cách hần Trí với đồng loại. Hần vẫn nhìn mẹ hần, mái tóc đã ngả bạc, vài nét đẹp của thời con gái còn sót lại (môi cắn chặt, sống mũi thẳng, mắt sáng đen) tự hỏi : người ấy đã sinh ra tôi, đã tạo thành cái xác thịt của tôi, tạo ra tôi? Nhưng tôi ngày nay không còn là một đồng xác thịt nữa, tôi là một người, một người làm nên bởi những kẻ khác, những người khác ấy là ai tôi không biết, tôi không gặp, tôi bơ vơ. Hần không bao giờ muốn nghĩ đến Lệ, chị hần ; thuở nhỏ hai chị em thân thiết với nhau, từ ngày chị hần chữa hoang — tình nhân của Lệ đi tập kết ra Bắc — hần không muốn nhìn Lệ nữa, sống chung trong một nhà, hai chị em trở thành xa lạ, nói với Lệ hần nói chông và tới câu thứ hai bao giờ cũng trở giọng gắt gỏng (mắt dăm dưng, thân hình thon nhỏ, vẻ lạnh hiên khêu gọi một cách đáng ghét).

Con đò ngang đậu ngay vào bến sau chợ, bước lên là khu bán trái cây bày ra ngoài lò (sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, bòng boong, dâu da, mít tố nữ...), buổi tối là chỗ đậu những xe mi, hàng chè, hàng cháo (những tích truyện Tàu vẽ loè loẹt xanh đỏ trên kính ám khói, những ngọn đèn khí xanh murôt, tiếng máy phóng thanh của phòng thông tin đầu chợ...); đi dọc theo hông chợ, dãy hàng vải, một bên đường phố chệt, lẩn lộn, tiệm thuốc bắc, tiệm thuốc tây, tiệm ăn, tiệm sửa xe đạp, tiệm cầm đồ, tiệm sửa đồng hồ sửa giày... tới bến xe lò chạy Sài-gòn. Những chiếc xe Ford Vedette chạy qua mấy con đường chính của châu thành, qua ngòi trường của ông Pháp — trường Diệp đang học — (hình ảnh mấy năm trước : ông già bận quần sà lỏn ở trần lui hui lau chùi bàn ghế tử sập, ra giữa sân nạt nộ đám học trò), mấy xưởng sơn mài, cột ét-xăng gần nhà ga có những toa goòng bỏ bể quanh năm — con đường tàu hỏa chạy về phía nhà

thờ chui dưới một găm đường cây cỏ hoang vu rậm rạp — qua một cây cầu xi-măng trắng, trạm cảnh sát và ra khỏi châu thành. Con đường dài non ba mươi cây số về Sài-gòn — Trí chưa khi nào đi ra ngoài con đường ấy và xa khỏi độ dài ấy — chạy qua mấy thị trấn nhỏ (Búng : chợ, cầu xi-măng ; Lái Thiêu : chợ, cầu xi-măng ; chợ kế bên sông, những nhánh nhỏ của con sông lớn bên nhà Trí). Lái chèo nằm dưới những vùng đất thấp, cánh đồng bằng phẳng mọc một ngôi trường mới xây, ruộng lúa vườn mang rậm rạp, những lạch nhỏ vừa đủ một con thuyền lớn lên lỏi, bên kia lạch những căn nhà gỗ, một bên đường thỉnh thoảng nổi lên những biệt thự màu hồng què kèch. Bên một dốc cầu, cầu làm bằng gỗ có một bậc cạnh gạch đủ bỏ hoang trên đầu cầu, còn trơ một nền đất vuông vện, ngôi trường sơ học vừa phá đi, xe thường chạy chậm Trí đã từng trông thấy vài mươi đứa trẻ nhỏ nghèo nàn với một cổ giáo cỡ tuổi Diệp đang hao hao như Nhàn, bên dòng nước hẹp chảy giữa những lùm cây hoang ; mùa mưa ngôi trường như một gò nổi. Nhiều khi xe đã chạy xa, trường vọng của Trí vẫn còn trôi theo mặt nước phẳng lặng bên cạnh trường len lách giữa những đám cây tìm tới một cảm giác mê muội bất tri. Mấy năm về Sài-gòn theo học, đi lại trên một con đường quen thuộc, mỗi ngày Trí mỗi nhìn rõ cái cảnh vật xung quanh đang khuôn lấy tâm hồn hần thành hình dáng phù hợp với toàn thể theo một nhịp điệu đều đều kín đáo, một ngày kia hần sẽ là một thứ cây một thứ cỏ nào chìm ngập giữa vô vàn sự vật im lìm (có một nhịp điệu tuần hoàn như bánh xe lau môn dần) và tâm hồn hần cứ trôi đi sợ hãi và nuối tiếc. Đang sợ hãi hơn nữa khi sự chiếm đoạt nhào nặn mình lại do nơi kẻ yêu mình, Trí vẫn thỉnh thoảng bảo Diệp : « Em đừng bắt anh phải chiều theo ý của em, anh không bao giờ làm hết, Em cũng đừng bao giờ nghĩ rằng chúng ta bắt buộc phải sống suốt đời ở bên nhau. Không phải như thế đâu. Rồi có thể chúng mình xa nhau mà không phải là phụ bạc. Mình xa nhau là để giữ lấy điều quý nhất : được sống theo ý mình. — Diệp quay nhìn nơi khác, gò má lặn vào một làn tóc, Trí trông thấy nỗi buồn sẽ tới như mấy sợi tóc rối (có thực như thế không ? Tôi không thể không nghĩ như vậy) — Diệp ơi, em tin là anh yêu em chưa ? » Diệp đáp, giọng nhỏ nhẹ làm mềm lòng khó chịu : « Em không hiểu anh. » Trí rút cánh tay vẫn quàng ngang vai Diệp về : « Anh muốn nói rằng... (Một khoảng trống không ngan giữa ý thức và ngôn ngữ. Một cơn chóng mặt say sưa. Một bước nhảy. Tiếng nói tạo nên ý thức.) Anh muốn nói... là rồi em cũng như anh chúng mình sẽ phải thay đổi và tình yêu cũng bất lực trước sự thay đổi ấy... Lúc ấy chúng ta cũng vẫn còn yêu nhau nhưng tình cảm đó sẽ chỉ là sự hy vọng của tình yêu, nó không phải tình yêu đích thực nữa. Tốt hơn hết là

xa nhau... phải sẽ buồn, buồn suốt đời lận, nhưng ở lại thì... » Diệp nói mau : « Anh, em không rõ. Không em, em thề không bao giờ thay lòng đổi dạ ». Tri có cảm tưởng như mình vừa bước hụt, đau thót trong bụng nghĩ thầm : chúng mình không nói cùng một ngôn ngữ, biết đâu chính khi anh yêu em, đó cũng đã là sự luyến tiếc một cái gì đã mất ? Một cái gì đã mất hay không có, không bao giờ có ? Tri bảo : « Anh nói thẳng nghe, anh thấy anh khó thể hợp với gia đình của em. Anh không thể tưởng tượng ra anh sẽ phải ăn nôi đi dưng thế nào khi vào trong gia đình em. Mà anh chắc chắn gia đình em cũng chẳng nhận nổi anh. » Diệp nhìn lại Tri, hai mắt cười sáng, mối hy vọng của nàng đầy Tri thêm xa cách dần dần vào trong một vòng vây : « Anh khỏi lo, ba má em dễ lắm. Ba má em tu đạo Phật rất thương em, tại anh chưa gặp nên nghĩ vậy thôi. Anh biết không hồi này ba má em ăn chay trường... » Tri ngắt lời : « Còn anh chị em của em... », còn họ hàng thân thuộc, còn quá khứ, tương lai của gia đình em, còn cả cái đời sống đã thành nền nếp từ muôn đời của em, Diệp ơi, em không thể hiểu anh muốn nói gì. « Họ ăn thua gì tới mình — Diệp đáp vội », Còn căn nhà mấy đời hương hỏa mà mỗi bước anh đi vào sẽ xô chạm phải cái không khí nặng nề như thành quách, không, anh không muốn làm một viên gạch trong gian nhà ấy. Mỗi lần Diệp ghi sát lấy Tri, hẳn muốn được điên cuồng đè mặc nàng ôm ấp nhưng sau đó sáng suốt hẳn sợ hãi nghĩ nàng đang đưa hẳn tới gần cái nhà trang nghiêm, cửa đóng kín suốt ngày trong ấy đồ đạc lâu ngày trở thành yêu tinh có linh hồn biết níu giữ lôi kéo và chúng sẽ nuốt chửng lấy Tri vĩnh viễn. (Mỗi người thêm vào làm linh hồn chúng mạnh mẽ hơn lên)... « Nhưng gia đình em đã bằng lòng gả em... » — « Tại anh không hồi », Diệp dần giọng hơn dỗi, nàng khóc một cách bất ngờ, Tri lung lay, hẳn giữ sắc nghiêm thủ thế. Hẳn nghĩ đến Nhàn, Nhàn có khóc như thế không ? thật là lỗ bịch, này là đứa trẻ con đang đập vỡ cái đồ chơi mây tre thích, không, từ nhỏ tới lớn tôi không có một thứ đồ chơi nào cả, hiểu biết là tôi bắt đầu phải sống, sống với mọi người với mình... Tri không đùa, hẳn thật như vậy, hẳn nói với Diệp : « Anh có hồi cũng chẳng được. » — « Anh đã thử đâu hay anh không muốn ? Anh không yêu em. » Giọng Diệp ráo hoảnh, nàng biết đã dồn Tri tới thế bất hẳn phải thú thực tình cảm, tới đây Tri không nhịn nổi nữa, hẳn không thể chịu người khác bắt buộc hẳn phải phơi bày ý nghĩ thầm kín, hẳn gắt : « Anh yêu em, em bằng lòng chưa ? Nhưng anh không yêu em theo lối em nghĩ. Tùy em muốn hiểu thế nào thì hiểu. » Diệp trở nên bưng bình, nàng cười mỉa : « Vậy em sẽ lấy chồng cho anh coi... Em sẽ lấy chồng cho anh coi. » Tri bình tĩnh như không, phản ứng của Diệp làm thang bằng tâm hồn Tri, hai sự tự do đối nghịch làm mất cái cảm tưởng độc quyền tự do

đề xô lẫn người khác; hần ôm lấy Diệp nhưng nàng xô hần ra, móng tay nhọn cào sướt bèn cổ Trí, toàn thân hần tê điếng, tôi mất Diệp, tôi sẽ mất Diệp không sớm thì muộn...

Sài-gòn. Bến xe lò bên hông nhà ga. Mùi khói than của những đầu máy chuyển động vu vơ. Rạp tường tê lạnh về buổi sáng (những tấm bảng quảng cáo, hình đào kép vẽ bằng vôi bột phơi trước ánh sáng ban ngày, những bóng đèn không thắp, quán cà-phê với những người dầy muộn uể-oải.) Nhà trọ. Căn gác trên một tiệm phở và cơm bình dân. Ba cái ghế bố song song, một cái tủ đứng, một cái bàn học chung. Hai cửa sổ, một ban-công trông xuống đường, con phố khuất giữa những phố lớn đông đúc, đầu đường một cây xăng mới cất. Trí ở cùng với hai đứa trạc tuổi, một đứa quê ở Cần-thơ học khoa-học, một đứa Sa-đéc học tú-tài, Trí văn-khoa. Thời khóa biểu của Trí: một vài giờ buổi sáng, mười giờ buổi chiều tối. Tiệm phở ồn ào tới khoảng chín giờ sáng. Đọc sách. Buổi trưa tới năm giờ gian phòng bức bối nghẹt thở, ẩm ướt thiếu khí trời về mùa mưa. Đi bộ qua những phố vắng vẻ trồng nhiều cây tới trường. Giảng đường đông đúc, những bóng đèn lớn trắng xóa, tường trơn xanh bạc. Cái cảm giác say say mới lạ khi vừa bước chân lên thềm Đại học đã mất chỉ còn lại một nỗi trống vắng im lặng của trí thức thuần túy biệt lập.Ồn ào xô động lúc bắt đầu vào kiểm chỗ và giờ ra về, khoảng giữa là giọng đều đặn của giáo sư thay cho tiếng tích tắc của đồng hồ, một vài tiếng húm hắng trong các hàng ghế, tiếng kèn xe hơi ngoài lộ, tiếng cọ sát của vải vóc trên mặt ghế nhẵn khi cựa mình, tiếng thì thầm thỉnh thoảng bay quanh quần. Những giờ buồn nản dồn Trí vào sự bất động, từ trên cao nhất — Trí tra ngời hàng ghế chót vót ở giảng đường — hần quan sát, dở trang sách ghi chép những màu áo của các bạn gái cùng lớp, tính cái chu kỳ màu sắc của từng người. Trí nhớ tới gian nhà của hần ở bên sông, trên bàn viết đặt một bức ảnh của Nhân, Trí bắt gặp bức ảnh này trong một cuốn sách Hiệp cho mượn và giữ lại lòng khung. Nhân có vẻ phảng lảng tránh được mọi sự chú ý tò mò, nhưng càng nhìn lâu Trí càng bị thu hút bởi sự phảng lảng ấy, sự phảng lảng làm tan hết mọi dự đoán nhưng nó còn lại như một niềm bí mật mới mẻ. Trí thường nghĩ: Nhân không có ở đó, nhưng ở chỗ nào, tìm gặp Nhân bằng cách nào?

Thứ bảy, lên xe lộn lại con đường cũ. Xê dịch trong sự quen thuộc vừa vui thú vừa bất mãn. Cuộc hành trình trong khoảng nửa giờ đến bốn mươi lăm phút. Mỗi tuần xuống xe ở Thủ hay ở Sài-gòn, Trí đều cảm thấy như đã xa cách lâu ngày mới trở lại, có bao nhiêu thay đổi ở xung quanh và ở ngay trong mình, ánh nắng lạ lùng trên những mái ngói thấp tỉnh lý về chiều, buổi mai nhiều sương và khói trong trời Sài-gòn và mặt đường nhựa trơn, làm Trí sung sướng. Cảm giác

hãy chẳng được lâu, chỉ cần một vài bước, Trí đã trùng khít với cảnh vật nơi chốn và trong sự gặp gỡ lại hiện ra khoảng cách biệt phần nản. Về đến Thủ, theo thói quen Trí ghé thăm Hiệp và Nhân trước khi qua sông. Ngồi nói chuyện với Hiệp với Nhân, hay im lặng ngắm bức họa chân dung của Nhân trong khi Nhân làm công việc, Trí được sống những giây phút thanh thoi tràn đầy trong thú hạnh phúc cô đơn bên những người khác. Trước mắt Trí, Nhân và Hiệp sống chung với nhau mà thực sự cô đơn, hình như họ vẫn bị chia rẽ bởi một sự bí mật mà Trí không rõ. Nhưng thỉnh thoảng Trí lại nghi biết đâu đó không phải là lối sống của hai người, chia sẻ hạnh phúc bằng sự hiện diện lưu động không cần những ràng buộc câu thúc những nền tảng cứng nhắc đáng ghê sợ. Trong lời nói dịu dàng của Nhân cũng như của Hiệp, Trí trông thấy sự xa vắng, như đồ đạc bày ra đầy không gian trống bước đi lại, sự xa vắng trong cái thế song hành mãi mãi, kẻ sát nhau mà không trùng nhau...

Ngoài là cửa hiệu sách, trong là nhà in : máy in, máy xén, những chồng sách vừa khâu chất đống, lên cầu thang xi-măng (những bậc thang đầu cũng xếp sách) qua cái cửa sổ bít mắt cáo nhìn xuống sân sau ; Khăn ngồi ở bàn giấy ngay tầng gác thứ nhất, cạnh buồng xếp chữ, miệng ngậm *pipe*, đang hí hoáy tính toán, hắt hắt lờn tựa người vào lưng ghế nhìn cười, nụ cười tinh ranh đáng điểm :

— Xuất hiện đội ngọt hả.

Một người thợ nhà in đưa ra sắp morasse, Khăn khoát tay bảo với người thư ký ngồi bên bàn phía sau Hiệp :

Chú Minh sửa bản này rồi bảo đập lại, trưa về lên ghé qua nhà đưa cho ông Thọ xem, chiều cho máy chạy.

Một người khách lạ bước lên, một tay Tàu buôn bán, áo sơ-mi nylông bỏ ngoài quần, cầm cái sắc rẽ tiền cộm giấy tờ.

— À ông ba đó hả, về đi. Mai tới hôm nay chưa có tiền đâu. Còn phải cho người ra hàng lính. Sáng thứ hai mà, tới sớm vậy.

Khăn cầm tập hóa đơn ném vào ngăn kéo, hỉn hỉn mũi cười bảo :

— Máy anh ba Tàu đòi tiền dõ quả, Thế nào sự việc gì mới chẳng ?

Hiệp ngập ngừng chưa tìm được câu trả lời. Chuông điện thoại, Khăn nhắc ống nói, phì phả hơi thuốc, khởi bấc trâm lên mái tóc quăn tự nhiên của hắn. Trong khi vừa nói chuyện ở điện thoại, thỉnh thoảng hắn lại bịt ống, nói với Hiệp về tình hình xuất bản. Từ mấy năm nay Hiệp cộng tác với Khăn in sách, Hiệp viết đủ loại, những loại sách nào tiêu thụ mạnh : giáo khoa, khoa học, y học thương mại, triết lý, xã hội, chính trị phổ thông... Hiệp không còn thể nhớ mình đã viết

bao nhiêu cuốn cả thấy, viết rất mau trong những thì giờ trống trải, vút hẳn thảo cho Khấn lo liệu và không bao giờ nhia đọc lại sách đã viết. Thỉnh thoảng bất chợt trông thấy một cuốn sách do mình viết bày bàn, Hiệp ngạc nhiên tưởng như của kẻ vô danh xa lạ, trong tủ sách của Hiệp không có hồng danh một « tác phẩm » nào của chàng. Sau lưng Khấn là cái tủ xếp hồ sơ, có một ngăn dành cho sách mới in, có một cuốn của Hiệp tựa đề « Làm thế nào để tạo hạnh phúc gia đình ». Khấn đặt ống điện thoại xuống, vội lấy cuốn sách của Hiệp lật lật mấy trang đầu tới trước mắt Hiệp hỏi :

— Trông được không ?

Hiệp mỉm cười đáp :

— Khá — rồi hỏi lại — Trừ đây không ?

— Đều đều. Được cái thiện hạ còn thêm hạnh phúc lắm — Khấn tiếp lời giọng chồm cọt — Đêm qua buồn tôi dờ dạc vài trang muốn hỏi thăm cậu : thế cậu đã có hạnh phúc chưa ?

— Bị mất nghề nghiệp.

— Thì cậu tốt lộ với tôi có sao ? Khấn gõ gõ đầu thuốc vào cái gạt tàn thấy tỉnh trong, dáng điệu sành sỏi tay chơi — Tôi là đồng lõa của cậu cơ mà.

Hiệp xi một hơi nhan mặt :

— Tôi không tra có đồng lõa.

— Thế đưa nào thu tiền về, phát tiền cho cậu sống đã nào ? — Cái lối nói quen thuộc của Khấn, trắng tráo sỗ sàng. Hiệp nghe đã nhiều và chàng vẫn thường dùng đáp lại, nhưng lần nào Hiệp cũng thấy như bị một mũi kim châm vào đầu ngón tay.

— Muốn làm đồng lõa thì hãy giờ phát tiền đây.

— Bao nhiêu ? Khấn nhìn soi mói Hiệp. Cái bộ mặt của hán có nhiều nét tương phản, từng trải dày dặn lẫn với ngây dại non nớt, một thứ công tử con nhà giàu được nâng niu chiều chuộng từ tấm bé đi tìm kinh nghiệm ngoài đời bằng cách vung vài tiền bạc đôi lần một ít mẫu vận của sự sống vô nghĩa như đùa trẻ nhặt nhạnh những vỏ trai sò bừa bãi ngoài bãi biển, bỏ mặt buồn phiền, phăng phất sự khổ não chán chường, tẻ nhạt như những mẫu sống.

— Bao nhiêu cũng được. Cho tiền vào phong bì dùm.

(Hạ ngân đồng chu Hoa sang nha. « Tôi không lấy của Kim đàn nghe, tôi mượn anh. Nếu anh không cho mượn thì coi như tôi hán con Lỗ cho anh »).

Trước khi trao tiền vào tay Hiệp, Khấn nháy mắt hỏi :

— Cần tiền sớm thế. Hân là một người đàn bà nào.

Bằng Khấn đổi giọng nói chuyện, khuyên Hiệp nên có một người đàn bà, tạo lập lấy một gia đình yên ổn :

— Tôi biết cậu có tài. Đừng hoang phí tài năng, nếu cậu có vợ

con may ra cậu làm được việc gì ích lợi, thì dù viết sách đúng đắn chẳng hạn. Tôi sẵn sàng hy sinh vốn liếng in cho cậu gọi là làm được việc nhỏ có ích duy nhất trong đời tôi. Tôi biết tôi hư hỏng lắm chứ, nhưng cậu không nên...

Khăn hóa thành con người khác, cái giọng trầm trầm chậm rãi hiếm thấy, bộ mặt một mối hèn mọn lao nên cái vẻ hối hận làm cho hắn tự nhiên cao siêu hẳn. Hiệp cười thầm như đến một con gái điên đã tỏ ra kinh tởm trước cảnh hôn hít trên màn bạc, hẳn thật như vậy : khi nắm với hắn Hiệp thử hỏi duyên cớ thì hắn không thể giải thích, chỉ biết nói là « kỳ cục quá ».

— Thế cậu nghĩ là từ trước tôi viết sách cho cậu là toàn đùa bỡn cả sao ?

— Có thể cậu không đùa bỡn, nhưng cậu cũng chưa nghĩ đúng đắn.

Hiệp đứng dậy bắt tay Khăn không muốn kéo dài trạng thái mê sảng của bạn :

— Được, để đó ta bàn sau.

Khăn giữ tay Hiệp, hắn thử đẩy cũng với nụ cười ranh mãnh trên môi :

— Khoan đã. Có ý gì mới lạ chưa ? Nếu chưa tôi đề nghị cậu viết một cuốn về Freud đi. Thiên hạ bây giờ đang *refoulé* tợn lắm.

Hiệp thấy gần được trở lại Khăn, đáp :

— Ý kiến hay đấy, bao giờ cần ?

— Càng sớm càng tốt.

Khăn đưa Hiệp xuống nhà ra tận ngoài hè. Cậu hỏi cố hữu trước khi chia tay :

— Vẫn cứ ăn đặt ở tỉnh lỵ, chưa chịu về Sài-gòn ? Hôm nào về đây ta đưa đi khám phá Sài-gòn ban đêm cho biết mùi. Sài-gòn không phải là thành phố của ban ngày — Khăn nheo mắt lấp láy, ánh nắng buổi sáng đang bắt đầu già, hắn há miệng ngáp vẻ khinh khỉnh vu vơ.

— Mùi Sài-gòn bang mùi Ba-lê không ? Hiệp hỏi bỡn.

Trong những năm chiến tranh, Khăn sang Pháp du học, hắn đã được bằng cử sĩ ở Ba-lê, tất cả những áo hắn mặc đều tự tay hắn cắt lấy và hắn rất hãnh diện cho là không một tay thợ Sài-gòn nào có thể sánh kịp với hắn. Về nước, trong va-ly hắn mang theo một bản đồ thủ đô Pháp, thỉnh thoảng nhớ thành phố ánh sáng, hắn mang trải ra trước mặt để nhìn ngắm, sống lại bằng tưởng tượng những kỷ niệm thần tiên nhất trong đời ; hắn hút thuốc lá có hương vị Gaulois, chỉ xem phim Pháp (không thể nghĩ được phim Mỹ), đọc toàn bộ tác phẩm của Balzac không sót một chữ, thích nói chuyện chính trị đảng phái nước Pháp. Đã có một lần lâu lắm, Hiệp từ một tỉnh cực tây giáp giới Cao-mên vượt non bốn trăm cây số, qua hai cái « bắc » lên Sài-gòn,

gặp Khản giữa phố — hân vừa được bạc đi lang thang — hân kéo Hiệp tới *Guillaume Tell* — một tiệm ăn khá đắt tiền nơi tụ tập của đám Tây Corse — đêm ấy hân thảo luận cùng với bọn Corse về tương lai nền đệ tử Cộng hòa Pháp quốc trước vấn đề Algérie khiến bọn này cứ há hốc miệng mà kinh ngạc.

— Á... Á... giờ này mà uống một cốc cà-phê sữa trong một quán giữa một phố hiu quạnh ở Montmartre thì tuyệt — Khản cười hết cả miệng tưởng chừng hân vừa uống xong cốc cà-phê — Ồ là là, những phố hiu quạnh của Utrillo ấy mà. Này cậu có biết nhìn sang bên đường trông những mặt tường ngoằn ngoèo những hình vẽ của bọn con nít thì lúc ấy có bảo « *La vie n'est qu'un mégot* » cũng đúng. Một màu thuốc vút đi, thuốc đen mà lính Tây hay hút ấy, là cả cuộc đời đấy nhé. — Khản nhập đồng, hân đưa cao hai tay lên trời rồi buông thõng xuống nói nhỏ hân lại — *Les mégots de la vie. Qui dit ça ? Tu sais pas ? C'est Prévert. J'aime le Paris de Prévert.* — Hân đập mạnh vào vai Hiệp, đẩy Hiệp đi như đuổi ra khỏi giấc mộng bất chợt của hân, cái ống điếu ngậm lệch trễ xuống bên núp kèn kiệu.

Nắng buổi sáng làm khô không khí. Không một cơn gió, nhưng cũng chưa nực lắm. Hiệp đi qua mấy phố đông đúc hoạt động rồi rẽ tới nhà bưu điện gửi một lá thư cho Kim, trong ấy Hiệp viết :

« Hoa đã bỏ anh chàng thầu khoán, hân lừa gạt nàng, nói góa vợ nhưng bữa kia vợ con hân đã tìm tới chỗ Hoa ở đánh ghen tới nỗi Hoa phải nằm nhà thương mất một tuần lễ. Khỏi hài nhất là tôi tự nhiên phải dự một màn hài kịch của anh chàng đàn ông ngu xuẩn đã gây ra tai nạn cho Hoa. Hôm ấy tôi xuống Sài-gòn tìm Hoa theo lời nàng hứa để đón cháu Lệ về. Đầy cửa vào nhà tôi gặp gã, khuôn mặt thô kệch vũ phu, mắt sâu nhỏ, môi dày, đang nằm ườn như một cái xác chết trôi trên giường giữa trưa nóng như thiêu đốt mặc nguyên bộ âu phục đắt tiền đã nhàu nát. Biết được tôi là chỗ thân tình với Hoa hân mừng rỡ như bắt được của, hân nhờ tôi xin lỗi Hoa dùm hân, hân trần tình nỉ non với tôi rằng hân yêu Hoa, yêu rất thành thực, bởi hân sợ Hoa không nhận lời chung sống với hân nên hân mới phải dối nàng. Nếu Hoa bằng lòng trở về với hân, hân sẽ bỏ hết thầy, bỏ vợ bỏ con bỏ gia đình để sống với Hoa. Suốt dọc đường đưa tôi tới nhà thương thăm Hoa hân than thở như một đứa con nít khiến tôi lắm lúc bức mình phải gắt lên. Ngồi trên xe, được bác tài tắc-xi cũng từng trải, bác ta góp chuyện an ủi gã đàn ông : « Bọn đàn bà chúng ký cục lắm. Hồi con vợ tôi nó bỏ nhà lấy hết tiền bạc của tôi theo một thằng điếm, tôi cũng đã theo năn nỉ nó hoài mong nó về với tôi, nó không thèm nghe, sau đó hai đứa nó đi đâu mất. Tôi nghĩ lại mới thấy mình ngu, phải chi tôi đâm cho nó một dao là nó tổn đến già. Bây giờ ấy à — bác ta đập mạnh tay trên vô-lăng — con

méo mới của tôi lúc thôi là tôi đập thấy cha. Đàn bà cứ đập dữ là xuôi lơ hết ». Gã đàn ông im nghe và tôi thoáng ngó thấy hân khóc, tôi phải nhìn ra ngoài. Thực thà lúc ấy tôi không còn một chút lòng thương hại nào nữa, tôi ghét cay ghét đắng cái con « quái vật tinh cảm » ngồi bên cạnh tôi, tôi hiểu rõ ý nghĩa câu nói của Nietzsche : Con người là một chặng phải vượt qua, cái mà Nietzsche gọi là Siêu nhân chỉ là một thứ người đã trừ khử được cái mớ rác rưởi tình cảm trong tâm hồn, cái thứ mề muội nguồn gốc của những hành động điên cuồng gớm ghiếc. Và cũng lối bịch đến bực mình. Tức cười nhất là khi trông thấy mặt gã đàn ông là Hoa la lối xua đuổi hân, hân xuống nước van xin, lúc nào tôi cũng có cảm tưởng hân sắp sửa khóc òa, và Hoa càng làm già. Hoa giận dữ khiến tôi cũng phát sợ và tức cho gã đàn ông. Cuối cùng chính tôi phải bảo hân rút lui sau khi phải hứa với hân một cách hết sức ngớ ngẩn là sẽ khuyên giải Hoa, tôi phải làm thế để thoát nạn. Nhưng Hoa nhất định không trở lại với gã thâu khoán nữa, nàng bảo tôi : Bây giờ em lại trở về chỗ cũ ».

Chỗ cũ của Hoa là một cái bar, nơi nàng đã gặp Kim và gã thâu khoán. Nàng ngồi sau cái quầy rượu trông ra một bồn cỏ tròn ngoài đường, trước bờ sông ; con đường hóng mát tấp nập về buổi chiều, nơi những con tàu xư lẹ buồng neo, bến đò máy sang bên Thủ-thiên. Bar của một người đàn bà lấy Tây đã đứng tuổi có một vẻ đẹp quý phái hiếm có trong nghề, bà ưa mặc đồ trắng (bà ba lụa hay xiêm y Âu Tây) khuôn mặt đầy đặn như một con búp-bê. Bàn ghế làm bằng mây thấp, máy đánh xu, máy đánh bóng điện, máy hát tự động (*Amour perdu qui ne reviendrait jamais... plus* ; vào nửa đêm cần cỏi, giọng đen đặc và vờ : *Look up at the window, Smoking my sad cigarette. Smoking my sad cigarette*). Buổi sáng, quán là nơi ngồi nghỉ êm tỉnh cho Kim trước đây khi còn ở Sài-gòn, ngồi lọt trong cái ghế rộng nhìn mông ra ngoài trời một khoảng rộng không gặp chướng ngại ; những chuyến tàu ngoại quốc cập bến mang tới không khí vui nhộn cho quán. Buổi tối, đèn nê-ông hồng nhạt, bọn thủy thủ nào nhiệt, rượu say cười đùa ngả nghiêng, đĩa hát rơi không nghĩ...

« Vấn đề quan trọng bây giờ là Hoa lại cần một căn nhà, nàng hỏi mượn tiền tôi đề sang, yêu cầu tôi đừng lấy tiền của anh đưa cho nàng. Hoa muốn dứt khoát hẳn cả với anh, tránh phiền nhiễu sau này. Tôi tính tôi sẽ cho nàng số tiền ấy nhưng tôi cũng muốn cho anh rõ chuyện đề tùy anh nếu có muốn giúp nàng.

« Tôi vẫn chưa đón được đứa bé, theo lời Hoa thì nàng gửi nó cho một gia đình tận dưới Mỹ-tho, nó đã biết đi và bập bẹ biết nói, nó giống anh. Một bữa nào tôi sẽ phải theo Hoa xuống dưới đón nó về. Hoa nói đùa là nàng bán đứa bé cho tôi để lấy tiền sang nhà ở cho

sống phẳng với tôi, nếu chẳng may nàng không trả nợ được tôi. Tôi đã bảo nàng ăn nói chẳng còn tình nghĩa gì hết và nàng cười mỉa tôi, đáp : Tôi không thích chịu ơn ai nhất là lại phải chịu ơn người thích làm ơn như anh ».

Hoa nằm nghiêng quay mặt về phía Hiệp ngồi, Hiệp đang cau mày nhìn nàng chăm chú như thói miên người đàn bà.

— Anh khó chịu phải không ? Xin lỗi vậy — Hoa nói đồng đánh về cười cợt. Này nhưng em hỏi thật anh Hiệp câu này nghe : tại sao anh cứ dính vào chuyện người khác thế ?

— Chuyện ai ?

— Chuyện giữa em với anh Kim.

Hiệp đờ người, một lát mới trả lời được :

— Tại cả hai người đều níu buộc tôi vào.

Một xe thuốc đầy ngang qua cửa phòng, mùi thuốc xông nồng nặc. Hoa mỉm cười ranh mãnh :

— Đành rồi nhưng chính anh cũng thích thế chứ. Hình như anh không bao giờ dám sống cho chính anh. Anh sợ thất bại ? Hay bây giờ anh thử về ở với em ít lâu xem sao ?

— Đừng đùa nhá — Hiệp gắt.

— Em sẽ yêu anh và làm cho anh phải yêu em — Hoa chẳng chú ý tới lời ngắt của Hiệp — Nhiều lúc em nghĩ lẫn thần : có lẽ anh chưa biết yêu là thế nào cũng nên.

Hiệp biết câu kính với Hoa vô ích, chàng mỉm cười nói :

— Không sợ Kim hấn ghen tìm về giết cả hai sao ?

Hoa bỗng thở dài nhìn về cuối phòng khoảng tường trắng, đôi giọng :

— Em lại phải bắt đầu lại từ chỗ cũ. Mệt thật. Không biết em còn phải bắt đầu lại bao nhiêu lần nữa thì được sống yên. Nhưng em chẳng cần gì hết, chẳng mất gì rồi có lúc em sẽ được phải không anh ? Thí dụ như em làm cho anh phải yêu em chẳng hạn là em được to.

— Hay là thua to ?

Cặp mắt của Hoa khép một nửa tình tứ rồi mở choàng ra như muốn chụp lấy Hiệp lúc bất chợt, Hoa cười ròn tan như không phải nàng đang nằm trong nhà thương. Hiệp tự hỏi : Hoa có bắt được cái gì lúc ấy không ?

« Có phải là tôi mâu thuẫn khi tôi trách Hoa ? Tôi ghét tình cảm vậy mà tôi lại nhắc tình nghĩa với nàng. Sự thực lúc ấy tôi đã nói chệch ý nghĩ của tôi, tôi dùng hai chữ tình nghĩa như một lối nói phổ thông để hiểu để chê trách cái thái độ chua cay của Hoa. Nàng rất có thể thương hại cho tôi là kẻ hầy còn đầy lý tưởng, sống ở đời còn non nớt chưa từng trải, mới tin tưởng một cách ngu ngốc vào

những giá trị lỗi thời ngày nay không ai còn tôn trọng. Không thể nào tôi giải thích được cho những người như Hoa hiểu rằng chính họ mới là những kẻ tin tưởng hơn ai hết vào những giá trị ấy, cái thái độ chua cay nghiệt ngã biểu lộ bằng hành động, cử chỉ, ngôn ngữ tàn ác thô lỗ độc địa kia chỉ là phản ứng tự vệ, che chở cho một thứ báu vật người ta muốn gìn giữ một cách mê muội. Người ta tin vào những giá trị mà người ta biết không còn thích hợp với đời sống nữa, đó là trường hợp của những người như Hoa, những người chính thực giàu tình cảm, vẫn còn nhiều luyến tiếc với tình cảm. Thật đáng thương. Những giá trị lỗi thời trước khi biến mất là những con quái vật đột nhập vào trong con người đang xé nó, tranh cướp nó với đời sống, nếu con người không tự mình vượt thoát sẽ trở thành một thứ quái vật giữa xã hội. Tôi muốn trách Hoa như thế đó. Tình cảm hóa con người bất thành nhân dạng, hằn thành một loài côn trùng rên rỉ hay thành tên quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa, cả hai đều đáng tởm. Tôi coi tình cảm chỉ có giá trị là những phản ứng tâm lý hay sinh lý có tính cách tức thời, luyến tiếc duy trì nó là vô nhân đạo, — nó là phần hơi hợt nhất trong con người — bóp nghẹt sự trưởng thành của con người. Anh có thường thắc mắc như tôi, chúng ta thuộc loài không tưởng, diễn không một cách sáng suốt không ? »

Hoa ngồi sau quầy, trước mặt nàng là một bình bông « lay-on » đồ thám. Mọi đồ vật trong quán đều nguyên vị, kể cả Hoa, nàng ngồi nguyên chỗ của nàng như từ bao giờ, trước ngày gặp Kim, và mãi mãi, không có một chuyện gì thay đổi đáng kể trong đời nàng. Nàng mỉm cười, đuôi mắt nheo lại, gần mi mắt bên trái một vết nghệ vàng thoa trên vết sẹo nhỏ, di tích của trận đòn ghen vừa qua, tóc nàng mới chải vắt hết lên đỉnh đầu, áo cánh khoét cổ, lộ hết cần cổ và gáy — lúc nàng quay lưng lại — cao và trắng.

— Anh đúng hẹn nhỉ, Hoa nói về thờ ơ cố ý, nàng tiếp Hiệp như những người khách vẫn sẵn đón nàng, đáng ngồi ngay ngắn, nụ cười đọng lại trên môi hết sức nghề nghiệp.

Hiệp đứng tựa tay vào mặt quầy chờ đợi câu nói tiếp theo. Trong quán còn một người đàn ông cỡ chừng gần ba mươi tuổi, ăn mặc đồm đàng trai lơ đang đứng đánh bóng điện, cử động máy móc theo nhịp điện xè xè và tiếng chuông reo khô.

— Anh dùng gì ? Vẫn giọng kiêu cách lãnh đạm.

Hiệp đưa phong bì đựng tiền cho Hoa, nàng ngược mắt nhìn Hiệp, cặp mắt dò hỏi ngây dại, Hiệp rung mình.

— Cho anh ly nước chanh.

— Dạ — giọng tăng lên một bát độ, cường độ yếu đi và uốn éo trong một cung theo điệu miền Nam.

Hiệp rời chỗ, ra ngồi bàn ngoài một góc vừa lăm lăm trông ra

đường, buổi sáng nhiệt đới có những khoảng dịu nắng, một vài phút âm u bất ngờ. Hoa bưng nước cho Hiệp đặt lên bàn rồi đứng im một chỗ, Hiệp ngồi thấp phải ngả đầu mới trông thấy mặt Hoa, ra trước ánh sáng Hoa còn hơi xanh, trong bộ tịch vẻ yếu đuối kiêu kỳ. Hiệp bắt buộc phải kéo ghế mời :

— Ngồi xuống.

Hoa vàng lời, tự nhiên mỗi lúc Hiệp mỗi nhận thấy hiện hiện trước mắt một người lạ ở Hoa, sự lặng lẽ bao trùm lấy nàng như một thứ năng quái, Hiệp ngấm nghĩa, biết nàng đang đóng kịch, rùng rùng thú vị như nhà nghệ sĩ đang ngấm nghĩa một tác phẩm của chính mình hoàn thành. Hoa khoanh hai cánh tay trước ngực, bàn tay niu lấy vai, người cô và cúi xuống nói nhỏ :

— Khi không em lạnh mới lạ, nàng cần nhẹ răng vào vành môi dưới, những khía nhỏ hẳn lên rõ ràng.

Sự biến dạng của Hoa ru Hiệp vào trong một trạng thái hư vô, ở đó thực và mộng gặp gỡ với nhau. Cái dáng điệu của Hoa lúc này giống hệt của Duyn, cô gái Trung-hoa trong căn nhà của một người chờ chết ; sự uyển chuyển lạ lùng của người đàn bà khi linh hồn phả hết vào xác thịt, cuộc sống nhập hết vào hình thức, cơ thể mất hết sinh vật tính, mỗi cử động đều là phần linh hồn biểu diễn. Một sự thống nhất trọn vẹn và kín đặc. Sau tấm màn dày bịt bùng tiếng thở khò khè dứt quãng, Hiệp ngồi trên chiếc ghế đầu dưới chân giường, đầu giường Duyn ngồi, chống trên mấy đầu ngón chân, gọi, nói bằng thứ tiếng xa lạ Hiệp không hiểu gì hết. Một chuỗi âm thanh đặc biệt xô đẩy trong tai êm ái, hốt hoảng rồi đều đều, trong bóng tối của gian nhà vắng lặng (Tại sao tôi lại ngồi ở đây ? Tôi không thể đứng dậy không thể bỏ đi được, tôi cũng chẳng có quyền nhúc nhích. Nín thinh và chờ, chờ nhẹ nhàng). Bên kia giường là cánh cửa sổ kín mít, rất nhiều đồ gỗ lỏng chông ở mấy góc nhà. Người bệnh chừng đã dịu cơn đau, thở yếu hẳn, Duyn đứng lên, cái bóng nhỏ nhắn, đi vào trong mang cho Hiệp một tách nước, đặt tách vào lòng tay Hiệp không thốt một tiếng, Hiệp chỉ trông thấy cặp mắt như những cặp mắt gặp trong giấc mộng, đen xa rồi mắt hút thành một cảm giác bơ vơ. Hiệp áp tách nước ẩm bằng cả hai bàn tay không uống, Duyn lại ngồi xuống đầu giường, gọi, nói rì rầm, cho đến khi ông Pháp quay lại đưa cho Duyn chi sâm đề sắc lấy nước đồ cho người bệnh, Hiệp được giải thoát khỏi một cảnh mộng lạ lùng. Vẫn trong bức thư gửi cho Kim, liên tưởng tới cảnh ấy Hiệp viết : «Tôi thường chỉ nhìn sự vật xung quanh trong cái thể xuất hiện của chúng, không bao giờ tra thái độ lãng mạn phả cho chúng cái linh hồn tưởng tượng đề nó cuốn hút lấy mình. Với người cũng vậy, không có gì bí mật khó hiểu trong tâm lý như người ta tưởng tượng, tôi nghĩ có thể bắt được

con người ở bề ngoài uyển chuyển của nó, nó cũng chỉ đơn giản có thể mà thôi, mọi điều phiến toái xưa nay đều là sản phẩm của trí tưởng tượng bệnh hoạn của mấy nhà văn và mấy triết gia duy tâm. Bởi nhìn sự vật và người như thế, bằng lòng với cái hình tượng và cho là tất cả, nhiều khi tôi phải ~~đắm~~ ~~chìm~~ ngay giữa thực tế vì sự quái đản của hình tượng thô sơ trước mắt. Giả thử tôi cho sự vật linh hồn thì đó chính là linh hồn của tôi và nó trở nên quen thuộc, nhưng đang này tôi nhất định nhìn nó trong cái thể trước mắt và nó có những sức nặng ghê sợ đè lên trí não... • Bức thư gửi cho Kim, Hiệp viết vào lúc bốn giờ sáng nay, Nhân còn ngủ, xe đạp xe thô mọ chuyển về phía chợ qua ngoài cửa, tiếng máy nổ âm ỉ và ngựa lạnh, âm thanh ri rầm xa xa. Tỉnh cờ Hiệp đứng lên nhìn về phía giường trông thấy Nhân đang ngủ mê, **những** **thở** **thật** trên mặt rung động, hai mí mắt chớp chớp như **muốn** mở mà không được, môi mím lại, Nhân nằm nghiêng và một bàn tay bạm chặt lấy đùi — Hiệp đứng sát bên giường chứng kiến những phản ứng của cơ thể trước sự xâm nhập của một cơn ác mộng, một lát mồ hôi và ra, toàn thân giật từng hồi hốt hoảng như bị những nhịp điện truyền qua, đầu ngoẹo chệch xuống khỏi gối, một giọng giải chạy ở bên mép... Rồi thân thể dịu dần, theo thói quen Nhân lấy lại thế nằm cố hữu, mặt hơi nghiêng chân duỗi thẳng, nét mặt nhẹ nhàng bình thản lần lần như một nụ cười sắp xuất hiện, cuống họng cử động như đang nuốt trôi những nghẹn ngào còn sót lại, Nhân thở dài.

Bảy giờ Hoa đề hai bàn tay nâng lấy ngực, cử chỉ dễ dàng tự nhiên, mấy tiếng ho khan, những ngón tay ấn xuống làn vải (như đang khuấy xuống một dòng nước trong) hai mắt mở lớn nhìn lên mặt Hiệp như muốn tìm phản ánh của mình trên ấy. Tiếng động của bàn bị điện đã im, người khách độc nhất ra khỏi quán, khi đi qua chỗ Hoa ngồi hán mím một nụ cười vu vơ. Sự im lặng trong quán được dệt thêm bằng những cử động mềm mại và những câu nói lững lờ của Hoa, nàng nhất định bao vây Hiệp trong một giấc mộng trắng. Một sự lười biếng mat mê vượt ve mọi giác quan. Hoa mím cười ý nhị, đứng dậy, thân nàng siêu siêu như sắp ngã. Hiệp hỏi :

— Hôm nay đã đi đôn được con bé chưa ?

— Anh có rảnh không ? Hoa lại ngồi xuống — Anh đợi em đến trưa mới đi được.

— Tôi làm gì từ giờ cho tới trưa ? Hiệp nhìn đồng hồ, mới hơn mười giờ, đợi đến mười hai giờ hả ?

Hoa gạt đầu, đáp bằng giọng nhạt nhẽo :

— Em biết đâu đấy.

— Hay để hôm khác vậy.

— Hôm khác thì chưa biết đến bao giờ.

Sau đó những việc xảy ra lòi cuốn nhau thấp thoáng, Hiệp như chìm trong một vùng khói đặc dần dần chàng trở nên thụ động bởi chàng không thể đoán được những dự tính của Hoa; cái hời của nàng xiết chặt lấy Hiệp mà Hiệp không muốn vùng vẫy bởi cái thế giới Hoa tạo ra để bầy chàng có một sức hút kỳ lạ. Trước hết buổi sáng còn sót lại, Hiệp ngồi im hút thuốc lá, Hoa cho máy hát chạy liên hồi và nàng tiếp khách ở quầy bỏ mặc Hiệp một mình. Bà chủ quán lịch sự, vừa ngủ dậy từ trên lầu bước xuống, tiếp Hiệp, khách quen lâu ngày gặp lại, bà mời Hiệp một ly rượu. Khi dầu đã nặng, Hoa đặt vào lòng bàn tay Hiệp một cái « jeton » bảo : « Anh thử chọn một cái đĩa hát theo ý thích của em xem nào », Hiệp cười khẩy : « Nhớ Kim hả ? » — « Ghen đấy hay sao ? » Cái đĩa hát được quay đi quay lại năm lần. Và khi Hoa nắm cánh tay Hiệp bảo : « Thôi đi » ở ngoài cửa ánh nắng sáng lóa cả mắt.

(còn nữa)

thanh tâm tuyền

ALBERTO MORAVIA

hai người bạn .

Cái đói thì không thể so sánh với bất cứ mọi thứ cần thiết nào trên đời được cả. Anh thử nói cao giọng : « tôi cần một đôi giày, tôi cần một cái lược... tôi cần một chiếc mùi-xoa », anh ngừng lại một lúc để thở rồi nói : « tôi cần một bữa ăn » anh sẽ thấy ngay sự khác biệt. Với bất kỳ một thứ đồ vật nào, anh có thể ngắm nghía, tìm kiếm, chọn lựa, nhưng khi mà anh tự thú nhận rằng anh cần một bữa ăn anh không thể đợi chờ được nữa. Anh sẽ phải đi kiếm cho ra bữa ăn ấy không thì anh chết đói ! Vậy thì giữa buổi trưa ngày mùng 5 tháng 10 năm nay trong công viên Colonna, ngồi trên thành một bể nước mặt cúi gằm xuống đất, tôi tự bảo : ta cần một bữa cơm. Ngang đầu nhìn về phía đại lộ, thấy mọi chuyển vận của xe cộ như mờ ảo rung rinh hết cả : tôi đã nhịn hơn một ngày trời cho nên điều đầu tiên là thấy sự vật cũng có vẻ đói như mình, nghĩa là lão đảo, yếu ớt như chính chúng cũng chưa được ăn vậy. Tôi nghĩ thầm phải làm sao kiếm cho ra thứ gì mà ăn chứ nếu để dạ dày chờ đợi thêm một chút thì có lẽ tôi không còn hơi sức để mà mơ tưởng nữa. Tôi bèn bắt đầu tìm một phương cách nào để được ăn ngay, thật nhanh. Khốn nạn cho tôi, càng khi vội vàng thì ý tưởng lại càng biến sạch. Những cái đến trong đầu chẳng phải là ý kiến mà toàn là những điều nghĩ bậy bạ từ sáng, chẳng hạn : « Bây giờ ta nhảy lên xe điện, giật ví da của người nào đó... rồi chạy » hoặc : « Ta vào một cửa hàng, đến quầy kết xoáy hết tiền rồi chạy. » Rồi hoảng người lên tôi lại nghĩ : « Đàng nào cũng tù, hay là ra đường chửi bới loạn xạ, cảnh binh có bắt bỏ bóp ít ra họ cũng cho mình một bữa ăn cháo. » Lúc bấy giờ có một đứa trẻ nhỏ đứng gần tôi gọi tên một đứa khác : « Romulus » và cái tên ấy gợi cho tôi nhớ một thằng cha Romulus khác đã từng ở

trong quân đội với tôi một thời gian. Trước kia tôi thường khoác lác với hân rằng ở làng tôi là một nhà giàu, kỳ thực tôi chẳng để ở làng mạc nào hết mà sinh trưởng ở Prima Porta, ngoại ô thành La-mã. Nhưng bây giờ điều nói phét ấy sẽ được việc vì tôi biết Romulus mở một tiệm ăn ở cạnh điện Panthéon. Tôi sẽ tới đấy chén đại một bữa, tới lúc phải trả tiền sẽ gọi lại tình bẽ bạn khi còn tại ngũ, những kỷ niệm chung. Biết đâu Romulus sẽ không kêu linh hồn tôi.

Đề bắt đầu, tôi tới trước một quầy hàng soi vào tấm gương ngoài cửa. May mắn sao tôi vừa cạo râu buổi sáng với con dao cạo của lão chủ — một tay thừa phát lại tòa án cho tôi thuê một căn phòng dưới hầm nhà — Chiếc áo sơ-mi của tôi tuy không sạch lắm nhưng trông cũng tạm được. Còn bộ com-lê xám thì trông như mới vậy : đó là món quà tặng của một bà mà ông chồng là đại ủy của tôi hồi chiến tranh. Chiếc cà-vạt đỏ, trái lại, tã quá chừng, có lẽ dùng đến mười năm rồi. Tôi sốc lại cổ áo và thắt lại nút cà-vạt cho một vạt thật ngắn và một vạt thật dài. Tôi dấu phần ngắn đằng sau phần dài rồi cài khuy áo vét-tông đến tận cổ. Vừa quay đi tôi còn ngoái cổ nhìn lại hình ảnh mình trong mặt kính đến nỗi đâm sầm cả vào viên cảnh binh đứng trên vỉa hè mà không hay. « Nhìn lại xem anh đi ra thế nào — Hân nói — lại say hử ? » Tôi muốn trả lời hân : Đúng say vì đói. Bước chân lão đảo tôi đi về phía Panthéon.

Tôi biết địa chỉ của Romulus, nhưng khi tìm đến nơi tôi không tin đôi mắt của tôi nữa. Đó là căn nhà ở cuối một ngõ cụt, xế cửa có đến bốn năm thùng tương đầy những rác. Một cái bảng chữ đỏ sứt viết « quán ăn, bếp núc gia đình ». Cái quầy phía ngoài cũng sơn màu đỏ trong có trần một quả táo. Phải, tôi không nói đùa, chỉ có độc một quả táo. Tôi bắt đầu nhìn ra sự thật, nhưng không thể lùi, tôi bước vào. Tới bên trong thì sự thất vọng của tôi mới thật hoàn toàn, nhưng làm cơn đói càng cào cào trong bụng, phải thu hết can đảm tôi mới ngồi vào một trong số bốn năm chiếc bàn chông chơ ở cái quán hoang phế tối tăm này.

Trên cái cửa thông xuống dưới bếp treo một mảnh vải che bẩn thỉu. Tôi đập tay xuống bàn gọi hách dịch : Bồi ! Trong bếp như có một chuyển động, miếng vải che được hé lên và tôi nhìn thoáng thấy khuôn mặt ông bạn Romulus của tôi hiện ra rồi biến ngay. Tôi chờ một lúc, rồi lại đập bàn gọi nữa. Lần này, hân chui ra ngoài, với cái lại khuy chiếc áo trắng đặc biệt của các tay chủ quán nhưng nhàu nát dính đầy mỡ. Hân đến gần tôi với câu nói vội vàng : « Ngài muốn dùng gì ? » một cách đầy hy vọng khiến tôi cũng náo cả lòng. Nhưng đã trót phải chết, tôi bảo : « Tôi muốn dùng bữa. » Hân cầm giẻ lau lau lại cái bàn rồi bỗng ngừng lại nhìn tôi mà nói : « Kia anh bạn Rémus... » — « A, cậu nhận ra tôi phỏng ? » tôi cười nói. « Nhận ra

chứ ! Thì bạn đồng ngũ với nhau mà lý ! Tội nó chẳng gọi chúng ta là Romulus, Rémus và cái con nhỏ tên là Louve mà chúng mình theo đuổi mãi hồi ấy sao ? »

Bao nhiêu kỷ niệm. Thật ra hẳn gọi lại kỷ niệm chẳng phải khoái gì tôi mà vì tôi đương là một khách hàng của hẳn. Hơn nữa quán lại vắng teo mà tôi lại là ông khách độc nhất, hẳn càng cần gọi lại những kỷ niệm cũ cho tôi có vẻ thấy được tiếp đãi nồng hậu hơn.

Cuối cùng hẳn vỗ vào vai tôi : « Bạn Rémus, bây giờ dùng gì nào ? » rồi quay về phía bếp hẳn gọi « Loreta ! » Tấm màn che được vén lên, một người đàn bà to béo đeo tấm khăn làm bếp trước bụng, mặt quăm quăm hiện ra. Hẳn chỉ tôi nói với thị : « Đây là bác Rémus mà tôi thường nói với bà mày đấy. » Mụ vợ cười nửa miệng, phác một dáng điệu chào. Đằng sau mụ là hai đứa con, một trai một gái. Romulus tiếp : « tốt, tốt, tốt lắm. » Hẳn cứ nhắc chữ « tốt » như một con vẹt, và chờ tôi gọi các thức ăn. Tôi bảo : « Vì phải buồn bán đi lại, nên nhân thể ghé qua La-mã tôi mới chợt nghĩ tại sao lại không đến hàng của bạn Romulus ăn một bữa vì vậy tôi mới lời đây. »

— Thế thì hay lắm — hẳn nói, bây giờ anh dùng gì, mi nhé ?

— Tất nhiên.

— Mi đảo với bơ và pho mát, vừa làm nhanh ăn vừa nhẹ, rồi gì nữa ? Một miếng bi-tết thật ngon nhé ? Hay là thịt chiên bơ ?

Toàn là những thứ làm dễ mà tôi có thể nấu lấy bằng một chiếc đèn cồn. Tôi hỏi quái ác :

— Thịt cừu ? Ở đây có thịt cừu không ?

— Tiếc quá, chỉ buổi chiều mới có.

— Không hề gì, hay là cho một miếng thịt rán kiểu Bismarck vậy, thêm cả một quả trứng vào nữa.

— Kiểu Bismarck hả, à phải... với khoai tây nhé ?

— Với rau sà-lách chứ.

— Phải, rau sà-lách... và một lít rượu vang uống không đủ ?

— Không cần đủ.

Hẳn quay vào bếp miệng lầm bầm chữ « không đủ » còn tôi vẫn ngồi một mình ở bàn. Đầu tôi vẫn đương choáng váng vì đói. Tuy cảm thấy mình làm một hành động khốn nạn, mà vẫn có một khoái cảm hoàn thành nó. Sự đói làm người ta ác độc ; có thể Romulus còn đói hơn tôi nữa nhưng thâm tâm tôi thấy thú như vậy. Khi ấy trong nhà bếp cả gia đình bạn tôi đương hội bàn, tôi nghe thoảng những tiếng thăm thì to nhỏ, vội vàng, lo lắng ; mụ đàn bà có vẻ không bằng lòng điều gì. Cuối cùng tấm màn che lại vén lên và hai đứa trẻ nhỏ chạy ra phía cửa. Tôi hiểu ngay rằng cái quán ăn này cũng chẳng còn dư một mẩu bánh nào cả. Lúc màn cửa vén lên tôi nhìn qua thấy người đàn bà đứng trước bếp lò thổi lửa. Còn gã chồng thì bước ra

ngồi cùng bàn với tôi. Hắn cốt nói chuyện để những đĩa trê có đủ thời giờ mang đồ ăn về. Tôi bảo hắn một câu độc địa : « Cậu có cái quán này trông sang đấy nhỉ. Thế nào hồi này ra sao ? »

Hắn cúi gầm đầu trả lời : « Cũng vậy vậy. Thời buổi khó khăn... và lại hôm nay là thứ hai, còn ngày thường có khi đông chật cả. »

— Thế thì cậu khá hả ?

Hắn ngó tôi. Khuôn mặt tròn béo, ra vẻ chủ quán lắm, nhưng có một vẻ xanh xao, tuyệt vọng, hàm râu lởm chồm chưa buồn cạo. Hắn bảo : « Còn cậu có vẻ khá lắm ! » Tôi nói một cách hồ hững : « Tôi cũng chả có điều gì đáng phàn nàn cả, mỗi tháng vẫn kiếm khoảng trăm, trăm rưỡi ngàn bạc... nhưng thú thật là công việc cũng khá bận. »

— Bạn thì cũng chả bằng chúng tôi.

— Thôi đi, tôi biết các ông chủ quán thì làm ăn ra trò lắm, người ta ai cũng phải ăn chữ nhận được sao. Tờ đánh cá rằng cậu đề dành được khối tiền ra chữ lý.

Lần này hắn không nói gì, chỉ cười một nụ cười nảo nuột đến thương hại. Rồi hắn chuyển sang chuyện khác : « Cậu còn nhớ hồi mà chúng mình ở Gaète không nhỉ ? » Rồi hắn nhắc lại những mẩu chuyện cũ, nói như để che dấu sự đối trá vừa rồi và cũng có thể là hắn ôn lại cái thuở vàng son nhất của đời hắn. Lần này vì thương hại tôi chỉ gật gù bảo rằng tôi cũng nhớ những kỷ niệm hồi ấy. Thế là hắn khoái trí nói sừng mồm, thỉnh thoảng cười cười vỗ vào vai tôi đồm độp. Đưa con trai ở đâu về rón rén bước vào tay bưng lít rượu đầy kính cần như là chịu phép nhà thờ vậy. Romulus vội vã rót rượu cho tôi uống và cả cho hắn nữa sau khi tôi mời có một tiếng. Rượu vào lời ra, tôi biết ngay hắn cũng đang đói ngấu. Chuyện trò uống rượu có đến hai mươi phút sau đưa con gái mới thấy về. Nó ôm trong hai cánh tay gầy yếu một gói đủ thứ : tôi nhìn thấy mẩu giấy vàng bọc miếng bí-tết, quả trứng gói trong mảnh nhật trình. Chiếc bánh mì quận trong miếng giấy nâu, bơ với phó-mát thì gói trong giấy dầu, tôi còn thấy màu xanh của rau sà-lách và hình như còn có cả một chai dầu ăn nữa. Con nhỏ trịnh trọng đi thẳng vào trong bếp có vẻ hài lòng lắm. Trong khi ấy ông bạn Romulus của tôi cứ cố lấy xác che che không cho tôi nhìn. Sau đó hắn lại tự rót rượu uống và lại ôn lại kỷ niệm cũ. Ở nhà bếp, người mẹ nói gì không rõ rồi tiếng đứa nhỏ nói khẽ : « Họ không chịu bán ít hơn », nghĩa là một sự bàn cùng hoàn toàn, tuyệt đối, như tình trạng tôi vậy.

Nhưng mà tôi đang đói nên khi đứa nhỏ mang đĩa mì ra thì tôi vục vào ăn không hối hận gì hết, trái lại, còn thấy sự ăn chực của những kẻ nghèo khổ hơn tôi làm ngon miệng hơn. Romulus nhìn tôi ăn một cách thèm thuồng khiến tôi nghĩ rằng hắn chắc cũng bữa đói bữa no luôn luôn, mới bảo : « Cậu có nếm một tí không ». Hắn lắc đầu

chối từ nhưng tôi cầm phồng-sét súc vào miệng hắn một miếng. Hắn nói : « Ngon đấy nhỉ » như tự nói với hắn vậy.

Sau món mì đưa gái nhỏ mang ra miếng thịt rán có trứng và rau sà-lách xung quanh. Thấy tôi ăn Romulus có vẻ ngượng vì cứ chau mồm mũi nên trở vào bếp. Còn mình tôi vừa ăn vừa uống mê tơi. Đói mà được ăn thì bằng lòng biết bao nhiêu. Nhét một miếng bánh vào mồm, tợp thêm một ngụm vang, nhai, nuốt. Thật có đến hàng bao năm trời tôi mới sực một bữa, khoái tử như vậy.

Đến lúc tráng miệng tôi còn gọi thêm một mẩu pho-mát để ăn với quả lê nữa. Sau khi xong xuôi tôi ngồi chễm chệ ở ghế ngậm tăm trong miệng. Cả gia đình ông bạn mới kéo từ nhà bếp ra vây xung quanh, nhìn tôi như một vật gia bảo. Romulus vẫn còn hơi rượu nên vui vẻ lắm kể cho tôi nghe thêm một chuyện lơn gái hồi còn trong quân đội. Vợ hắn trái lại mặt mũi lem luốc bụi than có vẻ buồn thảm. Tôi nhìn những đứa trẻ xanh xao vì thiếu ăn, mắt mở thao láo, tự dưng tôi thấy thương hại và hối hận nhất là khi người đàn bà nói : « Nếu cứ mỗi buổi mà có bốn hay năm khách hàng như bác thì chúng tôi sống dễ chịu nhiều. » Giả bộ ngây thơ tôi hỏi : « Tại sao không có khách đến đây nhỉ ? » — « Chỉ có một vài người tới khoảng chiều tối nhưng toàn là dân nghèo cả, họ mang bánh nơi khác tới ăn, chỉ gọi một hai cốc rượu vang mà thôi, cho nên buổi sáng tôi cũng chả cần đốt bếp vì chẳng ma nào tới cả. »

Chẳng hiểu sao nghe thấy thế bạn Romulus của tôi đâm cáu. Hắn bảo vợ : « Thôi đi đừng có than thở rằng nhà nghèo khốn mãi. » Người đàn bà trả đũa : « Chính anh đã làm mẹ con tôi đến nông nổi này còn nói gì, chính anh là cái tai họa của nhà này... chỉ có tôi khốn khổ làm việc, còn anh đã chẳng làm gì cả lại còn ngồi chuyện hão với những kỷ niệm lính tráng của anh thời, thử hỏi ai là cái họa ? »

Tất cả cảnh đó diễn ra trong khi tôi đang rình cách thoát khỏi trả tiền. May quá, bạn Romulus nổi giận : hắn giơ tay tát vợ một cái mạnh. Mẹ vợ chạy luôn vào bếp lấy con dao mọi khi dùng cắt thịt lăm lăm trong tay vừa kêu : « Tao sẽ giết mày », nói rồi đuổi theo chồng định đâm. Hoảng sợ, gã chồng chạy cuống cuống trong nhà, bàn ghế đổ lộn chồng. Đưa con gái khóc nức nở, đưa con trai thì cũng chui vào bếp cầm trong tay một cây gậy chẳng hiểu định bảo vệ mẹ hay bố nó. Tôi nhận thấy đúng là lúc mà tôi chờ đợi. Vừa đứng dậy tôi vừa nói : « Yên, yên, nào, làm gì mà ồn cả lên như vậy. » Miệng nói yên yên chân bước ra khỏi cửa. Vợ chạy ra phía đầu ngõ tôi rẽ ngoặt rồi bình thần đi về chỗ cũ.

duy thanh dịch

CUNG TRẦM TƯỢNG

tật nguyên

Tóc xanh lăm nướng nấu

Một hồn già thiên cổ

Mồm xuân thu có đóng

Khó nuốt được niềm chua

Thối từ mảnh ruột già

Ngay trò xiếc đu bay

Tay chân khéo độ bằng

Ngờ đâu trời đã chỉ :

Tật nguyên từ con tim !

Và mắt khôn nhìn lờ

Soi cùng chốn thâm uyên

Hèn xui hồn sáu ngón

Từ thuở hồn sơ thai.

Làm người ôi vinh hạnh !

Thượng đế đến rồi đi

Bơ vợ mình ở lại

Thịt mòn từng thờ nghe
Thuở đầu sinh tiếng khóc
Buồn như bị cán xe.

ĐAM MÊ

Tuổi trẻ không đàn bà
Là bình đẹp không hoa
Cuộc đời không tình yêu
Là dứa không bóng nước

Chiều mưa rơi rơi tả
Quý gối bên lưng em
Sao nghe hồn mục rã

Thôi anh biết anh biết
Sau chốc lát đam mê
Hư vô lừa nước lũ
Vào đục phá đê hồ

Chiều mưa rơi rơi tả.

cung trầm tưởng

VĨNH LỘC

khoảng lộ trình cũ

I

Ngõ hẹp tưởng như muốn vỡ tung ra vì những tiếng trẻ la hét. Tôi đương nằm gác một chân lên cửa sổ ngõ vẫn vờ ra khoảng trời vừa tắt nắng thì Văn đến. Anh đứng xững trên ngưỡng cửa, mái tóc bù rối dựng cao và nụ cười ngạo nghễ. Chúng tôi nhìn nhau hồi lâu không ai lên tiếng.

Cách đây hơn một tháng, vào lúc hiệp định Genève vừa ký kết xong, Văn lại tìm tôi về mặt rất quan trọng. Tôi không ngạc nhiên bao nhiêu vì vốn biết tính Văn hay *chơi kịch với cuộc đời*. Tuy nhiên, sự có mặt của người bạn vui tính cũng đem đến một chút an ủi cho cuộc sống phẳng lặng của tôi. Tôi khoác vội chiếc áo sơ-mi cũ lên mình và sở giày theo Văn đi. Ra đầu ngõ, anh kêu một chiếc xe tắc-xi rồi bảo chạy sang miệt Chợ-lớn.

— Anh không có ý định rủ tôi vào Đại-thế-giới chứ? Tôi chưa ăn cơm.

Văn vẫn giữ nụ cười bí mật. Một lúc lâu anh mới nói, giọng thấp xuống:

— Mai tao ra « ngoài kia ».

Tôi chưa kịp ngạc nhiên thì Văn đã móc túi lấy ra một tấm thẻ có gián hình do quân đội cấp trong đó ghi tên tuổi và cấp bậc của anh.

— Máy định tặng cho tao cái này để làm gì?

Tôi hỏi đùa như mọi bận, song lòng không khỏi thắc mắc.

— Máy giữ dùm tao. Phòng xa lỡ tao có phải trở lại.

— Nếu máy trở lại thì chắc chắn chúng mình sẽ gặp nhau ở...

khám Chí Hòa.

Tôi nói như vậy mà không hiểu sao tôi vẫn cầm lấy tấm thẻ của Văn. Cử chỉ ấy thật là đại dốt nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới.

Văn cho tôi biết rằng anh sẽ đi đến « đó » bằng thuyền. Anh cần đi sắm ít vật dụng cần thiết như thuốc ký-ninh và thuốc tiêm Émétine. Xe đậu trước một phòng ngủ cuối đường Trần Hưng Đạo. Văn bảo tôi chờ ở ngoài. Một lát anh trở ra, vui vẻ mừng lộ trên khuôn mặt.

— Năm giờ mai thì tao đi. Bây giờ tao mời mày đi ăn với tao một bữa. Có lẽ là bữa cuối cùng. Chắc gì mình lại gặp nhau.

Tôi nhìn thẳng vào mắt bạn mà hỏi :

— Mày đã suy nghĩ chín rồi chứ ? Tại sao lại bỏ đi và như thế có lợi gì ?

— Nếu tao suy nghĩ như mày thì không có chuyện ngày hôm nay. Có thể là một quyết định nông nổi. Nhưng điều chắc chắn nhất là rời khỏi nơi này tao hy vọng thay đổi được nếp sống cũ của mình.

Văn định nói đến cuộc sống của anh trong mấy năm vừa qua. Cứ mỗi buổi chiều, khi thành phố lên đèn và sau bữa cơm vội vã ở một quán cơm bình dân thì Văn lại tất tả leo lên chiếc xe buýt chật chội. Chiếc xe đi mãi một khoảng lộ trình cũ : Sài-gòn — Chợ-lớn. Và Văn lại bước vào một sông bạc ồn ào. Ở đấy, cuộc sống chen lấn, sôi nổi hơn đâu hết. Tiếng rao mở hồ của mấy cô « hổi thếng » đã thành một thứ đam mê. Nhiều đêm Văn chỉ còn lại đồng bạc cuối cùng vừa đủ uống một ly nước mía. Anh trở lại vườn chơi ngủ gục trên ghế dài của một phòng tài xỉu cho đến lúc người ta đánh thức anh dậy.

Tôi nhớ lại những đêm gần đây thường bị đánh thức giữa khoảng một hai giờ sáng. Thoạt tiên tôi nghe tiếng lạch sạch từ tấm sáo trước cửa. Rồi tiếng gọi :

— Hiền ! Hiền ơi !

Tiếng gọi lao phào, giật giọng kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. Tôi lồm nhồm bò dậy mở cửa. Văn cởi áo sơ-mi và chui vào mùng lạng lẽ ngủ một giấc cho đến sớm mai. Cuộc sống như thế, theo tôi nên thay đổi đi là phải. Nhưng làm gì đến nỗi cần đi xa như vậy ? Tôi cho là Văn xưa nay hay quan trọng hóa những đổi thay của anh trong cuộc sống. Đó là cái bệnh chung của chúng tôi, những kẻ trở về thành phố giữa những năm còn đương kháng chiến. Chúng tôi bị đẩy đến trước một ngã ba. Cuộc sống bắt đầu một cách rối ren và tạm bợ.

Tôi đến Sài-gòn trước Văn hai năm. Tất cả tài sản gồm có hai ngàn đồng bạc và một tập tiểu thuyết dài viết dở dang. Như phần đông những người mới đến đất này, tôi đã ném hết một phần số tiền bé nhỏ của tôi vào một bàn tài xỉu. Sau đó, tôi xin được một chân coi hàng trên xe vận tải. Buổi sáng tôi phải dậy từ mở đất nhà vội khúc bánh mì cá hộp rồi leo lên xe chở tôi qua bến Khánh Hội. Tôi chờ cho người ta khuôn chắt những bao hàng lên xe rồi leo lên ngồi bó gối ở phía sau. Những ngày đầu tôi thấy khá dễ chịu vì

những chuyến đi qua những con đường nhất định đã giúp tôi được xem thành phố Sài-gòn với con mắt một du khách. Nhiều đêm tôi phải ngủ lại ngoài kho bến tàu. Đó là những lần tàu tới trễ và người ta làm ngày đêm để tiết kiệm tiền và thời giờ cho hãng. Tôi từ già cuộc sống ồn ào ở bến tàu mấy tháng sau, không ghi được kỷ niệm gì. Tôi đổi nghề nhiều lần và giữa những ngày mất việc tôi viết được một số truyện ngắn mà phần lớn gửi đăng báo không có tiền thù lao. Lúc ấy báo chí còn được nhắc nhở đến kháng chiến. Người Pháp cho chúng ta thỏa mãn một phần nào cái dồn nén của lòng ái quốc. Một số những nhà văn, những cây viết còn trẻ ở nội thành đua nhau viết về những đề tài xã hội, chiến tranh. Người ta đề ra những tác phẩm loè loẹt bởi một nước sơn thời sự. Nhưng đọc giả những báo chí thời đó phần đông thuộc giới binh dân thì chỉ lo đọc thái độ và tiêu thuyết trình thám hiểm hiệp của một vài nhà văn già.

Văn đến tìm tôi vào một buổi sáng đầu mùa mưa. Lúc ấy tôi đương ở trọ tại nhà một người đồng hương. Chỗ ở của tôi là một cái hàng ba hẹp vừa đủ kê chiếc ghế bố và một tấm ván treo tròn ten bên cửa sổ làm bàn viết. Văn mới ở hậu phương về Hà-nội được ít tháng. Anh được một người bạn văn nghệ có thể lực rủ vào Nam cộng tác với ý đồ làm kịch ảnh.

Việc đầu tiên khi chúng tôi gặp nhau, Văn rủ tôi sang Chợ-lớn. Anh dẫn tôi vào sông tài sủ với dáng điệu lịch lãm của một tay bạc quen lui tới giải trí trường. Chúng tôi vào một cái phòng ở ngoài cửa người ta đề bảng « cấm đi guốc gỗ ». Đó là lần thứ hai tôi bước chân đến đó và may mắn là mình lại đi giày và bận âu phục chỉnh tề. Tôi theo Văn lại một cái bàn dài sơn xanh. Văn đảo mắt một vòng trên những ô vuông có ghi những con số của một bàn *ronlette*. Anh ném tờ giấy năm trăm đến trước mặt tên hồ lý. Y nhanh nhẹn đếm và lấy một cái bàn cào đầy cọc *jeton* đến trước mặt Văn. Tôi đứng cạnh Văn mãi nhìn những nét mặt đàn bà diêm dúa hơn là hòn bi lăn tít trên bàn quay.

Về sau, mỗi lần gặp Văn thì tôi biết chắc chắn hành trình của chúng tôi. Tôi bắt đầu nghĩ đến tìm một nhân vật đàn bà cho một thiên truyện thời đại tôi phải bỏ dở một phần vì Văn thua bạc nhiều quá và một phần vì đề tài của tôi rất « đụng chạm ».

Những ngày thất nghiệp làm ngưng hẳn hoạt động của Văn trong sông bạc. Mỗi lần gặp nhau bây giờ chúng tôi có dịp bàn luận về văn chương và đời sống bên cạnh ly cà-phê ở một góc tiệm nước của người Tàu. Văn xin nhập ngũ được ít lâu thì tôi bị động viên. Tôi nằm lều vải hết hai ngày đêm rồi được trả lại đời sống dân sự vì không đủ sức khoẻ để vác súng.

Sau những ngày hành quân Văn gặp lại tôi với nét mặt đen sạm

và một chút chán nản trên nụ cười. Tôi đưa cho anh coi những đơn thuốc và tập truyện viết dở dang — không biết là tập thứ mấy — của tôi. Đạo ấy tôi bị sốt rét liên miên và một lần ở phòng chiếu điện ra thì bác sĩ cho biết là phổi tôi hơi yếu. Tôi nhận tin đó với một chút buồn. Đáng lẽ phải dưỡng sức và nghỉ ngơi thì tôi lại cầm đầu vào viết.

Văn ngồi xuống tấm phản với đôi mắt hơi tò mò cái hàng ba quen thuộc. Ở một góc sát tường nằm bừa bộn đống chăn gối, vài ba cuốn sách vất trên tấm ván treo lủng lẳng bên cửa sổ. Văn là cái bàn viết cố hữu của tôi. Anh mỉm cười có vẻ ngạc nhiên khi thấy ở trên đầu giường tôi có tấm hình Audrey Hepburn mà tôi đã lấy ở một bia báo điện ảnh. Đôi mắt đen hồn nhiên và nụ cười đôn hậu tôi đã gặp trên màn ảnh hồi gần đây trong một truyện phim thơ mộng. Văn bảo khi tôi khoác chiếc áo sơ-mi lên mình :

— Mày lại ốm đấy ư ? Trông xanh rớt. . .

Tôi nhìn anh cười và nhún vai. Có nhiều đêm giữa cơn sốt hằm hập tôi đã hình dung đến một chiếc giường bệnh viện. Tôi sợ phải nằm nhà thương hơn là sợ chết.

— Có gì lạ không ?

Đó là câu hỏi thường lệ của chúng tôi. Câu trả lời bao giờ cũng là cái lắc đầu và nụ cười gượng gạo. Chúng tôi sống giữa một thế giới hỗn độn sau chiến tranh nhưng cuộc đời thì lại rất vô vị và bằng phẳng. Cái vô vị và bằng phẳng ấy khiến chúng tôi nổi loạn một cách vô ích. Văn thì ôm hoài bão dựng một vở kịch lớn sẽ nói lên được tiếng nói của thời đại. Và anh vẫn chưa viết được lấy một cảnh thứ nhất.

Từ quán cà-phê đã văn khách chúng tôi đi dọc theo con đường vắng với những bóng cây âm đạm bên cạnh nghĩa địa đất Thánh Tây. Văn đưa tôi vào một khu công viên nằm giữa những giấy tờ cao và trơ trụi. Trên một khoảng đất trống, mấy chiếc xe rác của thành phố đứng im lìm trong bóng tối. Chúng tôi đến ngồi trên một chiếc ghế xi-măng. Tay tôi chạm phải mặt ghế lạnh và ẩm. Một ngọn đèn vàng vọt soi lên cái hiu quạnh của một mái nhà gần đấy. Từ này, chúng tôi chỉ nói những câu ngắn và vu vơ. Tôi không biết hỏi gì về Văn và lý do anh trở lại thành phố dường như tôi đã hơi hiểu. Mãi về sau, tôi mới bảo anh :

— Oanh đã vào một tuần lễ nay !

Văn ngó tôi, cười hóm hỉnh.

Oanh là người con gái vẫn được nhắc đến trong tiểu thuyết của tôi mấy năm trước đây.

— Anh có dự gì vào cái quyết định đi của cô ta không ?

Văn hỏi tôi, đột ngột thay đổi cách xưng hô. Tôi có cảm tưởng như chúng tôi xa nhau đã lâu ngày. Cuộc sống đã đổi thay nhiều trong quãng thời gian cách trở ấy.

Tôi lắc đầu :

— Tôi vẫn muốn Oanh cứ ở lại Hà-nội.

— Như thế là sao ? Anh lãng mạn quá !

Tôi không muốn nhắc lại những cảm tưởng thất vọng khi tôi gặp Oanh tuần lễ đầu nàng mới vào. Tôi nói với Văn :

— Hồi thứ nhất trong tiểu thuyết đã xong rồi.

Văn chưa chát bảo :

— Minh bắt lực ngay đến cả cách thu xếp cuộc đời của mình.

Tối hôm ấy Văn không về ngủ với tôi. Anh hỏi tôi với vẻ khó khăn hiện trên đôi mắt nhiều tư lự :

— May có tiền cho tao một trăm ?

II

Tôi đến trường bay vào lúc Oanh đang đứng ngơ ngác trước phòng đợi bên cạnh hai chiếc va-ly lớn. Chúng tôi không gặp nhau đã hơn bốn năm. Mỗi khi nhớ đến Oanh tôi hình dung tới một người con gái mảnh mai có khuôn mặt thơ ngây thoáng ầu sầu. Oanh mặc một tấm áo màu xanh rêu. Màu áo làm tăng thêm nước da trắng của khuôn mặt trái soan hơi gầy. Tôi hơi buồn khi thấy sự đổi thay ở nàng rõ rệt quá. Cái buồn pha lẫn một chút luyến tiếc. Cảm tưởng ấy nếu Oanh biết, nàng sẽ cười mà bảo tôi là một anh gàn.

— A ! Kia anh Hiền.

Oanh kêu lên một tiếng mừng rỡ khi thấy tôi. Giọng nàng trong như tiếng suối và hơi run, có lẽ vì xúc động. Một vài người hành khách đưa mắt nhìn khiến tôi hơi lúng túng. Tôi nói đề thay cho câu tạ lỗi :

— Máy bay đến sớm quá.

— Anh không nhận được điện tín của em sao ?

Oanh hỏi riu rít. Nàng có vẻ một nữ sinh nội trú tới vụ hè được người nhà đón ra trường. Tôi nhắc hai chiếc va-ly nặng chiu và hỏi :

— Oanh còn đi với ai nữa không ?

— Có. Còn một người nữa... đang xách va-ly cho em.

Oanh nói và nhìn tôi âu yếm.

— Nhận được giấy thép của Oanh tôi rất ngạc nhiên. Tôi không ngờ...

— Anh không ngờ em lại dám một thân một mình xách va-ly vào Sài-gòn chứ gì. Chắc anh vẫn yên-chí rằng Oanh vẫn còn là con bé gầy gò, nhút nhát ngày mới hồi cư phải không ?

Oanh hỏi tôi với vẻ khiêu khích. Tôi ngo vào đôi mắt đen lấp lánh mà cười. Tôi mở cửa xe cho Oanh lên và đợi một sự ngạc nhiên của nàng. Mãi đến lúc xe ra khỏi phi trường Oanh mới hỏi tôi :

— Bây giờ anh giàu thế kia ư ? Đem xe hơi ra đón Oanh cẩn thận. Tôi không trả lời mà chỉ cười. Dọc đường Oanh bảo :

— Anh đưa em về nhà chị Châu.

Châu là bạn học cũ của Phượng, chị ruột Oanh. Tôi biết Châu hồi ở Hà-nội. Dạo ấy nàng còn đi học. Tôi bảo Oanh :

— Nếu Oanh lại chỗ tôi ở Oanh sẽ thất vọng lắm. Nó không phải là một tòa biệt thự.

— Em biết rồi. Cả chiếc xe hơi này anh cũng mượn của một người bạn.

— Có nhiều người bỏ đi xa để làm giàu, hay đi chôn một cái đi vắng không vui...

— Còn anh tại sao ?

— Tôi chạy theo một ảo tưởng.

— Nhà văn các anh khó hiểu quá. Em chỉ ghét anh về điểm đó thôi.

Tôi nhìn thẳng vào con đường nhựa chạy về phía thành phố. Tôi biết rằng lúc đó Oanh hơi thất vọng. Cuộc đời không dành cho chúng tôi những điều tốt đẹp mà chúng tôi đang tìm kiếm.

— Tôi cứ đinh ninh rằng không bao giờ Oanh vào Nam...

— Phần lớn những người ở Hà-nội cũng nghĩ như anh. Nhưng cuối cùng họ đã bỏ đi. Người ta mong mỗi hòa bình rồi đến lúc ngưng súng thì lại bỏ đi vì sợ hãi... Như thế là tại sao hả anh ?

— Tôi tưởng Oanh cũng thừa hiểu điều đó.

— Hoàn cảnh của em dần dị hơn. Ông Quảng đã đóng cửa hiệu sách.

— Vào đây Oanh định làm gì ?

— Chị Châu đã dành cho em một chỗ dạy học.

Oanh nhìn những tòa biệt thự chạy dọc hai bên đường và một dãy phố náo nhiệt của khu Tân Định bằng đôi mắt lạ lùng, vui thích. Cái nhìn ấy cũng giống như cái nhìn của tôi trước đây, những ngày mới đặt chân lên Sài-gòn.

Nhà chị Châu ở vào con đường hẻm mà xe hơi không vào được. Tôi đề ý thấy Sài-gòn là một thành phố rất nhiều ngõ hẻm. Những căn nhà bé nhỏ nằm nép cạnh nhau y như những người chạy loạn đã tìm được một nơi trú ẩn không mấy chắc chắn. Ngõ tuy nhỏ hẹp nhưng có một lối đi lát xi-măng sạch sẽ. Chúng tôi đến nhằm lúc Châu sắp sửa đi phố. Mãi đến lúc đó, tôi mới biết là chị đã có gia đình và hai đứa con lớn sần sần bằng nhau. Chồng chị đang theo học một trường quân sự ở Thủ Đức. Từ trong nhà thoáng đưa ra mùi nhang và tiếng mõ tụng kinh đều đều. Một đứa trẻ chập sưa

tuổi loay hoay ra mở cửa và nhìn chúng tôi bằng đôi mắt đen thò
lố. Một đứa khác chạy trở vào kêu mẹ :

— Mẹ ơi. Có khách. . .

— Kia Oanh. Sao bảo tháng sau mới vào ?

— Em cũng định thế. Xong tình hình lúc này đổi thay nhanh
chóng quá.

— Sao không gửi điện tin cho chị ?

Hai chị em hỏi nhau riu rít. Mãi một lúc sau Châu mới đề
ý đến tôi :

— Có phải anh Hiền đấy không ?

— Tôi gầy và đen đi nhiều, chắc chị không nhận ra — Tôi cười
lúng túng bảo vậy.

— Anh Hiền đem xe hơi ra trường bay đón em đấy — Oanh nói
vội vẻ khoe khoang và nằng cho rằng tôi hãnh diện lắm.

Châu trách tôi :

— Anh Hiền lúc này giàu rồi. Chả trách không thêm lại tôi chơi.

Đáng lẽ ra tôi phải trách Châu. Nàng lập gia đình hồi nào không
cho tôi hay. Dạo nàng còn đi học ở Hà-nội, chúng tôi thường rủ nhau
(Oanh, Phượng, Châu và tôi) đi xem chiếu bóng mỗi chủ nhật. Tôi đóng
vai hiệp sĩ đi hộ vệ cho mấy nàng công chúa. Hình ảnh những ngày
ấy nhớ lại khiến tôi bật cười. Tôi bảo Châu :

— Chóng thật. Bây giờ chị được mấy cháu rồi ?

Châu gọi hai đứa con ra chào tôi. Tôi đề hai chiếc va-ly của Oanh
vào góc nhà rồi cáo từ chị Châu :

— Có lẽ chị sắp đi phố. Thôi đề tôi xin phép đi về.

Oanh ở trong nhà đi ra. Nàng đã mặc áo cánh. Tôi đề ý thấy hai
cánh tay và đôi vai đầy đặn của nàng. Oanh không còn là cô bé gầy
gò nhut nhut ngày nào nữa. Tôi nghĩ đến một buổi sáng chủ nhật nào
đó tôi sẽ đi với Oanh trên đường Bonard, trong lòng thoảng một
chút kiêu hãnh.

Oanh bảo Châu :

— Thôi chị đi chợ. Cho em ở nhà. Em mới đi máy bay lần thứ
nhất có hơi mệt — Quay ra tôi nàng hỏi : Anh chưa về chứ ?

Tôi thật thà trả lời :

— Bây giờ tôi phải đem xe đi trả anh Phước. Đề chiều tôi lại.

Oanh có vẻ hơi buồn. Tôi nói với Châu :

— Bây giờ cô ấy mới bắt đầu thấy nhớ nhà.

Châu ngó nàng với đôi mắt ái ngại :

— Mặc áo vào đi ra phố với chị một lát cho vui.

Tôi đưa hai người lên chợ Sài-gòn rồi trở về. Oanh dặn tôi sáng
chủ nhật lại chơi.

Sáng hôm sau tôi đạp xe lại tìm Oanh như đã hẹn. Tôi đến vào

lúc Oanh đang ngồi bên cửa sổ có vẽ ngóng đợi. Tôi dựng xe ngoài hiên và bảo nàng :

— Rất tiếc là tôi vừa « bán » chiếc xe hơi chiều qua...

Oanh cười ngất, đôi mắt bờ câu lấp lánh và chiếc áo ngắn để lộ khoảng cổ trắng ngần.

— Em chờ anh từ buổi sáng. Chị Châu hôm nay đi Thủ Đức thăm chồng.

Tôi nhìn Oanh và bỗng mỉm cười.

— Anh cười cái gì thế ?

— Oanh còn nhớ những ngày ở Hà-nội tôi vẫn thường đóng vai hiệp sĩ đi hộ vệ mấy nàng công chúa xem chiếu bóng không ?

Oanh đi vào nhà trong với tiếng cười trong trẻo. Lát sau nàng trở ra mặc tấm áo màu xanh rêu hôm ở phi trường. Màu sắc đơn sơ làm tăng vẻ đẹp hồn nhiên của nàng. Tôi bảo Oanh :

— Ở Sài-gòn đã có tắc-xi, nếu mình không có xe nhà, đi bằng tắc-xi cũng bảnh chán.

Oanh nhìn tôi và cười an ủi :

— Anh có thể đeo em bằng xe mobylette của anh.

Thấy tôi tỏ vẻ do dự, nàng tiếp :

— Như thế tiện và đỡ tốn tiền.

Tôi dắt xe đi theo Oanh ra ngoài ngõ. Oanh ngồi lên yên phía sau và vòng tay ôm ngang lưng tôi. Cử chỉ tự nhiên ấy khiến tôi cảm động. Chúng tôi đi qua những phố đông đúc vào buổi sáng vừa sang mùa nắng. Tôi chạy xe vụng về hơn thường lệ có lẽ lần đầu tiên tôi chở phía sau một cô gái và cô gái ấy lại là Oanh. Tôi gửi xe ở bên cạnh hành lang Eden. Chúng tôi đi vào hành lang hơi tối và mát, Oanh ngó sang hai bên cửa hàng ở lối đi có những tủ kính trưng bày mỹ thuật trong ánh đèn ống rục rỡ. Thỉnh thoảng nàng dừng lại trước một gian hàng và ngắm những món đồ xa xỉ đắt tiền với vẻ say mê của một cô bé trước một cây Giáng sinh. Chúng tôi gặp trên lối đi những cặp vợ chồng người Âu lịch sự thong thả đi dạo như ở những kinh thành đẹp để quen thuộc xứ họ. Oanh thì nhìn một cách hơi tò mò những phụ nữ Việt ăn mặc diêm dúa và đôi ba cậu thanh niên trang phục theo kiểu những nhân vật trong phim cao-bồi — chỉ thiếu có chiếc nón vành rộng đôi ủng và cây súng sáu. Tôi nói đùa Oanh :

— Trông Oanh giống như một phụ nữ ngoại quốc lần đầu tiên đến Sài-gòn vậy.

Oanh đang cười thì có một thanh niên hơi nhỏ người vạm vỡ áo sơ-mi Hạ-uý-di đi ngang qua. Y tỏ vẻ rất ngạc nhiên nhìn Oanh :

— Hello ! Oanh. Vô hồi nào vậy ?

Và trước cặp mắt tròn xoe của tôi, Oanh đưa tay cho chàng

thanh niên nọ bắt. Trong một thoáng tôi bỗng có cảm tưởng mình là một anh chàng rất lạc hậu. Tôi đang đứng bỡ ngỡ thì Oanh quay lại phía tôi :

— Anh Hiền. Đây là đại úy Thắng.

Tôi lúng túng bắt tay vị đại úy trẻ tuổi. Ông ta chạc tuổi Oanh, mặt cũng nhỏ tương ứng với khổ người, hai con mắt rất lạnh. Tôi nghe Oanh hỏi ông ta :

— Toa về bao giờ thế ?

Người thanh niên nhún vai, trả lời :

— Tuần trước Sài-gòn nóng, khó chịu quá. Toa còn nhớ Tuấn cận thị không ? Nó hãy còn ở Paris...

Trước mặt tôi lúc đó Oanh bỗng trở thành một thiếu nữ Tây phương hoàn toàn tự nhiên, ~~bạc~~ dạn khác thường. Tôi nghĩ tới bốn năm xa cách và những thay đổi mà không bao giờ tôi ngờ tới của cô em gái thủy mị ngày xưa.

III

Văn lại tìm tôi, một buổi tối, sách theo một cái cặp da to tướng. Anh ăn bận chỉnh tề khác hẳn mọi lần, có vẻ như một tay chuyên chạy áp-phe. Văn nụ cười bí mật, anh bảo tôi :

— Tao vừa ở ngoài đó về...

Tôi nhìn cái cặp da anh cầm nơi tay một cách nghi ngại.

— Đừng sợ. Không phải truyền đơn phong trào hòa bình đâu. Bây giờ tao đã mở mắt ra rồi.

Tôi « à » một tiếng dễ chịu nhưng vẫn còn thắc mắc. Văn ngồi xuống ghế vải :

— Mà vẫn gặp Oanh đấy chứ ? Sao trông buồn thế ?

— Tao ốm.

Tôi không lại thăm Oanh đã gần một tuần nay, không phải vì sự gặp gỡ bất ngờ hôm chủ nhật ở hành lang Eden. Mùa mưa đã bắt đầu và về đêm tôi thường trở giầy giữa một cơn sốt rét. Tôi mặc áo sơ-mi và bảo Văn :

— Hôm kia mình vừa nhận được một cái thư của Thiệu. Có lẽ nó không vào.

— Phải rồi. Nó đã được xem triển lãm mười năm vĩ đại ở Hà-nội. Nhưng nhầm hết...

Tôi muốn hỏi Văn về sự thay đổi đột ngột của anh và kinh nghiệm đau sót nào đã khiến anh thốt ra câu nói trên.

Ở Tân-định, tối hôm ấy đông hơn thường lệ. Chúng tôi ra đến trước nhà thờ có trăng đèn sáng trưng, hình như là một buổi lễ. Lúc

bấy giờ Văn mới thông thả nói với tôi :

— Bây giờ tao làm báo. Trụ sở ngoài Huế. Có mấy tay vừa từ bên kia về.

Tôi bật cười nhớ đến tờ tuần báo sắp chết mà tôi đang có bài đăng.

— Mà cười cái gì vậy ?

— À, tao nghĩ đến cái trò múa rối mà tao có tham dự trong đó...

Văn đập tay vào chiếc cặp da lớn của anh :

— Tao có thể đem cái này sang bên Đại-thế-giới và thử thời vận một phen nữa.

Anh nói và chờ đợi sự ngạc nhiên của tôi. Không thấy phản ứng gì, Văn lại tiếp :

— Nói đùa đấy. Bây giờ phải làm việc để mở cho mình một lối thoát... Tao đang khởi thảo một tiểu thuyết dài.

— Sao không dựng kịch ?

— Nói là tiểu thuyết nhưng nó cũng gần như kịch. Tao sẽ thử một lối khác, một thứ tiểu thuyết truyện phim (scénario) theo kiểu l'engrenage của Sartre.

Văn vẫn có những ý nghĩ mới mẻ nhưng ít khi thực hiện được. Bạn bè nhiều người cho là anh huyênh hoang.

— Hiện giờ đang lo bù đầu về bài vở, nhà in, giấy phép...

Tôi nghe Văn nói về những dự định tốt đẹp của anh và lần thứ nhất tôi tin rằng anh sẽ thực hiện được. Xe ngừng lại ở dốc cầu. Chúng tôi đi vào một con đường hẻm nằm ép giữa hai căn nhà gạch cao. Ở cuối đường le lói một ngọn đèn điện. Đường đi nhỏ hẹp và quanh co, hai bên là những nếp nhà vách vôi xiêu vẹo trong bóng tối giống như những người nghèo khó với quần áo và đụp. Văn đi thoăn thoắt thỉnh thoảng lại quay nhìn tôi. Tôi đi theo một cách khó khăn vì những khoảng tối trên đường đi. Tiếng giày của chúng tôi khua lộp cộp trên những tấm ván dài vồng trũng. Chúng tôi đi sâu vào trong xóm những nhà sàn. Dưới chân, nước đen lấp loáng. Thoảng có mùi tanh.

— Đến nơi rồi.

Văn nói như reo mừng và tôi thử ra một cách khoan khoái. Chúng tôi đứng trước một căn nhà sàn thấp. Văn ngó vào trong nhà qua khung cửa sổ trống :

— Sáu Nhỏ có nhà không ?

Không tiếng trả lời. Ngọn đèn dầu tù mù soi lên một góc nhà chật chội.

— Ai đó ? Một lát sau mới có tiếng khàn khàn của một người đàn bà từ trong bóng tối vọng ra.

— Tôi đây. Anh Tư đây. Có Sáu Nhỏ ở nhà không đi ?

Tiếng dép kéo lệt xệt trên sàn gỗ và một khuôn mặt đàn bà hốc hác hiện ra.

— À, thầy Tư. Lâu quá...

Văn ngó người đàn bà cười thân mật. Cảnh tượng ấy dường như tôi đã thấy một đôi lần, khi Văn cùng tôi đi chơi đêm. Tôi thấy Văn dúi vào tay người đàn bà tờ giấy bạc rồi nói những gì mà tôi không nghe rõ. Chỉ nghe người đàn bà bảo :

— Con nhỏ đi từ chiều. Lúc này nó bệnh, ốm nhom, thầy à.

Văn trở ra vỗ vai tôi :

— Thôi, về.

Dọc đường tôi bảo anh :

— Chỗ này thì kín đáo số đánh.

Văn cười, lắc đầu :

— Đây là nhà của con bé. Chúng tao gặp nhau ở kho đạn. Mày biết khu vực đó chứ ?

Tôi gật đầu, hình dung đến cái ngõ gạch chập tối phất phới những chiếc áo bà ba, tiếng xe máy rồ ở phía ngoài và tiếng cười đùa tục tĩu ở bên trong. Ra khỏi ngõ Văn kể liếp :

— Đạo ở trên cái gác cuối ngõ tao bị ốm liệt giường không có nó thì nguy...

Rồi Văn chặc lưỡi :

— Ân tình. Vài trăm đồng bạc. Có những lúc ân tình xuống không đủ và đối với người ta sự tỏ tình cụ thể nhất và quý giá nhất là mấy tờ giấy bạc. Mày có nghĩ như thế là bỉ ổi không ?

Tôi muốn bảo Văn im đi, nhắc đến tôi cho là vô ích và tàn nhẫn. Tôi hỏi bạn :

— Mày định nói gì trong cái tờ báo của chúng mày ?

— Một cái gì khác hơn cái xã hội cộng sản.

Chúng tôi đi bộ qua cầu. Gió mát làm vợi những ý nghĩ u uất trong tôi. Tôi không nhìn những chiếc ghe chen chúc dưới sông như nhiều lần mà hướng về phía một công thự đồ sộ và khoảng ánh sáng hừng lên ở khu chợ cũ. Tôi nghĩ đến tập truyện dài vừa viết xong và vai chính đã chết, với một chút buồn nhưng thư thái.

— Hôm nào anh dẫn tôi lại thăm Oanh của anh. Người trong ảnh thì đẹp lắm.

— Tôi muốn Oanh có một người yêu hoặc là lạnh nhạt với tôi.

— Nghĩa là anh vẫn còn si tình ?

Tôi lắc đầu, bảo bạn :

— Có nhiều hôm ra đến đường phố mình không biết là định đi đâu.

— Mày phải đam mê một cái gì đâu đam mê đó làm khổ mày. Không có, mày sẽ chết cô độc.

Dạo Oanh còn ở xa, chúng tôi thường gửi cho nhau những lá thư thật đầm thắm. Đôi khi kèm theo thư Oanh còn tặng tôi những tấm hình nàng chụp chung với bè bạn. Trong đám người trẻ tuổi ấy tôi nhận ra nụ cười yêu đời của Oanh. Tôi không còn nghĩ tới cô bé gầy gò đã lệch thẹo theo tôi trở về Hà-nội vào những ngày cuối đông 50. Hồi ấy tôi trở về Hà-nội với tâm trạng của kẻ tuyệt vọng. Tôi xin được một chân thư ký với số lương ít ỏi vừa đủ nuôi miệng. Oanh trở lại gia đình có một bày em con riêng của bà di ghê và người cha đã luống tuổi. Cuộc đời của chúng tôi không mấy đầm ấm. Tôi thường gặp Oanh và những lần gặp nhau ấy là niềm an ủi độc nhất của chúng tôi.

— Đã có khi nào mày nghĩ đến lập gia đình với Oanh chưa ? — Câu hỏi của Văn kéo tôi ra khỏi dĩ vãng.

— Đó là ước vọng không bao giờ thực hiện được.

Thật vậy, đến bây giờ, sau sáu năm lăn lóc trong cái thành phố huyền ảo và máy móc của miền Nam tôi vẫn chưa làm được gì ngoài mấy tập truyện tiểu thuyết tầm thường và một nghề lao động giúp tôi sống qua ngày. Để an ủi, tôi thường nghĩ tới một mái nhà và một người vợ mà tôi hình dung qua khuôn mặt và dáng dấp của Oanh. Tôi bảo bạn trong sự chán chường :

— Chiến tranh hay hòa bình cũng chẳng thay đổi được cái gì cho mình.

— Tại sao lại không thay đổi ? Văn hỏi lại tôi với vẻ hơi ngạc nhiên.

— Có thay đổi một chút, là trước kia người ta sống gần cái chết hơn. Đang cười nói đầy mà chỉ một phát súng nào đó đã biến mình thành thầy ma. Bây giờ người ta không sợ chết chóng vánh như thế nữa nhưng lại phải sống với những lo lắng thường xuyên là vấn đề cơm áo hàng ngày...

Tôi không muốn nói cho Văn biết là tôi sắp thất nghiệp. Chỗ tôi làm chỉ còn ít tháng nữa là đóng cửa. Hàng ngàn thợ thuyền khác cũng chung số phận như tôi. Văn rủ tôi đi ăn cơm thố. Bữa cơm nhạt nhẽo ở một tiệm ăn ồn ào và nóng. Ăn xong chúng tôi xuống đường rồi Văn vỗ vai tôi bảo :

— Mày không gần đàn bà đã mấy tháng nay rồi ?

Tôi nhìn Văn trong đôi mắt ngạc nhiên lặng lẽ lắc đầu.

— Vậy tao đưa mày về.

Tôi xuống xe ở đầu ngõ. Con đường hẹp tối và vắng làm tôi nghĩ tới căn phòng trọ trống trải hiu quạnh của mình mà bất sợ. Tôi đi trở ra và kêu một chiếc tắc-xi xuống thăm Oanh.

IV

Tôi bước dò dẫm trong khoảng tối của con đường hẻm. Từ một

căn nhà ở cuối đường ánh điện yếu ớt lọt ra. Tôi đứng lại một giây trước cửa nhà chị Châu và nghe từ trong vọng ra tiếng cười quen thuộc. Tôi chợt nghĩ tới Phụng và âm thanh trong trẻo hồn nhiên của tiếng cười bỗng khiến tôi hồi hộp.

Phụng ngồi ở một góc divan kê gần lối ra vào. Tôi nhận ra chiếc áo cánh trắng nàng thường mặc ngày trước để lộ đôi tay trắng mịn. Tóc cắt ngắn hơn làm cho cho khuôn mặt bầu bĩnh của nàng có vẻ thơ ngây của một nữ sinh. Chúng tôi nhìn nhau trong khoảng yên lặng cảm động. Tôi nhớ lại một buổi sáng nào chúng tôi từ biệt nhau trên sân ga Hàng Cỏ ồn ào. Người đi nhất tiễn chân tôi là Phụng. Hôm cuối cùng gặp Phụng tôi bảo :

— Mai tôi xuống Phòng...

Và trước đôi mắt ngạc nhiên của nàng tôi tiếp :

— Tôi đã lấy vé tàu Năm Sao để vào Nam.

Phụng hỏi tôi qua một thoáng ngạc nhiên, giọng nàng đượm buồn hay tôi đã tưởng tượng ra như vậy. Chúng tôi đi qua vườn hoa Cửa Nam, suốt dọc đường không ai thốt ra một tiếng.

Tôi đưa Phụng về nhà. Câu hỏi cuối cùng của nàng :

— Máy giờ mai Hiền ra ga ?

— Tôi đi chuyển tàu sớm nhất.

Sự có mặt của Phụng buổi sáng hôm ấy đã làm tôi khóc khi bước chân lên toa tàu hạng ba chật chội. Trong bức thư thứ nhất gửi cho Phụng tôi đã thú thật điều ấy với nàng. Phụng viết cho tôi những lá thư đầm thắm, những giọng chữ mềm mại gọi lên hình ảnh mấy ngón tay thon nhỏ mà tôi vẫn ao ước được nắm trong lòng bàn tay.

Thấy tôi Oanh hơn hờ :

— Anh làm gì mà mất mặt cả tuần lễ nay ?

Câu hỏi bao hàm một ý trách móc. Trong khi tôi mỉm cười thì Phụng bảo :

— Chúng tôi vừa nhắc đến anh. Oanh nó khoe là hôm nọ anh đem xe hơi ra tận phi trường đón nó...

— Chị Phụng vào chắc anh ngạc nhiên lắm ?

Tôi không đáp, nghĩ đến chiến tranh đã làm cho những người con gái bây giờ bạo dạn, liều lĩnh hơn.

— Phụng đi một mình ?

— Tôi vào cùng chuyển máy bay với một cô bạn.

— Bức thư sau cùng làm cho tôi tưởng không bao giờ còn gặp Phụng nữa.

Tôi bắt gặp một thoáng xúc động trên gương mặt của Phụng. Có lẽ nàng vừa nghĩ tới hôm tiễn chân tôi ở sân ga Hàng Cỏ. Tôi nhìn

Phượng giờ lâu. Phượng không thay đổi mấy, vẫn khỏe người tròn lẳn mà Phượng đã tìm hết cách để nó thon bớt lại. Vẫn giọng nói hấp tấp, vụng về. Cái nhìn đáng yêu còn nguyên trong đôi mắt dịu hiền của Phượng.

— Hôm kia gặp anh Thuận dẫn đi xem triển lãm, anh ấy hy vọng giữ được mình ở lại...

— Trường hợp nào đã thay đổi ý định của Phượng ?

— Sở tôi làm họ đã di chuyển vào Nam. Dân Hà-nội nháo nhác vì đi hay ở, mình ở lại thất nghiệp thì ai nuôi ?

Phượng nói với giọng hơi buồn. Bất giác tôi nghĩ đến số phận chúng tôi sau cuộc chiến tranh này, vấn đề cơm áo gay go đã buộc chúng tôi phải rời bỏ những chốn thân yêu đi tìm đất sống. Oanh khoe với tôi :

— Đầu tháng này em đi làm. Ông Quảng vừa lại tìm em. Ông đã thu xếp được chỗ mở hiệu sách.

Oanh đứng bán hàng cho hiệu sách của ông Quảng đã gần ba năm. Hình như tôi có gặp ông Quảng một lần khi tôi trở về Bắc và lại tìm Oanh ở hiệu sách. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, nước da hồng hào và thân hình phì nộn. Hồi tháng 8-45, ông Quảng có in được mấy bản nhạc do ông sáng tác. Người vợ sau của ông là một thiếu phụ lai Pháp rất đẹp.

Tôi quay lại hỏi Phượng :

— Còn Phượng đã có dự định gì chưa ?

Phượng nhún vai :

— Chưa biết chừng tôi lại về...

Tôi trở mắt nhìn nàng. Oanh bỗng hỏi :

— Hình như anh Phan cũng vào phải không chị Phượng ?

Phượng lờm em với vẻ hơi bối rối. Tôi bỗng tò mò muốn biết Phan là ai. Phượng bảo :

— Anh Phan đã ra đón chúng tôi ngoài trường bay.

Chúng tôi đang trò chuyện thì có tiếng xe hơi ngoài đầu ngõ. Phượng hớn hờ đứng giậy khi người đàn ông bước vào. Hắn trạc ba mươi tuổi, cao lớn và đầy đà. Hắn gật đầu chào chúng tôi với nụ cười xã giao. Phượng giới thiệu :

— Anh Phan. Đây là anh Hiền, nhà văn.

Tôi cười gượng và nghĩ rằng câu giới thiệu của Phượng hơi có vẻ châm biếm.

— Đáng lẽ tôi đến thăm Phượng từ hôm qua nhưng vì bận quá. Lúc này hàng về không ngót, một mình tôi làm đủ mọi việc.

Phượng bảo tôi :

— Anh Phan làm xuất nhập cảng.

Tôi định nói : Tôi có nghe thấy tiếng xe hơi của ông Phan.
Nhưng lại thôi. Phan nhìn quanh rồi tiếp :

— Phượng ở đây rộng rãi quá. À, sáng nay tôi có ghé lại hăng.
Người ta bảo Phượng đem giấy tờ lại và có thể nhận việc ngay được...

Phượng, nhìn y với đôi mắt biết ơn.

— Thế mà cứ băn khoăn mãi về chuyện không có việc làm... Bây giờ thì yên tâm chứ ?

Giọng nói của Phan thân mật và đầy ý săn sóc. Cử chỉ ân cần như một người anh. Tôi biết Phượng đã cảm động vì những cử chỉ như thế. Phan rất tế nhị và sành tâm lý phụ nữ. Phan ngỏ ý mời Phượng đi chơi nhưng y đã xã giao rủ chúng tôi đi cùng. Chị Châu cáo lỗi vì bận mấy đứa con. Tôi cảm ơn Phan và từ biệt chị em Phượng. Oanh tiễn tôi ra cửa với cái nhìn ái ngại còn Phượng thì đã vào nhà trong thay áo. Trong bóng tối tôi nghe rõ tiếng bước chân mình vang trên con đường lát xi-măng. Tiếng động buồn và lạc lõng. Về đêm trời hơi lạnh. Tôi trở về nhà trọ mang theo hình ảnh đôi mắt rầu rầu của Oanh.

vĩnh lộc

THẠCH CHƯƠNG

giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật

J'annonce au monde ce fait-divers de première grandeur : un nouveau vice vient de naître, un vertige de plus est donné à l'homme, le SURREALISME, fils de la frénésie et de l'ombre. Entrez entrez, c'est ici que commencent les royaumes de l'instantané.

ARAGON - (*Le Paysan de Paris*)

Sự kiện thứ nhất không ai còn chối cãi : triều đại vàng son của lý trí, của luận lý, đã sụp đổ trong nghệ thuật. Sự kiện thứ hai đang thành hình : mọi nghệ thuật, vô tình hay hữu ý, đang được bú mớm và sẽ trưởng thành trong nỗi rục rở của trường siêu thực.

Trong một bài nói về Camus tôi đã có dịp vấn tất bản đến trường này, nhưng hoàn toàn qua lập luận của Camus. Vì muốn đóng một vai khách, không muốn nêu lên những phê phán giá trị, nên ở đó tôi đã không định đặt một thái độ rõ rệt cho mình. Vì vậy có người ngộ nhận là tôi cũng đã muốn khoác lên mình một tấm áo thụng xanh quan liêu, hay tệ hơn nữa, là tôi cũng đã muốn đội lên đầu một khăn xếp tím đạo đức !

Đủ rồi ! Cái thái độ « ám ở à uôm » ôn hòa của Camus tôi đã tố cáo và có người cũng đã tố cáo mãnh liệt hơn (1). Vì vậy đã đến lúc phải biểu tỏ một thái độ tích cực và thành thực hơn : hôm nay tôi muốn hưởng ứng cái « nghệ thuật đen » của một người (2), bằng cách đặt nó vào một viễn thị rộng hơn của thời đại : đó là nhận thức siêu thực về nghệ thuật vậy.

Có kẻ nào không nghe thấy những tiếng la hét sặc sụa đầy máu trong mồm của Lautréamont ? Còn kẻ nào ngu muội điên cuồng đóng vai một hoang tử « ngày thơ » hay những kẻ luôn luôn chau chuốt bàn tay mình cho sạch sẽ giữa một thế giới mà mọi lòng tin đều là trọng tội ? Chúng tôi muốn quay lại vũ trụ hoang sơ dục tình nguyên vẹn mà

(1) Mặc dù cách đây 18 năm, Sartre cũng đã dùng chính lời phê phán đó.

(2) Xem Thanh Tâm Tuyền, « Nghệ thuật đen », Sáng Tạo số 3. Th. 9, 1960.

tâm hồn mỗi kẻ còn trinh như sữa — nhưng là cái trinh khiết đáng sợ của con bò rừng. Nghệ thuật hôm nay là sự biểu lộ một « *furie du total* » (3), một tiếng gọi quay trở về rừng sâu thẳm mà ở đó còn văng lên những tiếng cười thê điển mê, những tiếng la cuồng dại vọng về từ trăm thế kỷ của bản năng thuần túy. Tôi không gọi nó là nghệ thuật đen, bởi nói như vậy có thể cho phép mọi người ngộ nhận là biểu diễn một mặc cảm phạm tội, một thái độ đầu hàng những « đạo đức giả », những hàng ngũ bảo thủ hiện hữu. Đúng hơn nó là « nghệ thuật trắng », nghệ thuật còn tinh khôi, còn nguyên vẹn, còn trinh khiết.

Nghệ thuật trắng trước tiên phải có tính cách phản lý trí. Điều này không có gì mới lạ : đó đã là đường đi của Novalis, của Achim von Arnim, của Lautréamont, của Rimbaud. Lý trí vốn là một con điều hâu, loài ác điều. Móng vuốt của nó đã làm nghệ thuật chảy máu, biến hình, mất nguyên vẹn. Sự kiện này tưởng không còn cần bàn cãi (Breton đã truất phế nó đi và đưa tưởng tượng lên ngôi từ lâu (4).)

Nghệ thuật trắng biểu tỏ sự tự do tuyệt đối của cá nhân. Đây cũng không có gì mới lạ nốt, quan niệm tự do của bản ngã đã hiện hiện từ Fichte. Và ngày nay nó là một trong những « *mythes* » chung của cả thời đại. Tôi được quyền chối bỏ một thiên đường bó buộc, hoặc tôi được quyền chọn ác hay thiện. Hơn thế nữa : trật tự và hỗn mang, thiện và ác là những phân biệt từ ngữ cần phải hủy bỏ : chúng đã mất hết mọi giá trị nhận thức (5). Nghệ thuật trắng là đôi mắt của đứa trẻ con, của một dã thú, của một con người hoang sơ chưa ý thức được bộ lạc : dưới nó, thiện và ác chỉ là một, hay đúng hơn, chúng vô nghĩa.

Hơn là một phong trào, hơn là một cuộc cách mạng nghệ thuật, hơn là một triết lý (6) : nó đòi đi sâu vào mọi ngõ ngách cuộc đời, nó đòi là một tập hợp sống động. Nghệ thuật trắng chính là một lối cảm nhiệm màu, một dụng cụ nhận thức đời sống ở trạng thái thô sơ nguyên vẹn nhất. Nó chính là một thái độ dò hỏi, tìm kiếm — nhưng trong *Nadja* : nó được thành hình ở ngay ngoài phố phường, trong chợ, bên cột đèn, nơi xưởng thợ.

Lối cảm ấy, thái độ ấy là những yếu tố quan trọng trong cuộc phiêu lưu siêu hình của người làm nghệ thuật. Nghệ thuật không còn là một cứu cánh (7), không còn là trò chơi của giai cấp trưởng giả hay trí

(3) Chữ của Julien Brenda. Xem « *La France Byzantine*. »

(4) Xem *Premier Manifeste*, tr. 22-23.

(5) Đây là kết quả của trường « thực nghiệm luận lý » với những tên như Bertrand Russell, Charles A. Fritz, Rudolf Carnap v.v... cho nên nó cũng không mới gì.

(6) Nếu công nhận những kết quả của trường thực nghiệm luận lý vừa nói, ta sẽ coi nghệ thuật chính là triết lý và ngược lại. Triết học, quả vậy, chẳng qua chỉ là một « lối cảm » về đời sống, cho nên còn lối cảm nào nhiệm màu hơn thi ca ? Có nhiên ta cần phải gạt bỏ mọi « hệ thống » khi nói tới một lối cảm siêu hình như vậy.

(7) Bản về *Chants de Maldoror*, Breton nói : « On sait maintenant que la poésie doit mener quelque part... Il rôde actuellement par le monde quelques individus pour qui l'art, par exemple, a cessé d'être une fin ». Xem « *Les Pas Perdus* », tr. 184.

thức, hay giai cấp văn nghệ sĩ (8), nhưng là một phương tiện nhận thức của tất cả đề cảm thông với thiên nhiên, với nhân loại, với vũ trụ. Thi ca, nói như Tristan Tzara, là hành động, là một lối sống, một đường sống (9). Bài tính đồ siêu hình, nói khác đi, chỉ có một lối giải độc nhất: nghệ thuật. Nói như Péret, thi ca còn là nguồn của mọi tri thức: « *Si l'on recherche la signification originelle de la poésie, aujourd'hui dissimulée sous les milles oripeaux de la société, on constate qu'elle est le véritable souffle de l'homme, la source de toute connaissance...* » (10). Nói như Eluard, nó là một dụng cụ để chinh phục cũng như để bảo vệ (11). Nghệ thuật trắng còn dẫn ta tới « phía bên kia » của cuộc đời, qua trung gian của một hiện tượng rực rỡ: Huyền Diệu (*le merveilleux*).

Bởi vậy không lạ gì mà thi ca có tính cách thần bí: thần bí đây, tôi phải vội vã thêm, không có nghĩa gạt bỏ cuộc sống ra ngoài lề. Cuộc sống chính là điều kiện cần thiết độc nhất cho thi ca, cho Huyền Diệu. Bản chất của Huyền Diệu ra sao?

Huyền Diệu là sản phẩm tất yếu của trí tưởng tượng, vị thần đầy đủ quyền nghi đã choán ngôi của lý trí. Huyền Diệu còn là kết quả của ảo giác (*hallucination*), của hỗn loạn thần kinh được phơi bày qua phương pháp phân tâm của Freud (12). Bởi vậy những nhà thương điên không còn một lý do nào để tồn tại nữa. Tình trạng hôn mê điên loạn của một cá nhân cũng là một hành vi nhân loại chính đáng, hợp luận lý như mọi hành vi khác, tại sao người ta dám chà đạp sự phát triển tự do ấy của con người? (13). Trong một cuộc đời cụ thể mà tôi công nhận, sự phân biệt giữa « bình thường » và « dị thường » hay « bất thường » không có một nghĩa nào quan trọng đến độ cho phép tôi gạt bỏ một và giữ lại một. Điên và tỉnh, mộng và thực là những hình thái cần và đủ cho một cuộc đời cụ thể. Hơn nữa giữa thời đại tù ngục này con người chỉ hoàn toàn tự do trong khi điên, trong khi thần kinh thác loạn, trong khi ngủ: thì sự ca ngợi mộng và điên và say, sự đưa thành phần vô thức lên ngôi phải là những ám ảnh chính đáng của nghệ thuật hôm nay. Chính có thể chỉ khi điên hay say mà ta mới với tới được Huyền Diệu phải chăng? Mộng và mơ là nguồn cảm thông độc nhất giữa người và người là thế đó (14).

(8) Lautréamont: « La poésie doit être faite par tous, non par un ».

(9) Xem « Essai sur la situation de la poésie » trong « Le Surréalisme au service de la révolution », IV, 15.

(10) Xem « Le Déshonneur des poètes » tr. 120.

(11) Xem « Donner à voir », tr. 85.

(12) Breton và Eluard công nhận đã tìm thấy nó trong « L'Immaculée Conception ».

(13) Breton đòi thả mọi người điên ra khỏi nhà thương theo tôi rất chính đáng: « Tous ces actes individuels sont antisociaux. Les fous sont les victimes individuelles par excellence de la dictature sociale; au nom de cette individualité qui est le propre de l'homme, nous réclamons qu'on libère ces forçats de la sensibilité ». Xem « Lettre aux médecins-chefs des asiles de fous », trong La Révolution Surréaliste, 15-4-1925, III, 29.

(14) Xem Breton, « La Grande Actualité Poétique », trong Minotaure, (Th. 12, 1931), VI, 6.

Vì vậy nghệ thuật trắng chủ trương một cách làm nghệ thuật đặc biệt hơn : « sáng tác tự động » và dùng tài liệu thuần bằng hình ảnh. Sáng tác tự động, chẳng hạn trong thi ca hay tản văn, có nghĩa viết dưới ảnh hưởng nào đó; hoặc trong một trạng thái tâm hồn hết sức thụ động (15), không viện đến lý trí, để nguyên cho những dòng suối ý tưởng và hình ảnh chảy tràn xuống mặt giấy, không cần sửa chữa. Nghệ thuật trắng không đòi hỏi một tác phẩm tất hữu phải có nghĩa hay không có nghĩa, *a priori*. Sự có nghĩa hay không, không thành vấn đề. Trong tình trạng tranh tối tranh sáng ấy của vô thức, những tâm trạng thầm kín sẽ tự ý xuất phát : hoặc là phản nộ, u uất, cuồng nhiệt, hoặc là bình yên, thoải mái, nhiệm mầu. Cho nên bắt buộc một tác phẩm nghệ thuật phải có « ý nghĩa » tức là đã đầu hàng lý trí, tức là đã phản bội nghệ thuật.

Còn hình ảnh ? Nó là kết quả bất ngờ của sự liên kết bất cứ giữa hai, ba... sự vật hay sự kiện khác nhau. Nó chỉ là một kết quả mong manh vượt mọi giác quan, mọi giải thích luận lý, nó không tương ứng với một sự vật nào trong thực tại. Nó là nước chảy xuôi qua kẽ ngón tay, nó không định nghĩa được. Chính vì vậy mà nó thần bí, thần bí nên nó đẹp, nên nó là nghệ thuật : *« Une telle beauté ne pourra se dégager que du sentiment poignant de la chose révélée, que de la certitude intégrale procurée par l'éruption d'une solution qui, en raison de sa nature même, ne pouvait nous parvenir par les voies logiques ordinaires »* (16). Hơn thế nữa : *« Le merveilleux est toujours beau, n'importe quel merveilleux qui est beau, il n'y a même que le merveilleux qui soit beau »* (17).

Nhưng nghệ thuật trắng không chủ trương sự độc tôn của vai trò vô thức, bởi như vậy Huyền Diệu tất yếu sẽ là một cách đào ngũ khỏi cuộc đời cụ thể, một cách đào ngũ ảo tưởng loại Chestov, hay loại lãng mạn Đức. Một chủ nghĩa duy tâm không có đất đứng trong nghệ thuật trắng. Đứng hơn, phải nhắc lại, nghệ thuật trắng là một hành động trực tiếp đi thẳng vào trọng tâm của thế giới hiện thực (mà vẫn « phản hiện thực » — cái hiện thực nước ốc kiểu Anatole France, hoặc cái « hiện thực xã hội » xàm xỡ của bọn mác-xít) ; nó bắt nguồn từ mọi khía cạnh, mộng và thực, điên và tỉnh của cuộc đời (18).

Nghệ thuật hôm nay còn được biểu tỏ mãnh liệt trong tình yêu ngọt ngào của xác thịt, hay « tình điên ». Dục tình, như có người đã nói trên mặt báo này, là động lực độc nhất của thế giới. Trong *Amour Fou*, Breton cho rằng đứng trước một tác phẩm nghệ thuật, ông kinh

(15) Xem Premier Manifeste.

(16) Breton, *Amour Fou*, tr. 20-21.

(17) Id. Premier Manifeste, tr. 29.

(18) Cf. Breton : « Le poète à venir surmontera l'idée déprimante du divorce irréparable de l'action et du rêve... Il maintiendra coûte que coûte en présence les deux termes du rapport humain par la destruction duquel les conquêtes les plus précieuses deviendraient instantanément lettre morte ». *Vases communicants*, tr. 171.

nghiệm được một cảm xúc giống hết như cảm xúc tình dâm (*émotion érotique*) : « *La beauté convulsive sera érotique-voilée* » (trang 26). Một *conducteur* nổi tiếng một đêm điều khiển tập « *Tristan und Isolde* » (Wagner) đã xuất tình giữa đêm nhạc. Đọc *Chants de Maldoror* hay *Ulysses* (James Joyce) hay phần lớn những tác phẩm của D. H. Lawrence, ai mà không cảm thấy vật dục mình xao xuyến, một thứ xao xuyến rất nghệ thuật, rất siêu thực, rất trắng, rất tinh khôi ? Hoặc đọc *Capitale de la douleur*, ai mà không thấy qua những chập chùng biến hiện của mộng và thực, một ám ảnh dục tình ngất ngư vô cùng đau đớn, vô cùng thể thiết của nghệ thuật trắng ? Nói rằng nghệ thuật hôm nay lại tìm thấy được cái « *masochisme* » huy hoàng của thi ca Đức cũng không phải là ngoa ngôn : thí dụ những tác phẩm mới đây ở Mỹ như « *Suddenly Last Summer* » của T. Williams, ở Anh như *Justine*, *Balthazar* và nhất là *Mountolive* (tất cả của Durrell). Một đồ đệ của Breton là Sarane Alexandrian đã viết :

« *Je crois à la possibilité pour une poignée d'hommes de faire entendre dans la seconde partie de ce siècle maudit le grand cri lyrique de l'amour et d'inaugurer un culte de la femme si profondément mystique et charnel qu'il fera pâlir à jamais l'étoile des troubadours* » (19).

Có lẽ lời tiên đoán này đang được thực hiện dần. Cho nên nghệ thuật trắng có coi Sade, Freud, Hồ Xuân Hương, Vũ Trọng Phụng là thần tượng cũng không có gì quá đáng.

Nghệ thuật hôm nay còn thể hiện trong loại « trào phúng đen » (*humour noir*) : một mối trả thù số phận thích đáng nhất, một lối thoát, một giải pháp chính đáng bởi chính nó từ chối mọi lối thoát, mọi giải pháp. Không như cái trào lộng mỉa mai còi cụt của trường lãng mạn Đức bắt nguồn từ sự thất bại trong cuộc phiêu lưu siêu hình, trào phúng đen có hình thái tích cực và hoạt động hơn : nó hướng đến những mâu thuẫn trào lộng vô cùng « macabre » : nó là một loại « cười đen » đó vậy. Đó là cái cười của Vaché, bạn thân Breton trong *Les Pas Perdus*, của Jarry trong *Surmâle*.

Từ vấn đề trào lộng ấy, nảy ra một câu hỏi thúc bách hơn : người làm nghệ thuật hôm nay có bắt buộc phải « nhập thể » hay không ? Sống trong cái thế trên đe dưới búa, một bên là tự do tuyệt đối cá nhân, một bên là áp lực chính đảng, người làm nghệ thuật phải làm gì ? Trả lời : không một giải pháp chính trị nào thích ứng với nghệ thuật ráo. Nghệ thuật trắng tất yếu sẽ phải là hư vô. Nhưng có « phi nhân đạo » hay không, là điều ta còn phải bàn xét rất nhiều. Có lẽ chỉ có thể nói : dưới đôi mắt một dã thú, một đôi mắt còn tinh khôi, thì vấn đề « nhân đạo » hay « bất nhân » không được đặt ra, và mọi thứ đều được phép. Tuy nhiên người làm nghệ

(19) Xem « *Amour, Révolte et Poésie* » trong « *Le Surréalisme en 1947* », tr. 101.

thuật, như có người đã nói, không chủ ở trả lời, mà chính là một « kẻ nhìn » (« voyant ») một « écho sonore », một « appareil enregistreur ».

Tóm lại, nghệ thuật trắng mong muốn tìm trả lại cho con người một tự do tuyệt đối, một trí tưởng tượng làm vua thay thế cái ngai vàng đã sâu mọt của lý trí, dắt tay con người trong cuộc phiêu lưu siêu hình đi tìm Huyền Diệu ở ngay giữa trung tâm đời sống cụ thể, ngợi ca mọi phát triển tự do của tâm hồn điên loạn, của thành phần vô thức huy hoàng trong giấc ngủ. Nghệ thuật trắng là một lối nhìn hoang sơ nhất, trình khiết nhất và do đó cũng ghê gớm nhất. Nó chính là siêu thực đơn và thuần vậy, và phải thẳng thắn nhận định như thế.

thạch chương

NGUYỄN SỸ TẾ

chết trong tâm hồn

Gửi Những Người Tình đau-khổ trên thế-gian

Ba-lê ngày 15-10-1954

Mẹ thân yêu của con,

Thế là vừa tám năm trời con mới lại bắt được liên lạc với Mẹ. Tám năm trời của một cuộc chiến-tranh phi-lý đã giết hại bao sinh linh, gieo bao tang tóc. Có lúc thất vọng hoàn toàn, con đã tưởng chừng chỉ còn mong gặp mẹ ở thế giới bên kia. Lá thư của Mẹ đến bất ngờ đã trả con lại cho cuộc sống.

Liên tiếp mấy năm trước đây, cô Hạnh chủ Quân có gửi rất nhiều thư tin về quê hương qua cả hai bên mặt trận mà tuyệt nhiên chẳng nhận được một tin tức nhỏ nào của Mẹ, của gia đình ta. Người ta đồ chừng những việc không lành xảy ra. Con buồn rầu đến khô héo.

Con tưởng chừng như vừa qua một giấc mơ Mẹ ạ, một giấc mơ bất tận, đầy đau-vết nơi lòng. Đến bao giờ con mới được cái hạnh phúc gặp tay của con? Làm sao con nói hết được những điều đè nặng xúc cảm con trong bấy lâu nay? Tám năm khổ ải, chia lìa có lẽ đã làm già yếu người Mẹ yêu-đầu của con lắm rồi? Con mong tóc Mẹ chưa bạc và mắt Mẹ mãi mãi sáng niềm thương ấp-ủ con như hồi tấm bé!

Mẹ có thể tưởng tượng người con gái độc nhất của Mẹ bây giờ như thế nào không nhỉ? Con chỉ có mọc theo chiều dài thôi. Con vẫn gầy và xanh. Đôi mắt con sâu buồn. Bạn bè con mơ ước cái sắc đẹp Đông phương của con.

Hãy tha thứ cho con cái tội nói dông dài không thứ tự, cũng như con tha tội cho Mẹ đã nhấn tâm ấn con lên phi cơ mùa đông năm nào ở phi trường — phi trường Gialam đấy mẹ nhỉ? Trời ơi, con quên gần

hết mọi ý niệm về quê hương rồi chắc. Với một đứa trẻ lên chín tuổi phải rời bỏ gia-đình thì điều đó đáng thương hay đáng trách? Con nghĩ rằng đáng thương, Mẹ ạ.

Tuy nhiên, Mẹ đừng lo và đừng khổ-tâm vô-ích. Những gì về Mẹ, về Cha, về ba chúng ta con nhớ chẳng thiếu một điều. Con nhớ Cha xưa ưa đọc sách và gõ trên cây đàn dương cầm của người. Không mấy khi người ta thấy Cha ra ngoài. Những lúc rỗi rãi, người dạy con đánh vần tiếng Pháp trong một cuốn sách đầy tranh ảnh. Cha chưa hề đánh con một lần nào thì phải. Nhiều khi con thấy người nói một mình: « Con ơi, con là một đứa con gái đáng thương! » Lúc đó con chẳng hiểu gì cả.

Con đã suy nghĩ tám năm nay về cái chết của Cha để rút cục vẫn không thể hiểu nổi làm sao một người sinh ra để yêu thương lại có thể đột ngột qua đời như thế. Cha mất vào một chiều mùa đông u-ám, con nhớ thế. Một năm trước khi con sang đây. Mẹ mặc bộ đồ áo tang trắng thụng, đôi mắt mẹ thâm quầng và sâu hõm. Mẹ đã khóc nhiều đêm lắm phải không Mẹ? Con đã lên tám rồi mà Mẹ vẫn nhất định ôm con trong lòng ngồi trên chiếc xe tay đi theo linh cửu Cha xuống nghĩa địa thành phố. Con nhớ thêm một điều: dường như thành phố của chúng ta lúc ấy đã bắt đầu lộn xộn và cái tang của Mẹ và con qua đi trong con mắt thờ ơ hay lo lắng của chung quanh.

Con xin lỗi Mẹ nếu con đã gọi lại đồng tro tàn có thể làm rầu lòng Mẹ. Nhưng mà đó cũng là nỗi khổ tâm của con. Con cũng đã khóc ròng ba năm khi sang đây phần thương Cha, phần nhớ Mẹ. Con còn sống được cũng là nhờ công chăm sóc của chú Quân, cô Hạnh. Thêm vào đó là cái ý hướng đợi chờ tin Mẹ của con. Mẹ có biết bài thơ « Phải biết đợi chờ » của Aragon không nhỉ? Con thích bài đó có cái ý chí chiến đấu hơn là bài thơ sầu thảm « Nếu một ngày kia chàng trở lại... » của Maeterlinck.

Vậy thì sang bên này con được dạy cấp tốc tiếng Pháp rồi con vào trường Trung học. Chú Quân bảo cái trường nữ trung học của con chưa thơ mộng bằng cái trường nữ trung học Felix Faure nào đó của Mẹ xưa kia. Có thật thế không? Con quên chưa báo cho Mẹ một tin mừng là con đã đỗ Brevet năm ngoái và sang năm thì con đi thi Tú-tài I. Con đã chọn sinh ngữ II là tiếng Việt mà con vẫn dốt về môn học đó quá, có nhục không? Nếu cha còn sống không biết cha nghĩ thế nào về con khi đọc lá thư bằng tiếng Pháp này con gửi về cho Mẹ? Ít nhất người cũng phải bằng lòng rằng con đã khá tiếng Pháp hơn cái hồi chia verbe avoir và verbe être trên đầu gối người!

Trời ơi, con lại lộn xộn rồi! Mẹ có biết hôm nhận được thư Mẹ, cô Hạnh và chú Quân làm sao không? Cô chú gọi con hối-hả vang động cả căn nhà. Chúng tôi ôm nhau khóc trong một phần tư giờ dài. Sau

đó, cô Hạnh cứ chạy quanh phòng mà reo lên :

— Chị tôi còn sống ! Chị tôi còn sống !

Con thì con gục đầu vào ngực chú Quân thẫn thức không biết bao lâu nữa. Sau cùng mỗi người ngồi xuống một cái ghế. Chú Quân kể lể :

— Tôi thương chị ấy vô cùng !

Cô Hạnh đã lấy lại được bình tĩnh :

— Một người đàn bà khổ sở về tình yêu.

— Theo ý tôi, chú Quân nói, sống không đắm say cũng chưa chắc là một điều đáng mong muốn. *Chỉ những vĩ-nhân mới có thể có được những mối tình to lớn.*

— Mà cái bà ấy cũng lặn thẳm vô cùng — cô Hạnh tiếp tục cái lý luận của cô — Đi quách với con Nga hồi 46 có phải yên thân đã lâu rồi không ? Bà ấy cứ bo bo về một bóng hình đã khuất. Rồi thì những ý niệm về gia đình, danh dự... hồng cả, lạc hậu cả. Mình lại tự giam mình vào sâu khổ, không hơn không kém.

Thế ra Cha và Mẹ đã yêu nhau tha thiết lắm nhỉ. Chẳng biết rằng con có được cái diễm phúc của Mẹ không ? Con không ích kỷ đấy chứ Mẹ ? Người ta bảo yêu là đau khổ có đúng không ? Con mừng cho Cha nhưng con thương hại Mẹ ngàn lần !

Cùng với lá thư của con này, chú Quân có gửi điện tín về cho Mẹ biết tin và mời Mẹ sang cùng ở bên đây hoặc mãi mãi thì tốt nhất, không thì cũng một vài năm cho khuây khỏa nỗi buồn. Theo cô chú nói thì gia đình họ nội con cũng đông người, ông bà có nhiều các chú các thím và các cháu cũng đã lớn cả. Sự hiện diện của Mẹ ở đó thật là không cần thiết chút nào.

Mẹ hãy nghĩ rằng khi nhận được tin Mẹ con nóng lòng muốn bay về ngay Saigon với Mẹ. Cô chú phải giở dành mãi con mới chịu bỏ cái đòi hỏi ấy mà đi sửa soạn sách vở vào trường. Niên học lại bắt đầu rồi Mẹ ạ.

Mùa thu Paris buồn lắm. Mùa thu tha hương con vắng mẹ lại buồn hơn. Con gọi mẹ từ đây, từ thủ-đô nước Pháp !

Người con gái nhỏ bé yêu mẹ,
NGA.

Ba-lê ngày 20-11-1954

Mẹ thân yêu của con,

Lá thư của Mẹ đã làm con thất vọng hoàn toàn. Thế là Mẹ nhất định không ra đi ? Mẹ viện ra thôi thì đủ mọi nguyên-cớ : nào Mẹ còn có nhiều công việc phải làm ở quê hương, nhất là lập lại cái cơ sở

buôn bán cũ ; nào Mẹ sức lực đã yếu kém không kham nổi một cuộc viễn du dầu bằng máy bay, hơn nữa một cuộc đi xa như thế là một việc tiêu tiền tốn phí vô ích ; nào Mẹ yếu chịu rét và lo sợ cho lá phổi của Mẹ khi sang ở bên này... Trời ơi, với non 40 tuổi đầu, Mẹ đã già yếu lắm rồi sao ? Con thương hại Mẹ quá !

Có lúc con đã nghĩ tình yêu con của Mẹ chưa đủ sức-mạnh để kéo Mẹ lại gần con. Con xin lỗi đã dám nghĩ ngờ lòng Mẹ.

Trong thư Mẹ có dặn con phải chăm chỉ học hành, mọi việc khác để Mẹ lo liệu. Đó là ý nguyện của Mẹ và cũng là ý nguyện của Cha. Con hối hận vô cùng nếu đã làm rầu lòng Mẹ. Bây giờ, con mới được biết một điều bí mật. Hóa ra ngày sắp xảy ra chiến sự ở quê nhà, mẹ gửi con sang đây là theo ý nguyện của Cha dang dở lại ? Con biết Mẹ đã đau lòng đứt ruột khi phải lìa con năm đó. Sao Mẹ không đi luôn theo cùng con ? Mẹ tưởng chiến tranh không quá kéo dài ư ? Hay là Mẹ muốn ở lại ít nhất cũng cho đến lúc mãn tang cha ? Và thế là cuộc đời xoay chiều đổi hướng !...

Mẹ ạ, hàng năm ở bên đây cô Hạnh và chú Quân vẫn làm lễ giỗ Cha, chắc là để chiều lòng Mẹ và lòng con mà Cô Chú xót thương vô cùng. Mùa đông chúng tôi quây quần bên lò sưởi. Cô Chú cũng nhắc nhở chuyện quê hương. Giữa hai ly rượu, một lần, chú Quân nói :

— Phải công nhận rằng Ba con Nga là một người hiền-lành và can-đảm. Có điều cái đại gia-đình của ông ta thì thật là « khó tiêu ».

Con có hỏi lại « khó tiêu » là thế nào, nhưng chú nhất định không nói nữa. Gia đình, nhất là gia đình Việt-Nam, chắc có nhiều chuyện phức tạp lắm Mẹ nhỉ ? Nếu thế thì lấy chồng chưa chắc đã là một hạnh phúc, ngoại trừ khi người ta yêu. Con sợ tình yêu vì thế.

Con phải nhắc lại với Mẹ điều đã ước hẹn ấy : con đỗ xong Tú-tài thì, một là Mẹ sang ở với con, hai là con về ở với Mẹ. Nhưng không thể nào để chậm trễ hơn nữa sự họp mặt của đôi Mẹ con ta.

Con đã đi học, cũng gọi là đều đặn. Công việc đầu năm chưa làm con bận rộn mấy. Mẹ nhớ gửi cho con thật nhiều bức ảnh khác nhé. Cô Hạnh bảo Mẹ vẫn còn đẹp như xưa tuy có hơi buồn. Bạn bè của con nói con giống Mẹ lắm nhất là trong cái nét u-sầu Đông phương ấy. Đặc biệt François tấm tắc khen ngợi con rồi cao giọng mơ màng một ngày kia anh sẽ tìm đến bến bờ Đông phương nơi xảy ra những chuyện thần tiên hằng ngày, nơi có những cảnh đẹp như tranh và người dân hiền hòa như hoa cỏ.

Thôi, con phải dừng bút kéo Mẹ lại trách con là quá nghĩ tới gia đình quên cả học hành. Nhưng mà Mẹ cấm đoán con viết thư thì ác lắm đó.

Người con gái yêu dấu Mẹ nhiều,
NGA.

đầu tiên con đi chơi tập-đoàn như thế. Vui quá Mẹ ạ. Chúng con ca hát, chạy nhảy, tắm nước suối, sửa soạn lấy bữa ăn... mãi đến chiều mới về. François và Marie vẫn ân cần săn sóc con như thường lệ. Con thấy con yêu đời và yêu Mẹ lắm. Chắc xưa kia Cha và Mẹ cũng có thời thơ mộng lắm đấy nhỉ. Mẹ đừng chối, chú Quân và cô Hạnh bảo con thế!

Ba-lê ngày 3-7-1955

Mẹ thân yêu của con,

Mẹ đừng vội mắng con nhé. Đấy Mẹ xem con đã đỗ Tú-tài. Mẹ nhận được điện tin rồi chứ? Thế là chỉ còn một năm nữa, xong cái phần II, con sẽ được xum họp cùng Mẹ. Mẹ phải nhớ lời ước hẹn đấy nhé! Có lẽ con sẽ theo Y-khoa hay Dược-khoa ở Saigon cũng được nếu mẹ muốn.

Mẹ cho phép con đi chơi Thụy-sĩ với các bạn bè của con nhé. Con chưa đi khỏi Ba-lê bao giờ Mẹ ạ. Con thèm khát không gian rộng lắm.

Cho con gửi lời cảm ơn anh Trác về lá thư nhận được. Con sẽ trả lời anh từ Thụy-sĩ.

Ba-lê ngày 20-10-1955

Mẹ thân yêu của con,

Không hiểu làm sao con lại cứ thích viết thư về tháng mười? Có lẽ mùa thu buồn thích hợp với tâm hồn cô độc của con chăng?

Lại đầu niên học rồi mà con chưa thấy có hứng thú làm việc. Mẹ hãy thương con, thương tâm-hồn trống trải của con.

Ba-lê ngày 26-4-1956

Mẹ thân yêu của con,

Đã lâu con mới lại gửi thư đấy nhỉ. Phần vì con bận học, phần vì con năm nay cũng thấy sức khỏe kém đi không hăng hái làm việc được như năm qua. Thế rồi con sinh ra suy nghĩ vơ vẩn không đầu. Mùa xuân đến vẫn chẳng đem lại điều gì tốt lành cho con. Con thấy chán luôn cả bạn bè nữa.

Cảm ơn Mẹ đã gửi sâm và nhung cho con. Cảm ơn anh Trác về những lời thăm hỏi đầy cảm tình của anh.

T.B.— Mẹ cho con gửi lời thăm Ông Bà, các chú thím, các anh chị. Con gửi lời thăm anh Trác và cảm ơn anh ấy về bức ảnh đã gửi cho con. Trông anh ấy ăn mặc quân-phục kháng-chiến ngộ đấy chứ ! Anh ấy cũng vào Saigon ư ? Sao thế nhỉ ?

Ba-lê ngày 5-1-1955

Mẹ thân yêu của con,

Cho con cảm ơn Mẹ về lá thư mới đây. Mẹ cho con biết được nhiều điều bổ ích về yêu Mẹ và yêu quê-hương xứ-sở hơn.

Kề ra anh Trác cũng đáng thương đấy Mẹ nhỉ ? Di mất sớm anh phải lập thân một mình. Anh có lập được nhiều chiến công không ? Thế mà cuối cùng anh vẫn bỏ ra đi được kề cũng đáng phục thật ! Bây giờ thì con nhớ ra rồi. Anh là bạn chơi của con từ hồi con mới biết đi ở đằng nhà ông bà ngoại. Anh vẫn nhắc nhở đến con luôn ư Mẹ ? Mẹ đã trao cho anh cái ảnh con tặng chưa ? Sao Mẹ không cho anh về ở đằng nhà ?

Ba-lê ngày 10-3-1955

Mẹ thân yêu của con,

Năm nay mới thực là con được ăn tết Nguyên Đán. Chú Quân và cô Hạnh tự tay gói bánh chưng và bó giò. Lại còn nhiều mứt bánh nữa. Bạn bè của con đến chơi đông. Marie tặng con một cái trâm cài đầu. Còn François chẳng biết kiếm đâu được bánh pháo đem đến đốt. Nghe chừng chú Quân và François hợp ý nhau lắm.

Con có gửi rất nhiều thiệp chúc tết về cho Mẹ, ông bà, chú thím, anh chị... Cho cậu gửi lời cảm ơn anh Trác về món quà anh gửi tặng con. Anh đã giỏi về khoa sinh ngữ chưa ?

Ba-lê ngày 12-5-1955

Mẹ thân yêu của con,

Thế là đã qua rồi cả một mùa đông giá lạnh. Xuân đã về từ lâu với kinh thành của con. Những ngày lễ, người ta nhộn nhịp rủ nhau rời bỏ thành phố về thiên nhiên cao rộng.

Vậy thì, sau nhiều tuần lễ giam thân trong phòng học sửa soạn cho kỳ thi tháng tới, cách đây mấy hôm, theo lời khuyên nhủ của chú Quân, cô Hạnh, con cùng một số bạn bè trai gái về đồng quê chơi. Lần

nhất cho nỗi vui mừng của con. Cho nên, trước hết, con dám xin Mẹ không nên quá suy nghĩ về mối sầu riêng của Mẹ, có lẽ mối thất vọng của Mẹ nữa. Mẹ hãy nghĩ tới con gái Mẹ, người con gái lúc nào cũng yêu Mẹ mỗi ngày một hơn. Mẹ hãy nghĩ rằng đó là hạnh phúc của con. Mẹ hãy nghĩ rằng cả hai chúng con sắp sung sướng vô cùng.

Mẹ thấy đó, chúng con sẽ có những bước đầu rất khó khăn. Chúng con còn trẻ quá, mà chúng con lại không giàu, phải nói không giàu một chút nào cả. Lại còn gia-đình chàng nữa, cũng không phải là dễ. Mẹ ơi, Mẹ có đến giúp đỡ cho con, cho anh ấy, cho chúng con không?

Con thì vẫn nghĩ rằng giả thử tình yêu con của Mẹ chưa đủ sức mạnh để Mẹ vượt qua những cản trở trên đây, một ngày kia Mẹ cũng thấy rõ rằng đó là hạnh phúc của con và mặc dầu biển cả, tháng năm và cuộc đời dường như chia lìa Mẹ và con, mặc dầu tất cả mọi điều, con vẫn mãi mãi là người con yêu dấu của Mẹ.

François yêu con lắm Mẹ ạ. Hết tháng này qua tháng khác, con chỉ thấy tình yêu thương và niềm trung thành của anh ấy đối với con càng tăng lên mà thôi. Con tin chắc rằng anh có thể mang lại hạnh phúc cho con được. Và đó cũng là điều Mẹ mong muốn hơn cả, phải không Mẹ?

Mẹ thân yêu, dầu Mẹ thương con hay Mẹ phản đối cuộc hôn nhân này, xin Mẹ đừng nói gì cả với cô Hạnh và chú Quân. Cô chú không có dính dáng gì đến truyện ấy của con cả. Con kính yêu Cô Chú như Cha Mẹ, nhưng mà con muốn có ý kiến của Mẹ trước đã, và hơn nữa con muốn giả riêng Mẹ và con giải quyết vấn đề với nhau cũng được.

Vâng thưa Mẹ, đó là mối tình đầu, mối tình độc nhất mà con vẫn ấp ủ lâu nay cho một mình con, chẳng một ai hay biết cả. Chúng con đã thỏa thuận với nhau rồi: chúng con sẽ lấy nhau trước lễ Giáng-Sinh. Bây giờ thì con đang sửa soạn vào trường Đại-học, nhưng mà tuần lễ sau thì con có đủ thời giờ rồi rảnh đi tìm kiếm một căn buồng để an bài hạnh phúc mới tinh của chúng con vào đó. Con cảm thấy có sức lực và can đảm để nhắc bông núi non, khuấy động đất trời. Con biết rằng ở trên đời, gặp được một người con trai ý hợp tâm đầu, yêu mình và sinh ra để mang lại hạnh phúc cho mình là một điều hiếm hoi rất đáng mong ước. Con sẽ chẳng để cho sự may mắn lọt qua tay; điều đó sẽ là một điều xuân ngốc khi mà cuộc đời hiển dăng ta trong gang tấc.

Con vui mừng quá quên chưa nói rõ ràng hơn về François đấy Mẹ nhỉ? Anh vừa đi làm vừa theo Đại-học. Lương anh có thể đủ để nuôi một gia đình hai người, hai người yêu nhau và sống giản dị bên nhau. Anh cao lớn, 1 thước 75 cơ mà, chẳng dẫu gì Mẹ. Nếu Mẹ cho phép con sẽ gửi một chiếc ảnh nhỏ của anh ấy khi con lấy được ở anh.

Ba-lê ngày 10-7-1956

Mẹ thân yêu của con,

Con thi đậu Tú tài năm nay thật là chật vật. Niềm an vui lấy lại được ở lúc cuối cùng đã giúp con qua khỏi kỳ thi một cách may mắn lạ thường.

Và bây giờ thì con là người sung sướng nhất đời rồi. Lại càng sung sướng thấy Mẹ đã quá thương con mà thay đổi ý kiến. Thế là con được phép ở lại bên này học Đại-học cho đến lúc « thành tài » như Mẹ nói. Và chừng nào khi thu xếp công việc buôn bán xong thì Mẹ sẽ sang ở với con ít lâu, phải không Mẹ ?

Năm nay con và bạn bè tổ chức đi Y-pha-nho, xứ của Tinh yêu và Ánh sáng. Cho nó thay đổi khung cảnh Mẹ ạ. Con không thích Thụy-sĩ với mặt nước hồ u-buồn trong sương chiều chỉ nhắc nhở cho con những kỷ-niệm buồn.

François gửi lời thăm Mẹ.

Ba-lê ngày 15-9-1956

Mẹ thân yêu của con,

Kỳ nghỉ hè vừa qua đã đem lại sức khỏe hoàn toàn cho con. Con thấy yêu đời hơn và bắt đầu chạy nhảy ở Ba-lê.

Xưa kia Cha và Mẹ lấy nhau trong trường hợp và những điều kiện nào nhỉ ? Chắc là vui vẻ và đang hoàng lâm phải không ? Thế nào mà Cha chẳng giúp ý kiến Mẹ khi chọn màu áo cưới ?

Có lẽ con phải hỏi Mẹ một điều quan trọng.

Ba-lê ngày 21-10-1956

Mẹ thân yêu của con.

Hôm nay con viết thư cho mẹ lòng tràn ngập vui mừng. Con xin cung kính báo tin mẹ nay về cái biến cố sung sướng nhất trong đời con : con sắp lấy chồng. Anh ấy là người Pháp, anh François mà con đã có dịp nói đến trong mấy lá thư trước. Chúng con quen nhau cách đây đã lâu lắm rồi. Sau khi đã suy nghĩ kỹ càng, sau khi đã thử thách lòng nhau, chúng con thấy vô ích nếu đợi chờ thêm nữa. Mẹ biết chúng con yêu nhau tha thiết đến mực nào mới dám đem trọn vẹn lương tri mà quyết định một điều nghiêm trọng và kỳ thú nhường ấy.

Con biết rằng mẹ sẽ chẳng vui mừng gì về cuộc hôn phối này, lý-do chính là quốc tịch anh ta và quốc tịch con. Đó là đám mây u-âm độc-

Ba - lè ngày 10-5-1957

Mẹ thân yêu của con,

Lẽ ra con chẳng nên viết những giòng này gửi Mẹ. Chú Quân chắc cũng đã báo tin Mẹ hay cái quyết định trở về của con. Con còn biết nói làm sao sau bao lời thăm thương của Mẹ trong nhiều lá thư liên tiếp Mẹ gửi con mùa đông năm ngoái ? Thôi thế cũng là xong, mọi sự đã xảy ra riêng giữa Mẹ và con, không một ai hay biết, kể cả chú Quân và cô Hạnh.

Con chỉ hơi ân hận một điều là Mẹ đã cho con biết quá muộn một bí mật đau lòng. Bây giờ con mới hiểu lời chú Quân phản nản nửa chừng hôm nào nhân ngày giỗ Cha ở đây : Gia đình Cha con đã phản đối kịch liệt cuộc hôn nhân giữa Cha và Mẹ vì cho rằng Mẹ thuộc một gia đình không đứng đắn, trong nhà có người lấy chồng Pháp và ý nguyện hằng cửu của Mẹ là quyết tâm chứng tỏ điều ngược lại, nghĩ rằng điều đó sẽ rửa được hận sâu của Cha con.

Con không ngờ một chuyện bình thường và riêng rẽ của con mà đụng chạm tới bao người và gây bao thảm kịch. François đã xin tình nguyện sang chiến dịch Algérie và chết mất xác ở bên đó. Mẹ hãy nguyện cầu cho linh hồn người đã khuất. Anh Trác cũng bỏ đi biệt tích rồi sao, tội nghiệp cho ông anh con bà di quá !

Con hãy giờ như người đã chết, chết trong tâm hồn, chết giữa xuân đời và xuân Paris. Con ngán thành phố của con lắm rồi. Con chẳng biết oán trách ai, ngoại trừ oán trách số mệnh. Mà về quê con cũng chẳng biết còn giúp ích được gì cho Mẹ, cho gia đình.

Con đã bỏ học nghĩ rằng chẳng còn ước mong chi nữa. Con sẽ có mặt trong gia đình trước mùa hè.

Người con gái đau khổ của Mẹ,
NGA.

Câu chuyện của Nga là thế. Nó khỏi cần bình luận. Nó thừa sáng tỏ qua những lá thư và những mẫu thư trong tập thư dày của nàng mà tôi lựa dịch hầu các ngài trên đây. Cũng sẽ thừa chẳng khi tôi báo với các ngài cái tin sau chót này : Chuyến ấy Nga trở về Saigon bằng đường thủy ; con tàu cũ kỹ chở Nga về quê hương trúng thủy-lôi còn rớt lại từ thời chiến tranh đã nổ tung và chìm ngấm ngoài khơi Ấn-độ-dương.

nguyễn sỹ tế

Đám cưới của con sẽ như thế nào ư ? Một cuộc lễ thanh đạm ở tòa thị-sảnh, rồi thì chẳng có gì nữa, hay chẳng có gì kèn càng nữa. Tám vài Mẹ gửi cho con sẽ đem nhờ một người may thành một chiếc áo cưới tuyệt đẹp. Tất nhiên hôm cưới con ăn mặc quốc phục. Con tha thiết với điều đó lắm. Đề cho mỗi người biết rằng con là một người Việt-Nam và con quyết tâm không chịu nhân nhượng gì về sắc thái của Tổ quốc con. Nếu như Tinh-yêu đã có những thâm tính diệu kỳ nối kết hai dân tộc, của François và của con, con vẫn yêu Tổ-quốc, yêu Quê hương, yêu Gia-đình, yêu Mẹ... như không hề có chuyện gì xảy ra. Bây giờ là mùa thu ở Paris. Lá mang một màu vàng chói mà ở xứ nhà không có. Đây là dịp khai giảng các trường trung-học và mùa thi cho các sinh viên Đại-học. Điều đó cũng làm cho mùa thu thêm buồn mà vẫn chẳng thêm xấu. Con muốn có Mẹ ở kề bên. Con sẽ dẫn Mẹ đi chơi vườn Luxembourg. François sẽ chỉ cho Mẹ xem Paris với mọi công-trình kiến-trúc tuyệt vời. Con tin rằng Mẹ sẽ quý mến François với nét thật thà, ngay thẳng, cử chỉ dịu dàng, ngôn ngữ lịch thiệp của anh. François yêu xã hội người lớn chứ không bạc bẽo như phần đông bọn 20 tuổi bây giờ đâu. Anh lại còn rất say mê trẻ con. Thật là một điều tai hại nếu chúng con không thể có ngay được một hài nhi bây giờ bởi lẽ bước đầu đã khó khăn lại mong ước như thế thì không hợp lý chút nào.

Con xin lỗi Mẹ nếu như lá thư báo tin lấy chồng này của con có quá đột ngột và làm Mẹ phải buồn phiền. Thực ra con mang nặng mối tình đã lâu và vẫn muốn âm thầm chịu đựng, âm thầm giải quyết như Mẹ từng âm thầm chịu đựng cuộc đời. Con dám mong rằng lòng Mẹ khá rộng lớn để xót thương một người con gái bé bỏng của Mẹ. Dầu sao xin Mẹ cũng chớ nên quên rằng đó là niềm vui, đó là hạnh phúc của con. Trước đây có lúc con đã đau khổ và thất vọng đến nỗi sinh ra thù ghét đời quá ác liệt. Bây giờ thì con đã gặp được người của đời con, người đã đem lại cho con lòng tin tưởng ở tương lai, niềm hy vọng trong tình yêu. Vậy nên con van xin Mẹ với tất cả sức lực của tâm hồn, con hãy chấp nhận François như anh đã chấp nhận Mẹ và mọi điều. Xin Mẹ đừng để cho cái ngày sáng lạn nhất của đời làm đàn bà của con lại bị hư-hao khi con nghĩ rằng ở quê nhà Mẹ đã đóng cửa trái tim của Mẹ đối với con cho đến muôn đời.

Trước khi trả lời con, trước khi lá thư của Mẹ mang lại cho con vui mừng hay khổ đau, con thiết tha xin Mẹ hãy cân nhắc từng chữ một của lá thư của con đây. Con mong rằng những lời con cũng gây được một tiếng vang nào nơi lòng Mẹ, bởi lúc nào con cũng là

Người con gái kính yêu Mẹ :
NGA.

T.B.— Con gửi lời vĩnh biệt anh Trác và cảm-tạ tình anh.

KỶ NIỆM QUÁCH THOẠI

Thoại có một giọng đọc thơ đặc biệt trước kia tôi ưa nghe, hôm nay tôi quên hẳn không thể nào lập lại được nữa. Tôi đồng ý với Thoại : *Những người chết đi là chết đi*, rồi một ngày nào chúng tôi, những người còn sống, dần dần quên lãng những kỷ niệm riêng tư về Thoại cũng là tự nhiên. Nhưng lúc ấy, theo ý tôi, người chết chính thực được giải thoát khỏi mọi cùm xích của bề bộn trần thuật, một mình hoàn toàn tự do và cô đơn đến với những kẻ xa lạ chỉ bằng tác phẩm. Đó là giờ phút ước ao, ở đấy hình ảnh thi sĩ chỉ còn tìm thấy được trong tác phẩm của người.

THANH TÂM TUYỀN

Thoại đã chết. Nhưng đời sống vẫn còn đó, đêm vẫn còn đó. Thoại đã làm cho tôi càng cảm thấy đêm là cần thiết cho việc ngó nhìn sự sống. Vì cái ánh sáng đặc biệt của nó có thể cho nhìn thấy nhiều sự thật mà ánh sáng của ban ngày che phủ rồi kín. Như sự sống của thế xác che đậy cái chết của linh hồn.

TRẦN THANH HIỆP

Quách Thoại là một người ưa lý luận đủ mọi vấn đề, tại thi khoa. Khóon một chàng ta có nhiều nét đẹp một cách nghệ thuật chứ không sà si vào như Thanh Tâm Tuyền và ngoại ô như chàng Ngọc Dũng. Tôi nói đẹp nghệ thuật là bởi Thoại có nhiều nét đẹp nghệ thuật của một pho tượng. Nhất là khi chàng ta « đòi rích » thì cái vẻ mặt và mái tóc búi lên rất thi sĩ. Còn khi rừng rặng có tiền thì Thoại lại xấu như một người thường. Hết cái đẹp nghệ thuật. Tôi có nói điều nhận xét này với Thoại thì chàng ta cười bảo : *ta lại muốn mau đòi luôn để cho đẹp thi nguy lắm*.

DUY THANH

Tiếng thơ ấy, tôi nhớ vì như một cái cây, khi nó đã lấy xương tủy máu huyết mình làm phân bón, khi nó đã lớn mạnh vững chắc thì kẻ đó cũng chết.

MAI THẢO

Thoại hay tưởng tượng và bịa những chuyện kỳ lạ để kể cho bạn bè nghe. Thành thử nhiều câu chuyện không biết nó nói thật hay nó bịa, nhiều khi chỉ cốt có chuyện nói cho vui, cho hay lạ hoặc cho câu chuyện có duyên.

LÝ HOÀNG PHONG

Sau khi ở miền núi yê, tôi gặp một người bạn vong niên anh phản nản rằng chỉ vì tham dự đám giỗ hân mà anh bị một số bạn bè dè bida : nào đi lễ một tên lưu manh, này nọ. Tôi cười và anh ấy cũng cười, những người văn nghệ ở đây ít ra ai cũng hơn một lần bị hân xin tiền, nhưng thử hỏi với nghệ thuật họ đã trang trải xong cho hân món nợ lớn về thi ca chưa ? Nguyên cái cuộc đời hỗn nhiên và thực thụ của hân đã là một chứng cứ hùng hồn đáng cho những tâm hồn thành kiến và ti tiểu kia suy nghĩ cũng xét lại thái độ.

HỒ NAM

Những người chúng tôi còn sống vẫn gặp nhau thường ngày, đôi khi nhắc đến cái chết của Thoại. Có thể do một tình cờ nào đó bắt gặp cái dáng dấp quen thuộc của Thoại ở một người khác hay một vài nơi Thoại thường lui tới, chúng tôi mới lại nói về Thoại. Hình ảnh đến chóng vánh và đi qua mau. Câu chuyện — nếu có — chúng tôi cũng chỉ kể như những câu chuyện phiếm vậy. Thoại chết đi chúng tôi vẫn chẳng khác gì, những cuộc gặp gỡ hàng ngày giữa chúng tôi vẫn như hồi còn có một Thoại.

NGỌC DŨNG

thể kỳ này mới

tập san khảo luận sáng tác phê bình văn nghệ

Nguyễn Khắc Hoạch chủ trương

những vấn đề của chúng ta
tập san lý luận văn học chính trị

Thái Lăng Nghiêm chủ trương

đại học
cơ quan nghiên cứu của viện đại học huế

Nguyễn văn Trung chủ trương

hồ thùy dương
tập truyện cổ tích

của Đoàn quốc Sỹ (đã có bản)

HỘP THƯ

ác hạn : Uyên Diên, Cymby, Nguyễn, Nguyễn Khải, Thạch Đông,
Thượng Nhân, Mai vi Phúc, Thẩm toàn Kiều, Mạc T. Phong,
Trần thạch Chương, Dương Trân, Vị An, Diệp dạ Tứ, Phạm
Kiều, Cao hoàng Nhân, Lê hoài Hương, Mộng hoa Huyền,
Phạm văn Đại, Duy Thuyết, Cung hàn Giang, Thế Vinh,
Huỳnh Thu, Như Băng, Anh L., Hoàng Hà, Hoàng Vu,
Triều Thủy, Hải Đạo, Đặng phước Trợ, Thanh Lặc, Minh
Thanh, Châu nhật Thanh, Người thế Kỷ, Mây Ngàn, Thanh
huyền Thảo, Lâm nhật Quỳnh, Ngự, Thủy

Đã nhận được thư và thơ văn. Đang xem. Xin cứ tiếp tục gửi
cho sáng tác mới.

Vô Tuấn : Rất nhiều triển vọng. Đại sáng tác mới.

Thảo Trường : K.D. bỏ những đoạn ~~đó~~. Gửi về cho tôi
những cái mới viết nhất.

Tạ duy Thọ : Đã nhận được thư. Cảm ơn. D.Q.S.

Ô. Phạm uyển Diên : Đã nhận được bài. Công việc ông anh,
rất tiếc không giải quyết được. Mong ông hiểu cho.

on đọc những tác phẩm của NGUYỄN SỸ TÊ

gió cây trút lá
Phân tâm lý tiểu thuyết

hai chàng làm việc nước
Phiên lưu trào lộng tiểu thuyết

BUỔI SÁNG, THỨ HAI,
Sáng tạo tiếp khách : Buổi sáng, thứ hai,
từ 9 đến 12 giờ.
bài không đáng không trả lại bản thảo